

I THÁNG 7 NĂM 1972

BACH KHOA

năm mười sáu

PHẠM VIỆT CHÂU *nghĩ về hình ảnh kết hợp ngày mai của khối Đông-Nam-Á* * VIỆT PHƯƠNG *Trung Cộng và Phi Châu* * TỪ MINH *một chuyện tình của thế kỷ 20* * PHAN DU *sinh dục và tiến hóa* * VÕ QUANG YẾN *vụ án chất DDT* * GEORGES E. GAUTHIER *nghĩ về nghệ thuật của Thái Thanh* * BÌNH NGUYỄN LỘC *danh từ mới của Trung Hoa* * PHẠM VĂN BÌNH *Huế hồi sinh* * NGUYỄN MỘNG GIÁC *trong tầm lửa đạn* * ĐÔNG TRÌNH *lúa chết bên xác người* * ĐỊNH NGUYỄN *em về và mưa* * VŨ HỮU ĐỊNH *mai này* * **SINH HOẠT** *thời sự khoa học * thời sự văn nghệ **

372

MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 361 ĐẾN 372



TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG Chủ nhiệm
HOÀNG MINH TUYNH Chủ bút: LÊ NGỘ CHÂU

Thư ký: TÔN THẮT HÀM Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
Tòa soạn: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO

MỖI SỐ	70đ.
SÁU THÁNG	770đ.
MỘT NĂM	1500đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 200 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí 400 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trương mục 54.262 Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon, Trương mục 27-46, Trung Khu Saigon

GIÁ BIỀU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-ly Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Số 372 ngày 1 - 7 - 1972

PHẠM VIỆT CHÂU từ Hội nghị nhân dân Đông-dương đến Hiệp hội các quốc gia Đ.N.Á. và nghị về hình ảnh kết hợp ngày mai (ý thức Maphilindo).	05
VIỆT PHƯƠNG Trung-Cộng và Phi-Châu.	18
PHAN DU sinh dục và tiến hóa	23
VÕ QUANG YẾN vụ án chất DDT : chống hay chịu thuốc diệt trùng.	31
GEORGES E. GAUTHIER nghị về nghệ thuật của Thái Thanh (THU THỦY dịch).	37
BÌNH NGUYỄN LỘC danh từ mới của Trung-Hoa.	41
PHẠM VĂN BÌNH Huế hồi sinh (bút ký).	43
NGUYỄN MỘNG GIÁC ký sự thời chiến : trong tầm lửa đạn.	51
ĐÔNG TRINH lúa chết bên xác người (thơ).	60
ĐÌNH NGUYỄN em về và mưa (thơ).	61
VŨ HỮU ĐỊNH mai này (thơ).	61
TỪ MINH một chuyện tình thế kỷ 20.	63
SINH HOẠT	78
TỬ DIỆP thời sự khoa học.	
MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ SỐ 361 ĐẾN SỐ 372	81

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật - Saigon
GIÁ : 70\$ Công sở : 140\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 6đ. mỗi số

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Trường Bộ Kinh (Digha Nikàya) tập 3, do T.T. Thích Minh Châu phiên dịch, trong công tác phiên dịch Tam Tạng Pàli do Viện Tăng Thống GHVNTN đề xướng, Nha Tu Thư Viện Đại Học Vạn Hạnh xuất bản và gửi tặng. Sách dày 814 trang Pàli-Việt đối chiếu, gồm 10 kinh, ấn loát công phu. Giá 1.000đ.

— Kinh Dịch với Vũ trụ quan Đông phương của Nguyễn Hữu Lương, do Nha Tuyên úy Phật giáo xuất bản và gửi tặng. Sách dày 574 trang gồm 4 chương (Long đồ, Qui thư, Hà đồ, Lạc thư, Tương quan và 3 phụ lục) biên soạn công phu.

— Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc của Phan Huy Ích, Nguyễn Văn Xuân giới thiệu. Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 200 trang in typo và 30 trang in offset về nguyên thoại chữ Nôm; có những phần: Tiểu sử tác giả, Thoại cũ và Thoại mới, Tác giả tác phẩm, Nguyên thoại bản Huế. Bản đặc biệt. Giá bản thường 250đ. và 300đ. (có thoại chữ Nôm).

— Sinh vật xưa (Căn-bản Cổ sinh-học) của Trần Kim Thạch, Lê Quang Sáng và Lê Thị Đình, do Lửa Thiêng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 420 trang dành cho các lớp Dự bị Cử nhân Vạn Vật học, Sinh học, Địa học... gồm 3 phần chính Cổ thực vật, Cổ động vật không xương sống và Cổ động vật có xương sống, có bản đối

chiếu danh từ Việt-Pháp và rất nhiều hình ảnh. Bản đặc biệt. Giá bản thường 750đ.

— Dầu hỏa miền Nam Việt-nam của Trần Kim Thạch do Lửa Thiêng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 150 trang gồm 11 chương: trình bày nguồn gốc, tính chất, các loại bẫy dầu hỏa, các phương pháp tìm dầu và có dầu hỏa ở Miền Nam không? Có bản đối chiếu thuật-ngữ dầu hỏa cùng rất nhiều hình ảnh. Bản đặc biệt. Giá bản thường 240đ.

— Lột trần Việt ngữ của Bình Nguyên Lộc do Nguồn Xưa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 410 trang, gồm 25 chương, và 10 phụ lục, sưu khảo công phu. Bản đặc biệt. Giá bản thường 550đ.

— Khúc ca mùa thu nguyên tác của Lâm Ngữ Đường, bản dịch của Vi Huyền Đắc, do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 276 trang. Bản dành để tặng.

— Ở một đời riêng truyện dài của Du Tử Lê, do Tân Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 126 trang, có thêm 16 trang Từ điển Việt-nam do Vũ Bằng chủ biên, Nguyễn Đình Vượng thực hiện. Giá nhất định 80đ.

— Túy ca tập thơ của Hoàng Hương Trang do Huyền Trân xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 60 trang gồm 23 bài thơ, trình bày đẹp Bản đặc biệt. Giá 300đ.

— Lưu bút mùa hạ tập thơ của Phan Phụng Thạch do Hạnh Nhơn xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 30 trang gồm 10 bài thơ về kỷ niệm học đường và mùa hạ. Bản đặc biệt.

Ý-THỨC MAPHILINDO

Nỗ lực kết khối Đông-Nam-Á

Từ Hội-nghị nhân-dân Đông-dương đến Hiệp-hội các quốc-gia Đ.N.Á. và nghĩ về hình ảnh kết hợp ngày mai.

Khối Đông-dương của C.S. và Hội-nghị Nhân-dân Đông-dương

Trong cuộc tranh chấp giữa các Đế quốc tại Đông-Nam-Á, Đế-quốc Mỹ đã thành lập được SEATO, mặc dầu chỉ vón vện lôi cuốn nội có hai nước Phi và Thái. Nhưng về phía Đế-quốc Cộng-sản, không một tổ chức nào đã thành lập được đề quy tụ đàn em như kiểu Khối Varsovie ở Đông-Âu. Lý do giản-dị là vì tại ĐNA, ngoài nhà nước Cộng-sản duy nhất ở Bắc-Việt, trên nhiều nước khác, Cộng-sản chỉ mới tới giai-đoạn lập mặt trận đề đấu tranh giành chính quyền. Lý do khác là vì trong cuộc tương tranh Nga và Tàu, chưa bên nào thực sự tạo được ảnh-hưởng độc tôn trong đám Cộng-sản ĐNA. Vì vậy, Cộng-sản Việt, Lào, Kam-pu-chia cũng chẳng có hẳn một nơi vững chắc đề mà bám trụ.

Đã từ lâu, Cộng-sản Việt sử dụng chính sách đi dây giữa Nga và Tàu. Cộng-sản Lào và Kampuchia không bận tâm đến vấn đề đối ngoại vì cứ việc rầm rập đi theo Cộng-sản Việt. Hà-nội luôn luôn có ý đồ kết khối Đông-Dương, nhưng chỉ hành xử

qua tổ-chức Đảng, vì như ai nấy đều biết, hai Đảng Cộng-sản Lào và Kampuchia chính là con đẻ của Đảng Cộng-sản Đông-Dương, tiền thân của Đảng Lao-động Việt-Nam ngày nay.

Do đó, vấn đề hình-thức Liên-minh hay Hiệp-hội không từng được đặt ra với Hà-nội. Tuy nhiên, Hà-nội cũng không bỏ lỡ những cơ hội bên ngoài đưa đến đề tạo thêm đường dây khuynh loát các nước Đông-dương. Cơ hội ấy đã do Sihanouk mang lại lần đầu tiên trong đề nghị tổ chức Hội-nghị Nhân-dân Đông-dương tại Phom Penh nhân dịp kỷ-niệm lễ Độc-lập Kampuchia lần thứ 11 ngày 9-11-1964.

Nguyên vào năm 1964, Pháp nhận thấy cần phải hành động tích cực để lấy lại uy thế ở Đông-Dương, De Gaulle đã vạch ra phương thức tiến hành việc tạo lại địa vị bằng cách trung-lập-hóa Đông-Dương — thực chất là vận động Đông-Dương bỏ Mỹ, Nga, Tàu đề theo Pháp — mà bước đầu là một Hội-nghị Đông-Dương do Sihanouk, đàn em trung-thành nhất của Pháp, triệu tập.

Cộng-sản Việt đã tỏ ra rất hoan nghênh đề-nghị của Sihanouk, phần

vì đang cần lấy lòng ông Hoàng để bốc đồng này để tiếp tục sử dụng lãnh thổ KPC làm hành lang xâm nhập và hậu cứ an toàn, phần vì biết rõ sẽ chi phối được hội nghị. Sihanouk và các phe nhóm thân Pháp ở Đông-Dương không phải là đối thủ của Cộng-sản trong một hội-nghị chính-trị như vậy.

Hội-nghị Nhân-dân Đông-Dương đã được triệu tập sơ-bộ ngày 14-02-1965 và chính thức họp từ ngày 1 đến ngày 9-3-1965 tại Phnom Penh. Thành phần tham dự hội-nghị được mời theo tiêu-chuẩn « đoàn-thể nhân-dân » chứ không phải chính-quyền. Tuy nhiên, danh sách các đoàn thể dự hội-nghị lại do chính quyền KPC, chính quyền Bắc-Việt và Cộng-sản Lào đưa ra (1).

Kết quả hội-nghị cho thấy có sự thẳng thắn rõ rệt của Cộng-sản Việt trong việc lèo lái các phái-đoàn. Nghị quyết của hội-nghị không nêu ra một hình thức kết khối Đông-Dương nào ngõ hầu thỏa mãn được cao vọng Sihanouk, cũng không nói đến vấn-đề trung-lập-hóa Đông-Dương kiểu De Gaulle (và bác bỏ luôn cả đề-nghị vận-động Pháp thay thế Anh làm Chủ tịch hội-nghị Genève của phái-đoàn Sangkum - KPC), mà chỉ nhấn mạnh đến việc lên án Đế-quốc Mỹ suốt từ đầu tới cuối và vạch ra mục-tiêu đoàn kết chống Mỹ của nhân dân Đông-Dương.

Sau hội-nghị, Sihanouk đã không dấu diếm nổi bất bình về sự khuynh loát của Cộng-sản Việt. Ông ta cho

rằng Cộng-sản Việt có những ảnh-hưởng rất nguy hiểm và là kẻ thù ngầm của dân-tộc Khmer. Nổi bật bình ấy đã làm cho Sihanouk không còn tích cực trong việc kết nhóm Đông-Dương mấy năm sau đó nữa.

Nhưng từ đầu năm 1970, sau khi bị lật đổ và phải lưu vong sang Hoa-lục, Sihanouk lại nghĩ đến hình thức liên kết Đông-dương để làm chỗ dựa vượt ra ngoài hệ-thống Đảng CS mà

(1) Trong tổng số 38 phái đoàn tham-dự, thành phần được gọi là thuộc Miền Nam VN chiếm số lượng đông đảo nhất và chia ra làm 4 nhóm rõ rệt: Nhóm CS, nhóm thân Cộng do CS dựng lên, nhóm thân Pháp và nhóm thiểu số do Sihanouk hỗ trợ.

Nhóm CS có phái đoàn quan trọng nhất là Mặt Trận Dân-Tộc Giải-phóng Miền Nam do Huỳnh-Tấn-Phát cầm đầu. Nhóm thân Cộng, thật ra là món trang trí của CS, rất phức tạp và gồm một số đông đảo « đoàn thể » chỉ được tạo ra vì nhu-cầu tham-dự hội-nghị. Trong nhóm thân Pháp có Ủy-ban Hòa-bình và Canh tân Miền Nam VN từ Pháp tới do Trần-văn-Hữu cầm đầu là quan trọng nhất. Nhóm này chủ-trương Trung-lập kiểu Pháp và có thể coi là phe VN có lập trường gần lập trường Sihanouk nhất. Sau cùng là các nhóm thiểu số ly khai ở VN (do Sihanouk hỗ trợ nhằm cắt đất Miền Nam).

Trong nhóm ly-khai có hai phái đoàn hoạt động mạnh hơn cả là Mặt-trận tranh-đấu Miền Hạ (Front de la lutte du Kampuchea Krom) do Thạch Prom Vireak làm trưởng đoàn và Mặt-trận Giải-phóng Cao-nguyên Champa do Y Dhou Adrong làm trưởng đoàn. Những lời phát biểu chống người Việt nói chung một cách gay gắt và kêu gọi hỗ trợ việc giải-phóng lãnh thổ Chàm của Adrong đã làm cho chính phái đoàn Mặt-trận Tò-quốc (Bắc-Việt) và MTTDTGPMN phải lên tiếng công kích.

chính bản thân ông ta không dự phần. Lần này thì Bắc-Kinh đứng ra đỡ đầu cho Sihanouk, y như Paris đã làm trước kia. Bắc-Kinh vẫn ngăm chống lại việc Hà-nội nắm đầu các nước Đông-dương khác và trông đợi ở hội-nghị mới một chiều hướng thuận lợi hơn cho thể đứng của Cộng-sản Lào và Kampuchea đối với Hà-nội; và nhờ đó cũng thuận lợi hơn cho Bắc-Kinh trong việc tranh chấp với Nga-sô. Thực tâm Bắc-Kinh không có ý hỗ trợ cho chủ trương liên kết Đông-dương.

Với sự tiếp tay của Bắc-Kinh, hội-nghị Cấp cao Nhân-dân Đông-dương đã được triệu tập tại Quảng-châu trong hai ngày 24 và 25-4-1970. Đại diện các phái đoàn gồm có: Phạm-văn-Đồng — Bắc-Việt, Sihanouk — KPC. Souphanouvong — Lào và Nguyễn-hữu-Thọ — Nam-Việt.

Hội-nghị đã đưa ra một bản tuyên bố chung, thật ra là một văn-kiện kết ước với nhau giữa các thành-viên, gồm những điểm chính như sau:

— Lên án Mỹ vi phạm các hiệp định Genève 1954 về Đông-dương và 1962 về Lào.

— Đề cao tinh thần đoàn kết chiến đấu chống Mỹ của các phong trào CS và thân Cộng tại các nước Đông-dương.

— Các bên cam kết tận tình giúp đỡ nhau.

— Các bên chấp nhận thi-hành 5 nguyên-tắc sống chung hòa-bình trong

việc giao thiệp với nhau.

Sau hết, hội-nghị quyết-định sẽ mở các cuộc tiếp xúc khi thấy cần giữa các nhà lãnh-đạo cao cấp hoặc đại-diện có thẩm quyền để trao đổi ý-kiến về các vấn đề hệ-trọng chung.

Một kết thúc chỉ đưa đến liên-hệ «tham khảo ý-kiến» như vậy chắc chắn không phải là điều Sihanouk mong mỏi. Có thể nói cả Bắc-Kinh cũng lãnh phần thua thiệt vì sau Hội-nghị, việc chỉ-đạo toàn bộ hoạt-động của Cộng-sản tại Đông-dương vẫn do Hà-nội nắm giữ, hơn thế, Hà-nội lại còn có vẻ càng ngày càng ngả sang phía Nga.

Cuối năm 1971, Sihanouk hí hửng tuyên bố rằng Hội-nghị Cấp-cao Nhân dân Đông-dương sắp họp lần thứ hai ở Hà-nội. Sang tháng 2-1972 trong khi Bắc-kinh đang chuẩn bị đón tiếp Nixon thì Sihanouk bay qua Hà-nội vừa để tránh mặt vừa để tổ-chức Hội-nghị. Nhưng Hội-nghị đã không triệu tập được. Nguyên nhân trực tiếp là sự thờ ơ lãnh đạm của Hà-nội; nguyên nhân gián tiếp là áp-lực của Nga vào các đảng Cộng-sản Việt và Lào. Nga không muốn thấy bất kỳ hình-thức tổ chức thân Tàu nào được phát triển trong khối Cộng-sản Đông-dương. Nga lại càng không muốn một nhân vật chống Nga như Sihanouk có thể đóng vai trò quan trọng trong khối Cộng-sản này.

Thực ra mà nói, đối với Khối Cộng-sản Đông-dương do Hà-nội

cầm đầu, Sihanouk chỉ được coi là một nhân-vật trang-trí. Điều rắc rối là Sihanouk lại biết rõ thâm ý ấy và đã cố gắng tạo uy thế riêng của mình vượt ra ngoài vòng kiểm tỏa của Cộng-sản cả trên trường quốc-tế lẫn tại quốc-nội. Đã có lần, khi tức giận lên, Sihanouk không ngại miêng vạch rõ thâm ý của Cộng-sản ra, nhưng nhiều khi ông ta lại tự ru mình trong ảo-tưởng "lãnh-tụ tối cao" của "Lực-lượng võ-trang Nhân-dân giải-phóng Dân-tộc KPC" khá hùng hậu hiện tại. Trên thực tế, thành phần chủ công của Lực lượng ấy là một số Sư-đoàn Bắc Việt; thành phần trung-gian là các Trung-đoàn hỗn hợp Việt-Khmer thuộc cấp Quân-khu. Khmer thuần túy chỉ thấy ở các đơn vị địa-phương, du-kích. Còn danh hiệu Bộ Chỉ-huy Lực-lượng võ trang Nhân-dân giải-phóng dân-tộc KPC thường được nêu ra trong các bản tin chiến sự, các thông cáo "chiến thắng", cho tới nay, chẳng qua chỉ là cái bình phong che phủ trên đất KPC của chính Bộ Chỉ-huy Miền (Miền Nam) Cộng-sản Việt.

Từ 1970, lãnh-thõ KPC đã được Cộng-sản Việt chia ra thành Quân-khu tương tự như tại Nam Việt-Nam để tiện điều-hành quân-vụ. Tất cả các Quân-khu ấy đều trực thuộc Bộ Chỉ-huy Miền, bộ-phận quân-sự của Trung-ương Cục Miền Nam. Trung-ương Cục đã được thành lập và hoạt-động chiếu theo Điều 24 (Chương III "Tổ-chức Trung-ương Đảng") trong Điều-lệ Đảng Lao-động Việt-

Nam, với tư cách là bộ phận đặc trách Miền Nam và KPC của Ban Chấp-hành Trung-ương Đảng. Rút cục đâu đâu cũng quy về Hà-nội. Và vì vậy, cho tới nay mặc dầu chẳng có văn-kiện kết khối nào, nhưng Hà-nội vẫn mặc nhiên nắm giữ toàn Khối Đông-dương bên phe Cộng và thân Cộng.

Nói như vậy không có nghĩa là Hà-nội không gặp trực trực trong vấn-đề lãnh-đạo. Trong nội bộ phe Cộng ở KPC, trực trực đã xảy ra không ít. Không nói gì đến người của Sihanouk, ngay nơi thành phần Khmer Đỏ cũng có khuynh hướng thoát ra khỏi sự chi phối của Cộng-sản Việt. Tình-trạng rạn nứt trong bóng tối ấy vẫn đang phát triển.

Nhìn chung, nỗ lực kết khối Đông-dương của Cộng-sản Việt trước hết nhằm đáp ứng nhu cầu hiệp - đồng trong chiến-tranh (nên đã chấp nhận cả những phần tử không ưa Cộng-sản trong hàng ngũ), sau vẫn hướng về mục tiêu xích hóa toàn cõi Đông-dương như luận cương của Đảng đã vạch ra trên 40 năm trước. Sự kết khối rõ ràng mang ý-nghĩa nằm trong trận đồ tranh chấp Tư-bản — Cộng-sản rồi cũng sẽ vỡ khi trận đồ ấy tự triệt tiêu vì mặt trận quốc-tế được Đế-quốc dàn bày theo chiều hướng khác.

Hiệp-hội các Quốc gia DNA

Như phần trên đã đề-cập đến, Hiệp hội DNA (ASA), gồm 3 nước Thái, Phi, Mã, đã ngưng hoạt-động

từ 1963 vì rắc rối về bang giao giữa Phi và Mã. Tới năm 1966, khi tình-trạng bang giao nội bộ được cải-thiện, ASA lại rục rịch tái hoạt động. Nhưng phạm vi ASA quá nhỏ, các nước cùng đồng ý phải có một khuôn thức mới rộng lớn hơn để đón thêm hội viên mới. Do đó, Hiệp-hội các Quốc-gia Đông-Nam-Á (ASEAN) đã hình thành qua tuyên ngôn Bangkok sau đại-hội đầu tiên từ 5 đến 8-8-1967 giữa 5 nước: In-đô-nê-sia, Phi-luật-tân, Mã-lai-á, Thái-lan và Tân-gia-ba.

Tuyên-ngôn Bangkok đề-cập đến mục đích của ASEAN nhằm vào những điểm chủ yếu tương đối khiêm tốn như tương trợ nhau trong việc phát-triển, huấn luyện, nghiên-cứu về các địa-hạt kinh-tế, xã-hội, văn-hóa... Gọi là đề bảo đảm nền trung-lập sẵn có (?) của In-đô-nê-sia, Tuyên ngôn 1967 cũng cam kết tương tự như Thông-cáo chung của Hội-nghị cấp cao Manila 1963 rằng các căn cứ quân sự ngoại quốc trên các xứ hội viên (Anh tại Mã-lai-á, Tân-gia-ba, Mỹ tại Phi-luật-tân, Thái-lan) chỉ có tính cách tạm thời và không mang ý đồ sử dụng để khuynh đảo trực tiếp hoặc gián tiếp nền độc lập và tự do của các quốc gia trong vùng hoặc làm tổn thương đến trình tự phát triển của các quốc-gia ấy.

ASEAN, khi thành lập, đã tiếp nhận phản-ứng tiêu-cực, hoài nghi của các nước ĐNA ngoài tổ chức cũng như của nhiều nước lớn trên

thế-giới; vì ai cũng thấy rõ ĐNA đã từng có hiệp hội này, liên minh nọ, nhưng thấy đều đi đến tê liệt hoặc tan vỡ. Riêng đối với Trung-Cộng, ASEAN được coi như mũi giáo đâm vào cạnh sườn Hoa-lục. Bắc-Kinh đã mở hẳn một chiến-dịch phỉ báng ASEAN và nhất là phỉ báng « tập đoàn quân nhân Phát-xít Suharto », những phần tử Bắc-Kinh cho là đang lái ASEAN vào con đường võ trang chống Trung-Cộng theo lệnh của Mỹ. Thật ra đối với Bắc-Kinh, bất kỳ sự kết khối nào của ĐNA cũng chỉ có hại hơn là có lợi cho Hoa-lục, nên sự chống đối một cách quá đáng ngay từ lúc đầu cũng không phải là điều khó hiểu.

Mặc dầu từng gặp sóng gió trong vụ tranh chấp Sabah giữa Phi-luật-tân và Mã-lai-á, nhưng ASEAN cũng vẫn còn tồn tại đến ngày nay. Hoạt động đáng kể nhất của ASEAN là cuộc vận động *trung-lập-hóa ĐNA* do nghị quyết của Hội-nghị Kuala Lumpur từ 21 đến 25-11-1971 nêu lên. Thật ra, nếu gọi là *một cuộc vận-động* thì phải nói rằng đó là một cuộc vận-động rất tiêu-cực. Vì tự biết tư thế yếu kém của mình, các hội viên ASEAN đã chỉ đưa ra đề nghị trung-lập-hóa để các nước còn lại của ĐNA và các đại cường có ảnh hưởng vào vùng này tùy nghi cứu xét mà hưởng ứng, phản đối hoặc... bỏ qua.

Dù có sự yêu-cầu của ASEAN hay không về việc xét định số phận Đông-Nam-Á, thì những cuộc thu xếp, đôi co, mặc cả với nhau giữa các Đ-

quốc cũng đã và đang diễn ra khi công khai, lúc bí mật. Tình-trạng Đông-Nam-Á đã chín mùi đủ để thấy không còn Đế-quốc nào có thể độc tôn trong khu vực nữa. Nhưng như vậy không có nghĩa là ảnh hưởng Đế-quốc sẽ biến mất. Trái lại, các đế-quốc phải tạo ra thăng bằng ảnh-hưởng, nghĩa là trong tương lai Đông Nam Á sẽ bị bắt buộc phải tiếp nhận một số ảnh hưởng vốn không có từ trước, và bớt đi những ảnh-hưởng vốn đã có quá nhiều.

Nhìn lại chính các quốc-gia Đông Nam Á, cụ thể là các hội viên ASEAN, trong việc đi tìm một thể đứng của tập thể, những khuynh hướng vọng ngoại vẫn còn thấy đầy đầy. Trước hết, Phi và Thái cùng cho rằng việc ký tuyên ngôn trung lập không ngăn cản hai nước này tiếp tục ở lại Tổ-chức Liên phòng Đông-Nam-Á (SEATO) do Mỹ làm chủ. Lý Quang Diệu của Tân-gia-ba thì một mặt ký tuyên ngôn trung lập, một mặt lo bay sang Luân-đôn thỉnh cầu Anh hãy tạm hoãn việc rút quân khỏi hòn đảo này để Đảng Nhân-dân Hành-động dựa hơi dựa hám quân Anh tiếp tục cầm quyền thêm một thời gian nữa.

Ngoài ra, danh từ *trung lập* ngày nay cũng không còn mấy hợp thời nữa. Thế-giới hiện chỉ có hai bên : Một bên là các Đế-quốc (với cái nghĩa nước mạnh muốn khuynh đảo hoặc bành trướng uy quyền sang nước yếu bằng bất cứ phương thức

nào), một bên là các nước nhỏ yếu, đối tượng khuynh loát của đế-quốc. Không ở bên này thì ở bên kia, chẳng có chỗ nào mà đứng giữa.

Nghi về hình ảnh kết hợp ngày mai

Đã đến lúc các nước Đông Nam Á phải duyệt xét lại mình và phải nhận chân rằng : Có triệt tiêu được những ý hướng dựa vào đế-quốc mới thực sự xây-dựng được một thể đứng *tự lập*. Tự lập chứ không cô lập, vì cô lập thì dễ bị đế-quốc khuynh loát. Trong cái cảnh mạnh được yếu thua, các nước nhỏ có quần tụ với nhau mới mong sống còn. Quần tụ trong bình đẳng, hỗ trợ, một mặt vẫn giữ được thể tự lập đơn vị, một mặt vẫn tạo được sức mạnh tập thể. Sự quần tụ thành từng khu, từng khối của các nước nhỏ yếu nhằm ngăn chặn ý đồ khuynh đảo của đế-quốc còn là cách góp phần thiết thực vào việc tạo dựng một cộng đồng nhân loại sống bình đẳng, hòa hài trong tương lai.

Quần tụ là đúng, nhưng quần tụ thế nào ? Thực ra chẳng làm gì có công thức chung cho khắp các nước tiểu dân tộc trên thế giới. Mỗi nhóm quốc-gia phải tự tìm lấy những tiêu chuẩn kết hợp riêng,

Trường hợp Đông Nam Á, nói đến hình thức một liên-bang là điều quá lý-tưởng và còn quá xa vời. Nói đến một hiệp-hội chỉ nhằm vào việc "hiếu kỹ" là điều không có lợi ích thiết thực. Một mẫu liên-minh thuần túy

về mặt quân sự như có người đã đề-xướng sẽ chẳng đáp ứng được nhu cầu an ninh toàn vùng, vì khi hòa thì hợp, khi biến thì tan, động-cơ nào thúc đẩy các nước vì nhau mà sống chết? Hay một thị-trường chung (1) như mô thức Tây-Âu? Nghe ra không phải là một đề nghị dở nhưng trên thực tế tình trạng và chế-độ xã-hội quá khác biệt làm sao mà đứng chung trên mặt trận kinh tế?

Vạch ra những điều trên không phải nhằm chống ý hướng kết khối mà ngược lại, chỉ để thấy rõ những khó khăn ngõ hầu có thể tìm ra lối thoát chung.

Trước hết phải chấp nhận một điều là không có tổ chức kết hợp nào được coi là bất-biến, không có hình thức kết hợp nào được coi là duy nhất, độc tôn khi chưa hội đủ mặt các nước ĐNA. ASA có ba hội viên, tự cảm thấy chật hẹp nên đã giải tán nhường chỗ cho ASEAN. ASEAN có 5 hội viên cũng nên nghĩ đến một lúc nào đó phải có một tổ chức khác nếu muốn bành-trướng rộng hơn. Đó là điều làm cho tất cả các hội viên đều cảm thấy mình là sáng lập viên, không có mặc cảm kẻ trước người sau và nhờ vậy sẽ tạo chân bình đẳng ngay trong nội bộ.

Mỗi khi thay đổi hình thức tổ chức thì cũng phải nghĩ đến thay đổi mối liên-hệ bằng cách thăng tiến lên các mặt hợp tác. Chính-trị, kinh-tế, xã-hội, văn-hóa, an-ninh... đều phải

được triển-khai rộng rãi. Địa hạt này sẽ giúp địa hạt kia thoát khỏi bế tắc. Thí dụ những liên hệ văn hóa sẽ giúp cải thiện mô-thức chính-trị. Mô-thức chính-trị tương đối gần nhau (không đến nỗi trái nghịch như Công-sản với Tư-bản hiện giờ) sẽ tạo điều kiện cho các khung cảnh xã hội đỡ khác biệt. Khung cảnh xã hội có hòa hợp thì mới tạo được nền móng tốt cho hợp tác kinh-tế v.v...

Tất cả những mặt kết hợp trên rất cần nhưng chưa đủ. Công-thức dầu có, đơn chất trộn vào nhau dầu đúng phân lượng, song vẫn không nảy sinh hiện tượng hóa-hợp! Chung qui chỉ còn thiếu một chút *chất xúc-tác*. Chất xúc-tác ở đây là *linh hồn của nỗ lực kết khối*. Đó là tình anh em ruột thịt, là tình thương yêu đùm bọc lấy nhau. Đó là ý thức Đại Thái,

(1) Hiện nay Tân-gia-ba đang nỗ lực vận động qua ASEAN việc thành lập thị-trường chung Đông Nam Á để tiến bề khuynh loát kinh tế vùng này một cách riết ráo hơn nữa. Chủ trương của tập thể Tàu ở Tân-gia-ba là kỹ-nghệ-hóa hoàn toàn hòn đảo này và biến thị-trấn này thành thủ-đô Đông Nam Á. Toàn vùng Đông Nam Á còn lại sẽ trở nên "nông thôn hậu cú" cung cấp nguyên-liệu cho Thủ-đô. Thủ-đô còn đồng thời là thương-cảng duy nhất nắm giữ chìa khóa giao hoán quốc tế trong vùng. Chi nhánh địa phương của Thương-cảng Thủ-đô là Sài-gòn, Manila, Bangkok, Phnom Penh, Vientiane, Kuala Lumpur, Djakarta... tất cả đều nằm trong tay người Tàu về mặt kinh tế. Cho đến nay Trung-hoa đã nhận thấy thống trị Đông Nam Á bằng kinh tế giản dị, dễ dàng hơn thống trị bằng vũ lực nhiều lắm.

ý thức Đại Nam-Hải, ý thức Đại Mã; đó cũng là ý thức *Maphilindo*, ý thức trăm Việt.

Các dân tộc Bách-Việt đã điều linh khốn khổ hàng ngàn năm suốt từ Hoa-lục xuống vùng đất ĐNA vì mưu đồ tiêu diệt của Tàu, đã bị bóc lột đến tận cùng xương tủy hàng trăm năm dưới thời kỳ thống trị của Tây, đã dâm thuê đánh mướn cho các đế-quốc hiện đại hàng chục năm đủ gây nên những đau thương tang tóc chưa từng có. Trước họa diệt vong chung, phải cùng đi tìm lẽ sống. Trên đường đi tìm lẽ sống-còn đầy gian khổ, bỗng nhận ra họ hàng thân tộc, dù nội ngoại xa gần cũng nên đắp điểm cho nhau mà tiến tới một giọt máu đào chẳng hơn ao nước lã hay sao !

Hãy triển khai mối liên-hệ họ hàng làm ngọn lửa tiêu biểu cho ý-thức kết hợp. Thấm nhuần ý thức ấy thù hận lịch sử sẽ tan biến. Xứ Lào nhỏ bé sẽ không còn e ngại người bên kia bờ sông Cửu, kẻ bên này dãy Trường-sơn mang binh quyền sang đòi chúa thay vua, cướp nhà, xé nước. Dân Khmer sẽ không còn dựng làng Việt-Nam làm mục tiêu tấn công cho các quân trường thực tập tác chiến để nuôi chí báo thù; nhờ đó cái cảnh tượng *cáp duồn* vô nhân đạo sẽ không còn bao giờ xảy ra. Người Thái sẽ không phải lo lắng về mặt Tây-biên và sẽ rộng lượng quên đi mối hận đốt kinh-thành hàng trăm năm trước. Các sắc dân Miến, Shan, Karen... trên lãnh thổ Miến-điện sẽ

cảm thấy gần gũi thương yêu nhau hơn; nội chiến vì phe nhóm sẽ không còn cơ hội tái phát. Người Việt Miền Xuôi sẽ tự cảm thấy hồ thẹn về thái độ trịch thượng, ketch cõm của mình với đồng bào Miền Thượng từ trước đến nay và sẽ tự đổi cách cư xử. In-đô-nê-sia và Mã-lai-á sẽ cười hòa tha thứ cho nhau về cảnh giành giựt như đã từng làm ở Bornéo khi trước. Người Phi-luật-tân sẽ vứt bỏ ảo-tưởng chủ-quyền trên mấy hòn đảo xa xôi, mằm mống tranh chấp với các lân bang. Tiểu quốc Brunei sẽ tự khước từ nền bảo hộ của Mầu-quốc Anh mà trở về với gia đình ĐNA (1).

Rồi ra, từ ý thức ấy, niềm hứng khởi cho sự tìm hiểu lẫn nhau sẽ bùng lên giữa nhân dân các nước. Biên giới trong vùng sẽ được mở tung cho các cuộc du khảo, thăm hỏi. Ngôn ngữ nước này sẽ là sinh ngữ trong trường học nước kia. Các bậc học-giả sẽ ngồi với nhau tìm tòi chất lọc lấy những từ ngữ có cùng gốc gác xa xưa (tiếng nói từ cái thời Bách-Việt chưa tan đàn xẻ nghé) mà đặt ra một số ngôn-từ cơ bản cần thiết làm phương tiện truyền thống tối thiểu cho nhân dân trong

(1) Khi ý-thức ấy thấm nhuần suốt mặt, người Tàu trên toàn vùng ĐNA tất sẽ phải nhận chân thấy rằng lối thoát hợp tình hợp lý duy nhất của họ là tự hòa đồng với địa phương nơi họ sinh sống. Mười năm nữa, hai mươi năm nữa, ở đây sẽ không còn có tiếng «Hoa-kiều». Tại khu vực Chợ-Lớn rồi sẽ chỉ có người Việt, người Việt cũ và người Việt mới sống hòa hợp trong tình thương yêu nhau. Tại Mã-lai-á và Tân-gia-ba sẽ chỉ có người Mã, người Mã họ Rahman, người Mã họ Lý; và lãnh thổ sẽ quy về một mối.

vùng. Các lý-thuyết-gia chính trị sẽ bàn thảo với nhau để vạch ra con đường tiến tới xã-hội chủ-nghĩa riêng của khu-vực ngõ hầu phá tan bất công, thối nát và san bằng chênh lệch của xã-hội hiện tại, đồng thời cũng chặn đứng ảnh-hưởng Cộng-sản quá khích và lạc hậu. Các nhà ngoại giao sẽ cùng vạch ra một đường lối thích hợp nhất vừa giúp tạo được chính sách đối ngoại chung, vừa giúp bao toàn được chủ quyền đối nội của mỗi quốc gia. Các kế-hoạch-gia sẽ đề cập đến những nhu cầu phát triển chung, những chương trình tạo tác song phương, tứ phương để đem lại lợi ích cho nhiều người cùng hưởng. Các nhà kinh tài sẽ nói đến việc hình thành thị-trường chung, việc lập

những ngân hàng ĐNA trong vùng và trên khắp thế-giới, cũng như việc phân phối, điều hợp tài nguyên, lợi tức giữa các nước để bảo đảm nỗ lực tự túc, tự cường. Các nhà quan-sự sẽ phác họa hình thức một Bộ Tư-lệnh hỗn hợp, sẽ nghiên cứu các chiến-thuật, chiến lược mới, sẽ tổ chức thao diễn hiệp đồng... tất cả tuyệt nhiên không nhằm tranh bá đồ vương trên trường quốc-tế mà chỉ cốt sao đủ sức tự vệ tối thiểu.

oOo


Một khối các quốc-gia xây dựng trên tình anh em ruột thịt như vậy; chẳng biết ngày mai có trở nên sự thực phần nào hay vĩnh viễn chỉ là giấc mơ sương của người cầm bút ?

PHẠM-VIỆT-CHÂU

Đơn vị thuốc mới / Thuốc mới

hemocalcium B12

BI. SUY YẾU. CHÂM LỢN
KEM AN. THIẾU MÁU



Pub. TÂN TRÍ
Số. 2244 BT/4-68

hemocalcium B12

S

SIFAPP SAIGON

có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm nhuận sinh-tổ B12 qua màng ruột mà không bị tiêu hao.

bán tại các nhà thuốc tây

Trung Cộng và Phi Châu

Châu Phi hiện nay là Châu có nhiều quốc gia độc lập nhất (48 quốc gia) hầu hết đều đã được gia nhập Liên-Hiệp-Quốc. Đó là Châu mà Liên-Hiệp-Quốc có nhiều hội viên nhất và cũng là thành phần đông đảo nhất của khối Á Phi và các quốc gia không liên kết. Nhưng Châu Phi cũng lại là châu chậm tiến và nghèo nàn nhất, lợi tức tính theo đầu người thấp nhất, một châu chỉ mới cách đây 20 năm phần lớn lãnh thổ còn là thuộc địa của hai cường quốc Âu-Châu là Anh và Pháp. Một nét sâu đậm nhất còn lại là ngày nay người ta vẫn chia Phi Châu ra vùng nói tiếng Anh (English speaking) và vùng nói tiếng Pháp (Afrique d'expression française). Phi Châu, Châu đen, Châu nô lệ, Châu chậm tiến, nay đã thực sự vùng lên và đang đóng một vai trò quan trọng ở Liên-Hiệp-Quốc và trong thế-giới đệ-tam.

Các đại cường Nga, Mỹ, Anh, Pháp đều hướng về Châu Phi để tranh thủ ảnh hưởng. Cộng-hòa Nhân dân Trung-Hoa, ngay từ khi làm chủ lục-địa Trung Quốc, cũng đã hướng mục tiêu cách mạng của họ về Châu này.

Trước hết, Trung Cộng cố gắng tìm cách bành trướng ảnh hưởng cách mạng của mình bằng cách ủng hộ các phong trào giải phóng Phi-Châu và các Tân quốc-gia Phi-Châu. Ngay từ giữa thập niên 1950, Bắc-

kinh đã coi Phi-Châu với cao trào chống đế-quốc thuộc-địa giành độc lập quốc-gia như là một chặng đường cần thiết của cuộc cách-mạng thế-giới. Do đó, Trung Cộng quyết tâm ủng hộ những phần tử có khả năng làm thay đổi bộ mặt Phi Châu.

Sau nữa, Trung Cộng mưu toan dùng Phi Châu làm nơi thử lửa chống lại ảnh hưởng của Hoa-kỳ và Nga-sô. Mưu toan đó được thể hiện trên 2 phương diện :

— 1) Trung Cộng tự nhận là kẻ bênh vực các tiểu nhược quốc chống lại sự xâm lược, sự can thiệp, sự kiểm soát của hai siêu cường. Trung Cộng ủng hộ bất cứ quốc gia nào hay nhóm quốc gia nào dám đương đầu với các siêu cường đó.

— 2) Đồng thời với việc thúc đẩy các quốc gia Phi Châu chống lại «đế quốc Mỹ» Trung Cộng cũng hô hào các quốc gia này chống lại bọn «xét lại» Liên-xô hay bọn «đế-quốc xã-hội». Trung Cộng không những cố gắng phôi trăn bộ mặt thực của «đế-quốc Mỹ» và của «đế-quốc Liên-xô», mà trong việc đồng hóa Liên-xô với Hoa-kỳ, Bắc-kinh còn muốn làm mất hết uy thế Mạc-turkhoa trong vai trò lãnh đạo Cách-mạng thế-giới.

Sau hết, muốn củng cố uy tín và địa vị của mình Trung-Cộng đã tranh thủ sự ủng hộ của các quốc-gia Phi-châu bằng cách này hay

bằng cách khác. Đặc biệt họ muốn Phi-châu coi họ như một mẫu mực để tranh thủ độc lập và xây dựng quốc-gia. Vì vậy mà họ muốn được các quốc-gia Phi-châu chính thức thừa nhận và ủng hộ.

Trung-Cộng rất chú trọng đến điểm này và đường lối ngoại giao của Bắc-kinh tuy nhằm tranh thủ sự thừa nhận trên nhưng cũng thay đổi tùy theo sự thừa nhận đó. Ta có thể phân ra làm nhiều giai đoạn những hoạt động ngoại giao của Trung-Cộng ở lục địa Phi-châu.

Giai đoạn đầu tiên từ Hội-nghị Bandung (1955) cho đến năm 1960

— Trong giai đoạn này, Bắc-kinh rất thận trọng trong cố gắng tranh thủ sự ủng hộ và thừa nhận của các quốc-gia Phi-châu và chỉ tập trung nỗ lực vào vùng Phi-châu Bắc Sahara mà thôi. Trong giai đoạn này, họ đã được 4 quốc-gia Phi-châu thừa nhận: Ai-cập (1956), Maroc (1958), Soudan (1958), Guinée (1959).

Giai đoạn thứ hai từ 1960 đến 1965

— Trong giai đoạn này Bắc-kinh mở một cuộc đại tấn công ngoại giao để gây ảnh hưởng ở Phi-châu, o bế tất cả các quốc-gia, không phân biệt gì hết. Trong các năm 1964-65, nghĩa là trong thời kỳ hoạt động nhất của chiến dịch ngoại giao đó, ta thấy Thủ-tướng Chu Ân-Lai và Ngoại-trưởng Trần-Nghị đã đi một vòng khắp các nước Phi-châu và đã bỏ ra số tiền 190,1 triệu đô-la để

viện trợ cho 7 trong số các nước đó. Hai sự kiện nổi bật đã cắt nghĩa sự tăng cường hoạt động của Trung Cộng :

1— Sự ra đời của một số lớn tân quốc-gia Phi-châu. Trong khoảng từ 1-1960 đến tháng 12-1965 đã có 29 cựu thuộc địa Phi-châu được trao trả độc lập. (Riêng năm 1960 đã có tới 16 nước.)

2— Phi-châu biến thành một đấu trường tranh chấp Nga-Hoa. Cả 2 cường quốc Cộng-sản này đều thi đua một cách ác liệt trong việc ủng hộ các quốc-gia Phi-châu trên phương diện này hay trên phương diện khác. Một trong những khía cạnh nổi bật của cuộc tranh chấp đó được thể hiện rõ rệt trong việc triệu tập bất thành Hội-nghị Á-Phi ở Alger, tháng 6 năm 1965. Trong giai đoạn này, Trung-Cộng đã tích cực vận động thêm được 15 quốc gia Phi Châu nữa thừa nhận mình. Đó là các nước : Ghana (1960), Mali (1960), Somalie (1960), Tanganyika (1961) Algérie (1962), Ouganda (1962), Zanzibar (1963), Kenya (1963), Burundi (1963), Tunisie (1964), Congo-Brazaville (1964), Cộng hòa Trung-Phi (1964), Zambia (1964), Dahomey (1964), Mauritanie (1965).

Từ năm 1966, hoạt động của Bắc-kinh bắt đầu bước sang giai đoạn thứ ba, kéo dài cho mãi tới ngày nay. Trong giai đoạn này, Trung-Cộng đã hạn chế sự có mặt của mình ở Phi-châu và chọn lọc kỹ càng các bạn và đồng minh.

Bắc-kinh không o bế tất cả các nước Phi-châu nữa mà chỉ chú trọng đi sâu vào một vài nước thôi. Có nhiều yếu tố đã quyết định sự thay đổi lập trường đó. Những thất bại trong hậu bán thập niên 60, một phần do thái độ và đường lối của Bắc-kinh, khiến người Phi-châu lo ngại, một phần do tình thế không vững ổn của chính trường Phi-châu đã khiến Trung Cộng phải thận trọng hơn.

Lập trường dứt khoát và quyết liệt của Bắc-kinh trong cuộc đại cách-mạng văn-hóa (1966—1968) đã thay đổi đường lối của nhiều quốc gia Phi-châu. Thêm vào đó, những cuộc đảo chính đã đưa vào chính quyền ở nhiều nước Phi-châu những phần tử khuynh hữu, không có thiện cảm với Trung-Cộng. Một số quốc gia đã đi tới chỗ đoạn giao với Bắc-kinh: như Cộng hòa Trung-Phi (1966), Ghana (1966), Tunisie (1967). Số quốc gia Phi-châu mà Trung-Cộng có quan-hệ ngoại-giao đã từ con số 18 vào năm 1964-65 rơi xuống con số 12 vào năm 1969.

Nhưng Trung-Cộng đã lại vọt thêm được ở chỗ khác. Cũng vào khoảng hậu bán thập niên 60, có nhiều cựu thuộc địa Phi-châu được độc lập. Từ Angola, Mozambique và một số thuộc địa nhỏ, tất cả các đất đai trên lục địa Phi-châu đều thuộc các quốc gia có chủ quyền và một tình trạng hết sức phức tạp, tuy đã có từ lâu, nay mới được thể hiện một cách rõ rệt qua các chính phủ, mỗi chính phủ áp dụng một đường lối riêng biệt cho mỗi quốc gia. Từ khi cuộc Cách-mạng

văn hóa chấm dứt, Bắc-kinh cũng hơi lúng túng trong việc hoạch định một đường lối chung đối với các nước Phi-châu. Từ tháng 10-1970, có thêm 7 quốc gia nữa công nhận Trung-Cộng: Đó là Burundi, Guinée xích đạo, Ethiopie, Nigeria, Cameroon, Sierra Leone và Libye.

Nhưng Trung-Cộng hình như vẫn tiếp tục chính sách cũ nghĩa là chỉ thắt chặt liên hệ với một số nước Phi-châu rất hạn chế.

Hai nước được Bắc-kinh đặc biệt chú trọng trong số các quốc-gia Phi-châu và được giúp đỡ liên tục nhất ngay từ đầu, là Tanzania và Congo Brazaville. Hai nước đó biểu tượng cho sự thành công của Trung-Cộng trong việc bảo vệ lập trường của mình chống lại Hoà-kỳ và Liên-xô. Bắc-kinh luôn luôn nhấn mạnh rằng: « sự liên-hệ giữa Trung-Cộng và các quốc-gia đó là biểu-hiệu tình bằng hữu sâu xa giữa nhân dân các nước Phi-châu và nhân dân Trung-quốc và tượng trưng cho quyền lợi chung của họ nhằm loại bỏ ảnh hưởng của « đế quốc chủ nghĩa » ra khỏi Phi-châu... »

Chúng ta hãy thử xem Bắc-kinh đã giúp đỡ cho Tanzania và Congo Brazaville như thế nào để biến 2 nước này thành những « tiền đồn » của Trung-Cộng ở Phi-châu.

Trước hết là Tanzania, vì lẽ Trung-Cộng chú trọng đến nước này trước tiên. Năm 1961, Tanganyika (một trong hai thành-viên của Liên-bang

Tanzania) sau khi được Anh trao trả độc lập, liền thừa nhận ngay Bắc-kinh và năm sau thì Bắc-kinh đặt tòa đại-sứ tại Dar es Salaam (1-1962). Zanzibar (thành viên thứ hai) cũng được Anh trao trả chủ quyền vào cuối năm 1963 và cũng thiết lập quan hệ ngoại giao ngay với Bắc-kinh. Tháng 10-1964, sau khi thành lập Liên-bang, Tanzania đặt ngay một tòa đại-sứ ở Bắc-kinh. Nhịp cầu này đã nối liền Trung-Cộng với Đông-Phi và giúp cho Trung-Cộng có dịp tìm hiểu phong thổ và nhân văn vùng này. Những năm đầu tiên, Bắc-kinh chú trọng đến tuyên truyền nhiều hơn. Ở Dar es Salaam, không tuần nào là báo chí không nói đến những hoạt động của đại-sứ Trung-Cộng Ho Ying. Còn ở Zanzibar thì chỉ một tháng sau khi độc lập, Trung-Cộng đã xúi ngầm một cuộc đảo chánh lật đổ chính phủ thân Á-rập, thay thế bằng một chính phủ cách-mạng, đòi Hoa-kỳ rời trạm theo dõi vệ-tinh và thực hiện quốc-hữu-hóa điền địa. Bắc-kinh không hết lời ca tụng chế độ này. (1)

Sau khi Liên-bang Tanzania thành lập, mối liên hệ với Trung-Cộng lại được tăng cường thêm. Thủ-tướng Chu-Ân-Lai đến thăm Tanzania vào năm 1965 và Tổng-thống Tanzania là Julius Nyerere cũng đi thăm Trung-Cộng hai lần vào năm 1965 và 1968. Một hiệp-ước thân hữu Trung-Cộng-Tanzania được ký kết vào năm 1965. Bắc-kinh viện-trợ kinh-tế, kỹ-thuật và quân-sự cho Dar es Salaam. Nói đến chương trình viện-trợ này, ta phải nhận thấy là Trung-

Cộng đã đóng góp một phần rất to lớn không những thay thế hẳn Anh quốc mà còn thay thế cả các nước khác trên thế-giới. Vì thế cho nên vào năm 1965, khi Anh đề cho người da trắng ở Rhodésia tuyên bố độc lập, Tanzania đã dám tuyệt giao với Anh. Cho tới năm 1970, tổng cộng số tiền Trung-Cộng cho Tanzania vay không lời, trả trong hạn 20 năm là 250 triệu Mỹ kim. Riêng năm 1970, Trung-Cộng đã cho vay thêm 200,5 triệu Mỹ-kim không lời, trả trong hạn 30 năm để xây cất đoạn đường sắt thuộc về Tanzania trên con đường xe lửa Tanzania-Zambia mà Trung-Cộng nhận đứng ra xây cất. Tính ra, số tiền 250 triệu Mỹ kim bằng 1/3 số tiền viện trợ của Trung Cộng cho Phi Châu và 1/6 của tổng số ngoại viện của Trung-Cộng cho thế giới. Việc sử dụng viện trợ đó là hoàn toàn theo ý muốn và nhu cầu của Tanzania: ví dụ như dựng một nhà máy sợi, xây các bể chứa nước ngọt ở Zanzibar, xúc tiến công cuộc bài trừ loại ruồi Tse Tse. Viện trợ đó nhiều khi đã gỡ rối cho Tanzania không nhỏ. Ví dụ năm 1965 khi Tanzania tuyệt giao với Anh vì vụ Rhodésia, Anh cúp luôn không cho mượn 21 triệu Mỹ kim nữa. Bắc-kinh liền đề nghị biếu không 2,8 triệu và cho vay 5,6 triệu. Một thí dụ thứ hai là vụ đường xe lửa Tanzania - Zambia nói trên. Zambia là một nước bị ngập trong lục địa Phi Châu, bao

(1) Lãnh tụ cuộc đảo chánh Zanzibar là Sheikh Abeid Karume và là Phó Tổng-thống Liên-bang Tanzania, vừa bị ám sát hồi tháng 4-1972.

vây ba phía (Đông, Nam, Tây) bởi các thuộc địa của Bồ-đào-nha (Angola Mozambique) và Rhodésia. Từ trước hàng hóa ra vào Zambia vẫn đi qua ngã Rhodésia bằng đường xe lửa. Các nước Phi Châu vì tẩy chay Rhodésia nên muốn làm một đường xe lửa khác qua Tanzania. Dự án này không được ngân hàng thế giới và Liên-Hiệp-Quốc tán trợ và cũng không được cả Liên-xô tán thành. Trung-Cộng đứng ra lãnh ngay vào cuối năm 1965. Hiệp ước được ký kết ngày 5-9-1967. Trung Cộng bỏ 401 triệu tài trợ cho công cuộc này (Tanzania và Zambia mỗi nước hưởng 1/2 : 200,5 triệu Mỹ kim). Công việc xây cất khai trương ngày 26-10-1970 gần Dar es Salaam và hiện đang tiếp tục do các chuyên gia Trung-quốc điều khiển.

Trung Cộng đã trở nên người bạn đồng minh cần thiết của Tanzania vì mấy lý do :

— Bắc-kinh đã đáp ứng những nhu cầu kinh tế và phát triển của Tanzania.

— Bắc-kinh đã giúp đỡ Tanzania xây dựng một lực lượng quân sự khả dĩ có thể đối đầu với các lực lượng của Bồ-đào-nha và Nam-Phi, đồng thời có thể hỗ trợ cho các phong trào giải phóng ở Angola và Mozambique.

Tóm lại khi Tanzania cần cái gì là Bắc-kinh sẵn sàng đáp ứng ngay để mưu toan một công cuộc to lớn lâu dài hơn như chúng ta đều biết.

Sau Tanzania là Congo-Brazaville. Khi linh mục Fulbert Youlou còn là Tổng-thống xứ này, ông là người thân Pháp và rất ghét Trung Cộng. Năm 1960, ông công nhận Trung-hoa Dân-quốc. Đến khi Alphonse Massamba Debat thay thế Youlou (8-1963) sau một cuộc cách mạng, chính phủ Congo-Brazaville mới theo chân Pháp công nhận Bắc-kinh (1-1964) và đến tháng 6-1964 thì một tòa đại sứ Trung-Cộng bắt đầu mở cửa tại Brazaville. Một tòa đại sứ Congo cũng được lập ở Bắc-kinh vào tháng 9-1964.

Một tháng sau khi lập tòa đại sứ, Trung Cộng liền cho Congo-Brazaville vay ngay 25,2 triệu Mỹ-kim. Tháng 10-64, Tổng-thống Congo là Massamba Debat sang thăm Bắc-kinh và ký 3 hiệp-ước : một hiệp ước hợp tác kinh-tế và kỹ thuật và một hiệp ước về hàng hải. Bang giao giữa hai nước mỗi ngày một thêm khăng khít. Năm 1965, Cơ Bàng Phi (hồi đó còn là Thứ-trưởng Ngoại giao) đi thăm Brazaville. Năm 1967, Thủ - tướng Congo-Brazaville là Ambroise Noumazalay đi dự lễ quốc khánh Trung Cộng ở Bắc-kinh.

Tháng 8-1968, Massamba Debat bị Thiếu tá Ngouabi lật đổ. Ngouabi lại còn thân Bắc-kinh hơn. Hoàng-Hoa hồi đó là đại sứ Trung-Cộng ở Ai-Cập (vị đại sứ duy nhất còn lại ở ngoại quốc trong khi có cuộc Cách mạng văn hóa) đã đến Brazaville để dự lễ kỷ niệm Cách mạng tháng tám

(xem tiếp trang 76)

Sinh dục và Tiến hóa

(tiếp theo B.K. 371)

Quan sát cơ thể và lối động ứng của sinh-vật, qua quá-trình tiến-hóa, người ta đã thấy rõ là cùng với sự gia-tăng những trao đổi liên lạc giữa cơ-thể với môi-trường ngoại-tại, các hệ-thống thông đạt được phát-hiện và không phải chỉ tác động bên trong cơ-thể thôi(1) mà giữa các cơ-thể sinh-vật với nhau, nhờ đó mà các hệ-thống iên lạc giữa các con vật cùng một chủng-loại cũng có cơ khai-triển và ngày càng cải-tiến. Thực ra thì các hệ-thống thông-đạt nhằm nói rộng tầm hoạt-động của con vật, tăng tiến tri-giác và phản-ứng, đáp ứng nhu-cầu dinh-dưỡng, di-động, giao tiếp sao cho càng thêm linh-hoạt, vốn đã có liên-hệ trực-tiếp với mục-đích sinh-dục ngay từ lúc đầu, nghĩa là ngay từ khi các cơ-thể vừa thu đạt được tự-định-tính và phương-thức sinh-dục hữu-tính trở thành phương-thức chính yếu cho sự sinh-sản. Chính nhờ những hệ-thống thông đạt này mới khích lệ được chuyện nam nữ cấu-tình, giúp cho những con vật khác phái, dù ở cách xa cũng nhận được nhau. Thường thường thì đó là những dấu hiệu đặc biệt dễ đập mạnh vào thị-giác, thính-giác và khứu-giác. Về *Khứu-giác* — thường được thông-dụng nhất ở loài côn-trùng — là một thứ *mùi riêng*, thoát ra từ con cái. Những con đực cùng chủng-loại

nhận ra được mùi riêng này nhờ vì trong vốn di-tính của chúng có một then máy tiếp thu, cảm-ứng đúng với cơ-cấu phân-tử của mùi riêng ấy (2). Nhà côn-trùng học Henri Fabre đã có lần thử bắt một con bướm cái của một loại bướm đêm, bỏ vào lồng, treo ở cửa sò, và rồi mọi sự xảy ra đúng như ông dự đoán. Những con bướm đực, ở cách xa hàng trăm thước, lũ lượt tranh nhau kéo về xúm xít chung quanh người đẹp (3). Và không riêng gì loài vật, điềm lạ lùng hơn là ngay *Noãn* cũng áp-dụng phương-thức này để quyến-rũ tinh-trùng. Với cuộc thí-nghiệm bằng Tinh-trùng và Noãn của Cầu Gai, người ta đã thấy rằng nếu chứa Noãn trong một cái giỏ kết bằng lưới kim-khí để Noãn không thể lọt qua, đem nhúng giỏ vào một lọ nước bề, ngâm trong

(1) Một cơ-thể sinh-vật là một đơn-vị tích hợp nhiều, cơ cấu và chức năng phụ thuộc và lệ-thuộc lẫn nhau. Trong cơ thể tất cả các phân-tử cần phải hoạt động cho ăn khớp, và muốn được như vậy mỗi phân tử phải có khả năng tiếp nhận và phải được tiếp nhận các điềm thông báo cần thiết. Hơn nữa, ở cơ-thể đa bào, các tế bào được phân hóa để chuyên lo một phần việc riêng biệt (tri giác, dinh-dưỡng, vận động, tích-hợp v.v.) nên càng phải nhờ có hệ thống thông đạt tác động bên trong cơ thể để có thể phối trí các hoạt động chung của cơ thể.

(1) *La Logique du vivant* par François Jacob — (Conclusion : l'intégron) p. 339.

(2) *Les conquêtes de la Vie* par Henri Friedel — (Les tactismes) p. 23.

giây lát rồi lấy ra, xong lại cho tinh-trùng vào lọ, thì cả đám tinh-trùng đều đổ xô vào đúng ngay chỗ đã ngấm giở noãn (1). Về *thính-giác* thì đó là tiếng kêu. Để tí-tê dưới cỏ, ếch nhái đồng-ca trong ao, trong đầm, ve sầu hòa-tấu, chim chóc « há mỏ hát ra thơ » trên cành v.v. không phải chỉ để làm ồn vô lối đâu, nhưng là để nhắc nhở, thúc giục nhau rằng mùa Ân Ái chóng qua, nhiệm-vụ sinh-sản là vô cùng khàn-trương, cấp-bách. Mọi gọi thường là công việc của cả đôi bên, nhưng riêng ở loài côn-trùng thì chỉ có nam-giới mới có quyền lên tiếng. Về *Thị-giác* thì đó là hình-trạng của các bộ-phần liên-hệ đến sự sinh-dục, là màu sắc của da, của lông, của vi, vảy, là lối trang-trí trên cánh, trên vỏ, trên mai của muôn loài trên đất liền cũng như trong thủy-giới. Thêm vào đó còn có rất nhiều bộ điệu lả-lướt, lễ-thức khá phức-tạp cầu-kỳ để tổng tình, gọi cảm.

Tất cả những hệ-thống dấu hiệu thông đạt này giữa nam với nữ đều đã được tuyên trạch một cách khắt khe bởi luật đào - thải tự - nhiên, nhằm vào mục-đích sinh-sản. Tiến lên đến loài Có Vú, thì các hệ-thống này càng được cải-tiến đủ mọi phương-diện: khứu-giác, thị-giác, thính-giác, xúc-giác, theo với sự cải-tiến hoàn bị hơn của hệ-thống sinh-dục.

Lại bởi lẽ sự Sinh-dục là mục-tiêu chính của cuộc tranh-thủ sinh-tồn, và qua những gì chúng ta đã nhận

thấy, mọi sự quả đã chứng tỏ rằng trong cuộc tiến-hóa có vẻ như là không có định-hướng này, có vẻ như triển diễn một cách ngẫu-nhiên, chính sự Sinh-dục đã định một cái hướng cho sự Ngẫu-nhiên (3), và nhờ có sự định-hướng này mà Vật sống càng tiến xa hơn trong cuộc tiến hóa đi lên, không những về hình thức cơ-thể mà cả về mặt sinh-hoạt tâm-thần.

Thực vậy, do sự phát-triển của tính-dục nhằm vào chủ-đích sinh-sản, mà tinh-thần trách-nhiệm, liên-đới, tình thương yêu đã mạnh nha, phát hiện rất sớm trong dòng tiến-hóa.

Sinh sản là để bảo đảm sự trường tồn cho chủng-loại, do đó, mặc dù những con Cái phải giữ vai trò chính yếu, phải đón nhận kết quả, phải chịu mang nặng đẻ đau, phải tự giải quyết lấy chuyện lâm bồn, nhưng

(1) *Les conquêtes de la Vie — (Effluves amoureux)* p. 64.

(2) — Cũng như lối góp vốn di-tính của các giao-tử đực, cái, lối tổ hợp của các hạt giống di-truyền, sự phân ly và tái tổ hợp của các nhiễm-thể thường diễn tiến một cách tình cờ may rủi, các Ngẫu-nhiên nguyên nhân biến hóa của cơ thể sinh vật, cũng phát hiện một cách ngẫu-nhiên, không nhằm vào mục-đích nào hết, không liên quan gì đến các nhu cầu thích ứng hoàn cảnh của cơ thể sinh-vật. Sự tuyên-trạch là do luật đào thải tự nhiên, mà sự tuyên trạch này chỉ nhằm vào cái lợi thể thích ứng vì chủ đích sinh sản.

(3) *La logique du vivant* par François Jacob. (Chap. V. *La molécule : la copie et l'erreur*) p. 317.

không phải vì thế mà những con Đực tỏ ra hoàn-toàn vô trách nhiệm. Trái lại, đã có rất nhiều hiện-tượng, nhất là ở các loài Chim, loài Cá và loài Có Vú, chúng tỏ chúng cũng rất đàng hoàng ở cương-vị làm chồng, làm cha, rất nghiêm chỉnh tận tụy trong việc chia sẻ những nỗi khó khăn cùng người bạn đời, dù là tạm bợ, dù không có hôn thê, hôn thú ràng buộc phải ăn đời, ở kiếp, sống gởi nạc và thác gởi xương.

Trước tiên là ở loài Cá. Những loại Cá nào càng đẻ ít trứng hơn thì càng tỏ ra có ý-thức bảo-vệ con cái nhiều hơn. Bọn Cá Chình chẳng hạn vì miệng tròn dễ hút đá, hút sạn, nên khi cần sinh nở, cả con đực lẫn con cái hì hục khuân đá, chất thành tổ để chuẩn-bị nơi khai hoa mãn nguyệt. Các nhà sinh-vật-học nghiên cứu về phong-tục loài vật đã ghi nhận rằng ở phần nhiều các loại cá, công việc bố trí buồng đẻ thường là thuộc về phần cá đực. Ở nhiều giống, con đực tỏ ra rất chu đáo và tận tâm. Loại Cá-Bơ (Poisson-Beurre) thường chọn vỏ ốc cho vợ nằm nơi, và trong lúc con Cái ở cũ thì con đực canh gác bên ngoài một cách cẩn mật. Mỗi lúc thoáng thấy bóng bọn cá lạ lảng-vảng thì nó phùng mang, trợn mắt, diều võ dương oai, cổ chúng tỏ là kẻ nào muốn xâm nhập vào bên trong thì phải bước qua xác chết của nó trước đã. Một loại cá gọi là cá Lombe, đẻ từ 80 đến 130.000 trứng trong hốc đá dưới

đáy bể. Con đực lo bảo-vệ trứng, đêm ngày xua đuổi bọn Sò Bè, Cua, Sò thường bén mảng lại gần và nó tỏ ra tận tụy đến nỗi quên ăn, quên uống suốt mấy tháng trời, cho nên khi đàn con chào đời thì nó cũng không còn đủ sức mà sống nữa. Loài Cá Ngựa không những có lối tỏ tình yêu đương độc đáo như đã nói, mà đến cách thức phân-công trong việc sinh-sản cũng lại độc đáo hơn nhiều. Khi con Cái đẻ trứng xong thì dồn hết trứng vào cái bọc nằm dưới bụng con đực, giống như cái bọc của loài Đại-thử. Đực lang-quân cứ mang trứng như vậy mãi cho đến khi trứng nở. Đàn cá con lần quần theo cha nhiều hơn theo mẹ(1). Ở loài *Lurong-thê không đuôi*, nhiều giống cũng tỏ ra không kém sốt-sắng, chu đáo về phương-diện này. Giống *Rhinoderme*, khi trứng vừa nở, con đực chực sẵn để nuốt đàn con. Nhưng không phải nuốt theo cái nghĩa là xơi cho đỡ đói mà nuốt để cho đàn con vào sống trong cái bọc phát-thanh của nó qua suốt thời kỳ ấu-trùng rồi mới nhả ra. Nó thích nuôi con thay vợ thế thôi, chứ không phải vì con Cái chẳng biết nuôi nấng đàn con hay chẳng thích nuôi con. Ngộ hơn nữa là trường hợp của chú Cóc *Alyte*. Con cái khi đẻ, thường mắc phải cái bệnh lười là không chịu xuống nước, chỉ thích nằm đẻ trên khô. Phụ-nhân nan hóa, biết tính làm sao bây giờ! Để tránh cái nạn hữu-sinh vô-dĩ-ởn, chú Cóc

(1) *La Faune des Océans* par E.G. Boulenger (*Les Poissons*) p 167.

được chăng những chịu đóng vai trò Bà Mẹ, tháo băng trứng dài ra khỏi bụng vợ, mà còn quấn băng trứng quanh chân, rồi lom - khom mang xuống hồ, xuống ao ngâm nước, đi đi về về đều đặn như vậy rất nhiều lần trong mỗi ngày cho đến khi trứng nở. (1) Ở loài có vú, tuy chịu tiếng là hung tợn, bạc ác như bọn lang sói, nhưng những con sói được đối với vợ con cũng tỏ ra rất đối nặng tình. Bọn Sói được lo lắng miếng ăn cho vợ, cho con hết sức chu-đáo, lắm khi phải lặn lội đi xa tới hai-mươi lăm cây số để kiếm chác mỗi ngon đem về (2).

Nếu cái tinh-thần trách-nhiệm, tình thương yêu tận tụy của giống được đã sớm phát hiện ở loài vật như vậy, thì một yếu-tố khác hơn, quan-trọng và bảo đảm hơn cho sự sinh-tồn cũng đã được tác-luyện từ những lớp tạo-sinh ở mọi nấc của cái thang Tiến-hóa.

Đó là Tình MẪU-TỬ.

Chiêm-nghiệm về cuộc Đại-hóa, triết-gia Bergson, với một trực-giác bén nhạy đã cảm nhận được cái then chốt uẩn tàng của guồng máy Hóa-sinh, khi ông ghi lại những dòng sau đây :

« ...Cuộc tiến hóa đại đề thường thể-hiện theo đường thẳng được chùng nào hay chùng ấy, nhưng mỗi cuộc tiến hóa đặc thù lại là một tiến trình triển chuyển theo lối vòng tròn. Như những làn bụi cuốn khi gió thổi tung lên, các Vật-sống cũng tự xoay tròn, treo mình theo luồng Linh-khi

của sự Sống. Và như vậy chúng có vẻ tương đối ổn-cố, lại khéo nguy-tạo khá giống tính-cách bất-động đề chúng ta thường xem chúng như những « sự-vật » hơn là như những « tiến-hành », quên rằng cái tinh vĩnh-cửu về hình-thái của chúng chỉ là hình vẽ của một chuyển-động đó thôi. Tuy nhiên, thỉnh-thoảng chính cái luồng linh-khi mang theo các vật-sống ấy, cũng phát-hiện một cách cụ-thể và trong thoáng chốc, dưới mắt chúng ta. Chúng ta có được sự thiện-khải bất thần ấy trước một số dạng thức của tình Mẫu-tử, hiển-nhiên biết bao, đáng cảm-động biết bao ngay ở phần đông loài vật, và có thể chiêm nghiệm ở cả cái dáng nâng-niu âu-yếm của loài thảo mộc đối với những mầm, hạt do chúng cưu-mang. Tình Yêu thương ấy, — trong đó một số người đã nhận thấy được lẽ Huyền-nhiệm của sự Sống — khai-minh với chúng ta cái bí-quyết của đạo hóa-sinh. Nó cho chúng ta biết rằng mỗi thế-hệ có trước luôn luôn hướng xuống thế-hệ tới sau. Nó giúp chúng ta cảm đoán được rằng sinh-vật trước nhất là một trạm kinh-quá và phần cốt tử của sự Sống nằm trong cái triều vận chuyển đưa nó tiến tới không ngừng » (3).

(1) Les Conquêtes de la Vie par Henri Friedel (Les difficultés des jeunes amphibiens) p.232

(2) Le Singe nu par Desmond Morris (Structure et le mode de vie des purs carnivores) p.27.

(3) L'Évolution créatrice par H. Bergson — (Développement de l'animalité) p. 129. — Presses Universitaires de France. 1948.

Đến nay, mọi sự càng chứng tỏ rõ ràng như vậy: sự Sống xuất hiện như một dòng trôi chảy từ phôi-chủng này qua phôi-chủng khác do sự trung-gian của một cơ-thể phát-dục.

Quan.sát các loại tạo-sinh, điểm đáng chú-ý ở đây là cơ-thể càng được phức - tạp hóa, các hệ - thống tính-dục, các khí-quan sinh dục càng được cải-tiến nhằm bảo đảm cho sự sinh-sản được chắc chắn hơn, thoát khỏi tình trạng tùy thuộc sự may rủi, tình cờ, thì tình Mẫ-tử cũng càng phát-triển, nhất là ở lớp Có Vú. Một đặc điểm về phương-diện sinh-lý là chất *Kích-nhũ* (Prolactine), một loại kích-thích-tố do não-thùy tiết ra, có thể được coi là loại kích-thích-tố của Tình Mẫ-tử, vì nếu chích chất này cho một con gà mái lười ấp trứng thì nó sẽ không lười ấp nữa, nếu chà xát một loại thuốc sáp chế bằng chất này cho một con *Hà-mã cái* quen thói cắn con thì nó không cắn nữa mà còn tỏ ra âu yếm (1). Về lối động-ứng của con vật, tình Mẫ-tử còn là một lối biểu-hiện tâm-lý có thể bảo-chứng cho cái đúng của quan-niệm «*trí khôn vốn là sự hiểu biết theo cái nghĩa rất rộng rãi của danh-từ và, do đó, nó đã hàm-tàng một phần nào ngay trong bản năng của loài vật*» (2). Quả vậy, càng nhận xét về tình mẫ-tử chúng ta càng phải nghĩ như Jean Piveteau từng nói: «*Con vật cũng suy nghĩ nhưng nó không biết là nó suy nghĩ đó thôi*» (3). Đây là loài Hồ-hầu Makis

ở Mã-đảo. Con cái mỗi lần có thai (trong hai tháng) chỉ đẻ một con thôi và rất cứng con. Trong ba tháng đầu nó cho con nó bu trên ngực, chân quắp vào mình mẹ, hai tay nắm chặt lấy vai, rồi sau thời kỳ này, nó cho con nó cõi trên lưng suốt bốn hoặc năm tháng trời. Loài Hồ-hầu Sifakas, cũng ở Mã-đảo, còn thương con hơn nhiều. Theo nhà vạn vật học Grandier, tình mẫ-tử ở loài này rất là sâu đậm. mãnh liệt. Khi một con hồ hầu Sifakas bị đoàn người đi săn bắt gặp tình-ling, và nếu hai mẹ con nó cùng ở vào cái thể không thể nào tẩu thoát được, thì nó liền cõng con nó sau lưng rồi đưa ngực ra phía mũi súng hay mũi giáo (4). Loài Khỉ Cựu-thế-giới, thông minh hơn loài Khỉ Tân-thế-giới. Sự thông minh của chúng biểu-thị rõ ràng nhất trong lối dạy dỗ con thơ của bọn Khỉ cái. E.G. Boulenger. Giám-đốc Sở thú ở Luân-đôn, nghiên-cứu nhiều về Khỉ, đã cho biết về lối dạy dỗ của Khỉ như sau: «*Một khi Khỉ con bỏ bú thì sự dạy dỗ được con mẹ bắt đầu ngay về mọi phương-diện. Chính con mẹ chịu trách nhiệm về vấn-đề này.*

(1)— *Peut-on modifier l'homme?* par Jean Rostand — (Conquêtes et espoirs de la Biologie) p 23-24. Edit. Gallimard. 1956.

(2)— *L'Evolution humaine* par Jean Przyluski (Instinct et liberté) Presses universitaires de France p 8 — 1942.

(3)— *L'Origine de l'homme* par Jean Piveteau (La main et le cerveau: naissance de la réflexion). p 47

(4)— *La vie des animaux* Léon Bertin (Les mammifères) -Larousse.

Nó đưa con nó đi xa hẳn cha và, qua nhiều tuần, dứt mớm, hướng dẫn ném trước từng món ăn của khi con, bày vẽ cung cách kiếm ăn cho đến lúc khi con có đủ kinh nghiệm để phân biệt được những thứ nên ăn và những thứ cần tránh. Con mẹ còn tập cho con leo trèo, bắt đầu từ lối trèo trên đuôi nó, đứng trên dây leo, trên cành cây thấp rồi tiến lên cao dần» (1).

Vì nếu ghen tương cũng là một biểu hiện tâm lý có liên quan đến

tình yêu theo đúng nghĩa chữ Yêu của loài Người. thì tính ghen-tương đã phát - hiện cùng xã - hội tính và tình gia-đình ở nhiều loài động vật cao - đẳng, nhất là ở các giống Khỉ Đầu Chó. Loại khỉ này hiện sống ở Phi-châu, Á-rập, trong những vùng cheo-leo, hiểm-hóc, trên cao-độ từ 3.000 đến 4.000m. Chúng sống thành từng đoàn độ 200 hoặc 300 con, dưới quyền lãnh-đạo của một con khỉ đực cao-niên, và tập

Sửa lại cho đúng

Trong bài « Sinh dục và Tiến hóa » của ông Phan Du trên B.K. số 370 (1-6-1972) đã in lầm những hàng sau đây, xin bạn đọc vui lòng sửa lại cho đúng :

— trang 35 cột 2 hàng thứ 20 :

Đã in : và được ông đặt tên là *Acide nucléique*.

Xin sửa lại : và được ông đặt tên là « *nucléine* », rồi sau đó đổi thành « *acide nucléique* ».

— trang 36, cột 2, bị chú số 2, từ hàng thứ 17 đến hàng 13 (dưới lên).

Đã in : Gọi là *ARN* vì chất đường của nó là *Ribose* chứ không phải là *désoxyribose* (loại đường đặc biệt mỗi phân-tử chỉ có 5 nguyên tử cac-bon thay vì 6).

Xin sửa lại : Gọi là *ARN* vì chất đường của nó là *Ribose* (loại đường đặc biệt, mỗi phân-tử chỉ có 5 nguyên-tử cac-bon thay vì 6), chứ không phải là *désoxyribose* (cũng chỉ có 5 nguyên-tử cac-bon, nhưng mỗi phân tử lại chứa kém đi một nguyên tố *oc-xy*).

— trang 36, cột 2, bị chú số 2, hàng 8 (dưới lên).

Đã in : loại thực bào / \times 174.

Xin sửa lại : loại thực bào Φ X 174. (Φ , chữ Hi-lạp đọc là Phi, có nghĩa là Phage hay Bactériophage).

đoàn có tinh-thần tổ-chức khá cao, có kỷ-luật, trật-tự, nhất là về phương diện luyện-ái. Mỗi con khi đực c thể có một vợ hay nhiều, nhưng tuyệt đối không có chuyện thông gian lem nhem, bê bối. Khi đực kiểm soát bọn khi cái nâng khăn sửa túi một cách chu-đáo, nghiêm nhặt, nhờ cô nao lén lút ngoại tình, bắt được tại trận thì nó cắn họng cho chết tức khắc, không chút xót thương(2).

Căn cứ vào lối phát triển tâm tính, phong tục của loài vật, thì đã rõ ràng là trong cuộc tiến hóa đi lên của Vật-sống, chính sự sinh-dục đã góp một phần quan-trọng, không những về mặt cải-tiến cơ-thể mà cả trong cái đà phát-triển sinh-hoạt tâm-thần từ những phản-xạ kém phối trí của loài vật đơn bào tới cái trí khôn cụ thể

của loài vật và trí khôn biểu-tượng, khả năng suy-tưởng của loài người. Đáng kể nhất trong cái di-sản chung của muôn loại tạo-sinh qua hai tỉ năm trời kinh-nghiệm còn tích lũy trong ký-ức di-tính, phải là tình mẫu-tử, cái tinh thần trách nhiệm, ý hướng bao vệ giáo dục những lớp sơ-sinh, vì chính đó là cái phần vốn liếng đã giúp cho lớp sơ-nhân của nhân-loại mở đường cho cuộc tiến hóa cao hơn, thoát vượt được những hiểm họa trầm vong như chúng ta sẽ thấy khi tìm hiểu ý nghĩa sinh dục trong cuộc tiến hóa văn hóa, xã hội của loài người chúng ta.

PHAN-DU

(1) *La vie des animaux* Léon Bertin (les mammifères) Larousse.

(2) *La vie des animaux* par Léon Bertin (Les mammifères)

Tăng cường sinh lực bằng

C E T O N I C

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

BANQUE

A votre service

tous les services de la

BANQUE

NATIONALE

DE PARIS

Chống hay chịu thuốc diệt trùng

Con người từ khi biết trồng trọt không ngớt kiếm cách tăng gia sản xuất. Lúc ban đầu các nhà nông chỉ biết theo dõi thời tiết để thích nghi cuộc cày, cấy hay cắt, gặt. Dần dần, họ thêm thất tưới nước, bón phân, làm khi còn phải tranh đấu với sâu bọ, bệnh hoạn để làm tăng mùa màng.

Thời đại kỹ nghệ công hiến nào phân bón, nào thuốc men hóa chất kịp đúng lúc số người trên thế giới đang tăng vùn vụt và từ đây vấn đề số lượng thức ăn cũng được đặt ra. Trong số các thuốc dùng để diệt trùng, chất DDT được nói đến nhiều nhất tuy nó không phải là chất thuốc độc nhất đã được rải khắp mặt đất từ một phần tư thế kỷ nay.

Chất DDT hay dichloro-diphényl-trichloroéthane là một môn thuốc thuộc nhóm hóa chất hữu cơ có nguyên tố chloro trong phân tử. Nó được tìm ra như là một khí giới mầu nhiệm để trừ khử sâu bọ không những đã phá hại mùa màng mà còn truyền nhiễm bệnh chứng trong rất nhiều vùng trên mặt đất. Lấy ví dụ một con muỗi truyền bệnh sốt rét rừng (anophèle), trước kỷ nguyên DDT, mỗi năm giết chết khoảng năm triệu người. Ngày nay đây, nó còn phá hoại một nửa số người ấy. Người ta còn nhớ cuối trận thế chiến trước, khi quân đồng minh lần tiên vào vùng Thái-bình-dương, hàng ngàn tấn DDT đã được rải trước ở mỗi nơi sẽ hành quân. Nhờ vậy mà quân

binh ít bị các bệnh nhiệt đới quấy rầy.

Người ta tính ra DDT có thể ngăn ngừa gần đến ba mươi chứng bệnh. Đặc biệt, ngoài loại muỗi truyền bệnh sốt rét rừng đã thấy, nó còn diệt trừ những giống ruồi xê-xê truyền bệnh ngủ, những giống ruồi cát (phlébotome) gây ra chứng bệnh ở bạch huyết cầu (leishmaniose), những giòi ruồi đen có thể làm mù mắt (onchocérose) mà người châu Phi rất sợ, rận người truyền nhiễm bệnh sốt rét, bọ chét chuyển đi dịch hạch,... Bên cây cỏ, DDT giết được những sâu anthonome ăn hại cây bông, sâu coléoptère tàn phá đậu, sâu popilée japonica làm hư hỏng mọi vườn rau, không nói đến các giống mối ở các xứ nóng phá hư không những cây cối mà còn cả nhà cửa, áo quần,...

Sở dĩ thuốc DDT có tác dụng dễ dàng lên sâu bọ là vì da sâu bọ thường chẳng có chất gì thấm qua được, lại để cho DDT lọt vào bên trong cơ thể. Tuy cơ chế chưa được thông hiểu rõ ràng, người ta cũng đã biết DDT xông vào những thớ thần kinh, hợp với những cấu chất của các thớ này thành một bức tường có tính chất ngăn cản không cho các nguyên tố sodium và potassium chuyển qua màng thần kinh, từ đây làm hỗn loạn cách truyền đạt thông lượng thần kinh. Vì vậy chỉ cần rất ít thuốc cũng giết chết được sâu bọ.

Hồ sơ khởi tố

Trước tác dụng mầu nhiệm của DDT, có nhiều nơi nhà nông đã ham hố dùng

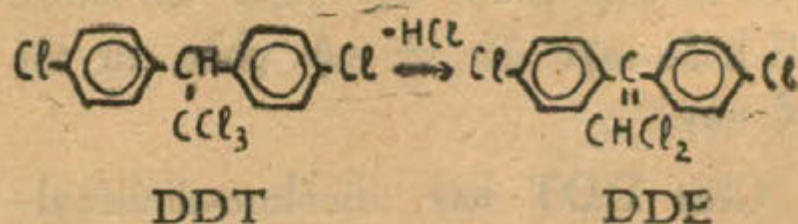
nhiều để thực hiệu lên được cao. Bên Bắc Mỹ, ở Hoa-kỳ cũng như Canada, người ta đã không ngần ngại dùng tàu bay để rải lên những khoảng đất rộng lớn. Mười năm sau tại biển mới bắt đầu được nhận xét. Ở Nouveau-Brunswick, chất DDT đã giết gần hết một nửa số cá hồi ở sông. Năm 1959, chất DDD (gần giống chất DDT) rải vào hồ Clear Lake ở California để giết giòi muỗi lại giết luôn những giống chim ăn cá (grèbe) đã sống ở đây. Trong số một ngàn cặp trước kia, chỉ còn có ba mươi cặp mà như tưởng chúng cũng sắp tiệt nòi.

Nhiều chuyên gia đã bắt đầu chú ý đến những tai nạn này nhưng phải đợi đến năm 1962 mới có cuốn sách của nhà sinh vật học Rachel Carson bên Hoa-kỳ «Mùa xuân yên lặng», như một quả bom vỡ nổ, kịch liệt lên án những chất diệt trùng. Sách viết rất phổ thông nên ai đọc cũng hiểu và phong trào chống đối bắt nguồn từ Hoa-kỳ dần dần lan tràn qua khắp nước khác làm lo sợ một số lớn quần chúng, nhận định hàng ngàn, hàng vạn tấn chất thuốc đổ vào đất đai, vườn tược ắt có ngày làm tổn thương đến cả con người.

Lúc ban đầu, người ta nghĩ chất DDT dựa lên hai tính chất đặc biệt của chất thuốc: Thứ nhất là thuốc rất ổn định, nghĩa là khi đã lọt vào đất đai, nó không tan biến dễ dàng. Nó có thể ăn bám rất lâu vào nơi đã được rải hay theo mưa gió phân tán vào những địa phận xung quanh. Thứ nhì là DDT rất công hiệu, nghĩa là thuốc giết được rất nhiều sâu

bọ. Nhưng vì không biết lựa chọn, nó giết luôn cả những sâu bọ có ích và dần dần đầu độc cả con người (và các loại mãnh cầm) là giai đoạn cuối cùng của một dây động vật ăn thịt vì chính ở con người mà dồn dập lại một số lượng thuốc đã gom góp qua các cơ thể lần lượt bị ăn thịt.

Về tính chất ổn định của DDT chẳng mấy ai chối cãi. Đây là một tính chất hóa học hẳn nhiên và dễ thấy. Trong phân tử của nó, hai vòng benzène cùng nối liền với một nguyên tử carbone là một cơ cấu vô cùng bền chắc, không sao dễ gãy được. Nếu nó có mất một phân tử HCl (acide chlorhydrique) để biến thành chất DDE (dichlorodiphényl-dichloro-éthylène) thì chất này cũng còn rất độc.



Các chất ấy không tan hòa trong nước mà lại rất dễ dính vào các chất mỡ, vì vậy dễ tụ đọng trong cơ thể động vật. Người ta đã từng nói đến chất DDT tìm ra được trong mỡ các giống manchet ở Nam cực. Cuộc chuyển đạt như tưởng đã do những đàn chim di thể đảm nhận.

Chất DDT tụ đọng trong cơ thể cũng là một hiện tượng đã được chấp nhận. Có điều sau nhiều giai đoạn, động vật này ăn thịt động vật kia, số lượng DDT trong cơ thể vì vậy càng ngày càng tăng và những người lên án DDT chắc chắn những động vật cuối cùng của dây là bị tổn thương nhiều nhất. Họ lấy dẫn chứng giống chim ưng (faucon

pèlerin) đang biến mất trên bầu trời châu Âu cũng như châu Mỹ. Họ cũng còn tìm ra được trong nhiều tổ mành cặm, trứng bị vỡ vì vỏ quá mỏng. Mà vỏ trứng thành mỏng là vì DDT đã ngăn cản một dạng cuộc tích trữ calcium trong xương, một dạng cuộc chuyển đạt chất calcium ấy từ xương qua vỏ trứng. Thí nghiệm đã chứng minh hiện tượng này.

Hiện nay, hồ sơ chống DDT đã ghi được một bản kê khá dài những loại thú bị đầu độc : mành cặm, chim, cá, nhiều loại động vật có vú. Những thí nghiệm cho chuột ăn DDT đã thấy được ung thư, bạch huyết phát khởi, có khi sùng phù hiện ra ở gan. Người ta còn tìm biết DDT ngăn cản cuộc tích trữ calcium vì đã làm thác loạn thăng bằng kích tố oestrogène có nhiệm vụ điều hòa tác dụng biến thể nguyên tố calcium. Gần đây, người ta lại thấy DDT kích động những giểu tố làm hư hại những kích tố tính phái, đưa lại một hậu quả bất ngờ : DDT làm mất hoạt động những kích tố oestrogène của các viên thuốc ngừa thai ! Rủi là chính ở những nước chậm tiến ứng dụng thuốc ngừa thai để điều hòa sanh sản thì cũng là nơi cần dùng nhiều thuốc DDT.

Hồ sơ kháng biện

Tuy bằng chứng không thiếu, những người chống đối DDT cũng chịu nhận nguy hiểm chưa có tính cách cấp bách và thật ra cũng chưa có gì rõ ràng đối với con người. Nếu có những nước như Thụy-điển, Hòa-lan, Na-uy, Đan-mạch, Tây-Đức, Nhật-bản... đã bắt đầu cấm dùng

DDT trên khắp lãnh thổ thì cũng có nhiều nước khác đang còn do dự. Ở Pháp, DDT chỉ bị cấm gần sông ngòi và ao hồ nhiều cá. Ở Anh, một cuộc khảo sát về chim cho thấy số sinh đẻ, chết chóc chẳng thay đổi từ 1940. Những chuyên gia đã tuyên bố trong biên bản Wilson : «... Chẳng có liên quan giữa DDT và sự suy đồi của các giống mành cặm, đặc biệt chim ưng và diều hâu...» Đàng khác, họ cũng không chịu chắc DDT đã làm vỏ trứng chim mỏng lại, một đàng vì còn có nhiều duyên cớ khác, một đàng trong số các chất diệt trùng hữu cơ mang chlore còn có những chất aldrine, dieldrine mành liệt không kém gì.

Bên phía Tổ chức quốc tế y tế (O.M.S) thì sau một cuộc hội đàm giữa các chuyên gia về công y, độc vật và địa gia (écologie), đã có thông cáo rõ rệt : «... Phế chỉ DDT sẽ là một thảm họa về phương diện y tế nhân loại...» Thật vậy, những con số sau đây đã biện hộ cho DDT. Năm 1955, Tổ chức O.M.S xác định một chương trình chống bệnh sốt rét rừng trong một trăm hai mươi bốn quốc gia và địa hạt nhiệt đới : chất DDT được đem phun khắp các nhà ở. Kết quả là mười chín nơi thoát khỏi hẳn chứng bệnh. Những nước khác đang tiếp tục tranh đấu, có khi với một chương trình mành liệt hơn.

Ở Ceylan, kết quả còn rõ ràng hơn : năm 1950, người ta ghi có hơn hai triệu bệnh nhân sốt rét khi chương trình chống bệnh mới bắt đầu. Mười hai năm qua, số bệnh nhân sụt xuống

ba mươi một người và năm 1963 chỉ còn 17 bệnh nhân. Nhưng vào khoảng ấy, vì lý do tài chánh, chính phủ cho đình chỉ việc phun DDT. Năm 1967, số bệnh nhân lên đến ba ngàn, năm 1968 hơn mười sáu ngàn và qua năm 1969 trở lại số hai triệu lúc trước. Có chứng minh nào hùng biện bằng!

Thông cáo của tổ chức O.M.S. còn cho biết từ hai mươi lăm năm nay, hơn một tỷ người đã được cứu khỏi bệnh sốt rét ngã nước nhờ DDT. Ngày nay còn ba trăm hai mươi chín triệu người đang được che chở cũng nhờ DDT. Đến nay, một ngàn bốn trăm chất thuốc đã được đem thử mà chỉ có hai chất có thực hiệu có thể so sánh với DDT nhưng vẫn còn thua xa.

Nhiều nhà bác học trên thế giới cũng lên tiếng chống đối hay bênh vực DDT. Trong số các nhà khoa học này, lớn tiếng nhất có lẽ là nhà nông học Norman E. Borlaug, người vừa được giải thưởng Nobel hòa bình năm qua nhờ đã gây ra «cuộc cách mạng xanh» (Bách khoa số 341). Trong một bài thuyết minh đọc hôm 8-11-1971 tại Roma, ở một khóa họp của Tổ chức quốc tế thực phẩm và canh nông (F.A.O.), ông kịch liệt phản đối những người muốn bài trừ những thuốc diệt trùng (Le Courrier de l'Unesco số tháng 2-1972). Theo ông, canh nông không thể rời bỏ thuốc diệt trùng mặc dầu thay đổi phương pháp trồng trọt vì không thể có được một sự điều hòa sinh vật học thiên nhiên. Nhất là ngày nay nhờ các chất diệt trùng mà người

ta đã giải quyết được 80 đến 90% các khổ khăn về y tế cũng như về canh nông.

Đằng khác, không có một chứng cứ gì rõ rệt để đổ tội cho DDT đã gây ung thư hay mọi hỗn loạn về mặt di tính trên con người. Còn về thú vật và cây cối thì nếu hiện nay có một trăm hai mươi chín giống đã hay đang mất gốc trong số một trăm mười vạn loại thú và ba mươi lăm vạn loại cây trên toàn thể mặt đất thì dẫu nhiên có không phải hoàn toàn tại các chất diệt trùng mà là tại hoạt động phá phách hữu ý hay vô ý của loài người.

Còn võ trứng chim mồng lại thì cũng không phải do DDT điều động. Theo ông Borlaug, khoảng 1880-1890, những nhà điều học đã ghi nhận số mảnh cầm càng ngày càng sôi sục, mà hồi ấy đâu có chất DDT! «Tiến triển hay diệt vong» luôn còn là một định luật đào thải mà giống loại nào cũng phải chịu theo trong thiên nhiên.

Tranh đấu sinh vật học

Nói tóm lại, rất khó thiết lập khách quan một bản kê tường tận những phương diện tích cực và tiêu cực của DDT. Riêng ở các nước nghèo khó, cái lợi rõ ràng là giá rẻ, dễ dùng. Câu chuyện chống, chịu thiệt ra chỉ được bàn cãi mãnh liệt ở các nước giàu mạnh, nhưng như tưởng ở các nước này, mức tiêu thụ DDT cũng bắt đầu giảm xuống. Nhiều giống sâu bọ đã thích nghi hay ngẫu biến chống chọi được lại thuốc nên các nhà nông cũng dần dần muốn bỏ.

Trong các loại thuốc mới được thí nghiệm, các hóa chất mang chlore như aldrine, dieldrine, lindane,... còn độc hơn DDT và vẫn tồn tại lâu dài trong đất đai. Các nhà khảo cứu đã nghĩ đến những chất hữu cơ có lân (phosphore). Dễ tan biến hơn các chất mang chlore, những thuốc này có bất tiện là rất độc cho con người (chỉ hai trăm miligam thuốc parathin là đủ để giết một người). Những chất carbamate cũng đã được đem thử nhưng cũng vì quá độc nên bị bỏ ngay. Cuộc khảo cứu hiện nay nhằm đích làm sao chế được thuốc chỉ diệt một loại sâu bọ nào đó thôi : sâu nào thuốc này ! Gần đây, loại thuốc diệt trùng mới nhất được chú ý đến nhiều không phải một chất gì xa lạ mà lại thuốc DDT làm thành viên, xung quanh có một lớp xúc tác bao bọc. Sau bốn ngày, theo hăng chế tạo, chất xúc tác tác dụng lên DDT để biến nó thành một hóa chất khác, không độc cho thú vật. Có điều mới xem thì hóa chất này có thể không độc nhưng rồi với thời gian, biết đâu nó lại không phá hư đất đai, cây cỏ như DDT.

Rút cuộc, xem như cuộc tranh đấu hóa học không đem lại được một giải đáp thích thời. Trái lại nhiều nhà khảo cứu đã hướng về một cuộc bài trừ sinh vật học. Để chống chọi sâu bọ, sao lại không dùng một giống sâu bọ địch thủ, vi sinh, vi trùng như thường thấy trong thiên nhiên ? Khó khăn là tìm cho ra được giống loại địch thủ kia và làm sao cho nó thích nghi sống được ở chỗ cần dùng. Thật vậy, đem một thú vật ở một chỗ

này cho qua sống ở vùng khác là cả một vấn đề. Bên Hoa-kỳ, trong số năm trăm hai mươi giống loại nhập cảng, chỉ có hai mươi còn tồn tại hữu ích. Ở Pháp, từ một nửa thế kỷ nay, người ta cố gắng nuôi địch thủ của các loại doryphore mà chỉ có hai, ba giống sống sót. Nhưng ở châu Úc, nhờ một loại bọ rùa (coccinelle) mà tiêu diệt được cả một giống bọ phẩm (cochenille), cũng như ở Pháp, nhờ sâu Opius mà trừ được ruồi ăn trái cây.

Người ta cũng đã nghĩ đến cách bẫy sâu bọ bằng những phương sách cơ học (ánh sáng đen) hay hóa học : những chất thiên nhiên như phéromone có tính chất hấp dẫn giống loại vào thời kỳ giao cấu. Người ta cũng có thể đánh lừa sâu bọ, thả ra những giống đực đã được điều trị để hết còn có con ; những con đực này vẫn giao cấu như thường nhưng trứng sẽ không thụ thành thai. Ở châu Mỹ, nhiều giống ruồi đã được bài trừ theo phương pháp này. Nhưng gần đây các khảo cứu viên lại thấy các ruồi cái bắt đầu biết phân biệt những ruồi biết điều trị và chệ tránh chúng. Họ cũng tìm được đờn đờ : ví chi cho chiếu bức xạ vào ruồi đực, người ta cho chúng uống thuốc thalidomide mà kết quả là phá hoại con cái sinh ra, đặc biệt là về giống đực.

Nhiều phòng thí nghiệm đang chăm lo về kích tố ấu niên của sâu bọ cần yếu để điều hòa cuộc thay lông đổi lột ở thời kỳ phát dục. Kích tố ấu niên không có trong trứng vì nó sẽ quấy

rầy cuộc nảy nở phôi thai. Vậy thì chỉ kiếm cho ra được một số lượng kích tố này là tiêu diệt được một giống loại mà chẳng đụng chạm đến các thú vật khác. Đến nay người ta chưa nhân tạo tổng hợp được kích tố này. Trích chế từ sâu bọ ra cũng không thành vấn đề. May thay, một hóa chất tương tự vừa được tìm ra ở một loại cây!

Thật là một chuyện tình cờ. Một nhà côn trùng học, người Tiệp khắc, giáo sư K.Klamá, một hôm đem qua Viện đại học Harvard bên Hoa-kỳ một vài mẫu rận loại *Pyrrhocoris apterus* để khảo cứu. (Người ta đang tự hỏi làm sao ông cho chúng lọt qua khỏi được Ty thương chánh Hoa-kỳ có tiếng là rất khó khăn về mặt cây cối và thú vật). Rất lạ là ở Harvard, mấy con rận này không chịu lớn lên, hoặc lớn lên nhưng lại không điều hòa. Hai giáo sư K.Klamá và C.W.Williams có ý nghi ngờ tấm giấy đã dùng trong các lọ nuôi rận. Giấy này từ các loại thông có nhựa thơm (*sapin baumier*)

mà làm thành. Hóa chất sau này được trích ra là chất juvabione, có tính chất của kích tố ấu niên, nhưng chỉ phá hoại rận loại *Pyrrhocoris* mà thôi.

Ngày nay, nhiều kích tố ấu niên khác cũng đã được tìm ra. Chất entoeon E sẽ được đem bán nay mai, có tính chất tiêu diệt được loại muỗi *Aedes nigro maculis* mà những năm gần đây không thuốc diệt trùng nào trị nổi. Một nhà bác học khác cũng người Tiệp khắc, giáo sư Sorm, còn tìm ra được hai dẫn xuất của chất géraniol khai trừ những sâu truyền bệnh changa bên Nam Mỹ và những bệnh ở lúa mì (*La Recherche*, số 21).

Trong tương lai, có lẽ rồi hai phương pháp dùng kích tố ấu niên và tính chất di truyền sẽ là hữu hiệu nhất. Trong lúc chờ đợi một cuộc ứng dụng rộng lớn, người ta đang còn cần dùng hóa chất, miễn là biết dùng vừa phải thì giới hạn được nguy hiểm.

VÕ-QUANG-YẾN

Y O G A

của TRẦN-VĂN-KHA

In lần thứ 3, dày 474 trang, với gần 90 hình ảnh và phụ bản offset 4 màu rất hiếm có, soạn thảo công phu. Phần Hatha Yoga gần như hoàn toàn đổi mới.

SỐNG MỚI phát hành.

GIÁ 450đ.

Nghĩ về nghệ thuật của Thái Thanh

« Nàng là một người đàn bà hát như một người đàn bà. Nàng mang trong giọng hát những ngày vui tươi và những ngày sầu khổ của đời nàng, mang luôn cả những ngày hoan lạc nữa ; khi thì là cái bộc trực của một tiếng hét, khi lại là những ngoắt nghéo trong một trò đùa, có lúc là nỗi nhớ tiếc quãng đời đã qua, thường khi lại là niềm tin tưởng vào khoảng thời gian còn lại của cuộc sống ; nhưng bao giờ nàng cũng mang trong giọng hát những đường nét của thân thể, những di động của mái tóc, những ngụ ý của ánh mắt, cho đến đôi những ai biết nghe nàng hát cũng có thể như trông thấy được nàng. Không có gì là bí mật cả : người đàn bà ấy là một nghệ sĩ xác quyết hơn bất cứ người nào khác, bởi vì ngay khi nàng tnâm nhập vào một bài hát nào thì nàng trình bày lại cho chúng ta nghe với mức xúc động nhất, ý vị nhất, khiến chúng ta hiểu bài hát ấy đến độ ngay lúc đó tất cả chúng ta đều trở thành nghệ sĩ cả ». Những giòng này là viết về một nữ ca sĩ Gia-nã-dại chưa được biết đến ở Việt-nam, nhưng tôi thấy nó hợp với Thái Thanh đến độ tôi không ngần ngại đem ra áp dụng vào trường hợp của nàng. Đôi khi người ta thường ngạc nhiên về sự gặp gỡ của hai định mệnh nơi Thái Thanh và Phạm Duy. Thật ra, đây



không phải là sự kiện độc nhất trong lịch sử nghệ thuật. Một nhà sáng tác lớn thường tạo nên một diễn xuất lớn. Vào thế kỷ trước, danh ca Volgh gặp một nhà soạn nhạc trẻ vừa hai mươi tuổi tên là Schubert, đã say mê các khúc điệu của ông ta, và từ đó đã trở thành người trình bày nhạc Schubert cảm kích nhất và nhiệt thành nhất. Nghệ sĩ tuyệt hảo về dương cầm Clara Wieck có lẽ là người trình bày xuất sắc nhất và tận tụy nhất các tác phẩm của người nhạc sĩ sau này trở thành chồng nàng, là Robert Schuman. Gần chúng ta hơn nữa, có những định mệnh kỳ diệu khác — như của dương cầm gia Yvonne Loriod với soạn giả Olivier Mes-

siaen, của nhà soạn nhạc Igor Stravinski với nhạc trưởng Robert Craft, của nghệ sĩ vĩ cầm Fritz Kreisler với người nghệ sĩ Dương cầm kiêm soạn giả Serge Rachmaninoff — những định mệnh cũng đã gặp nhau để làm cho đời họ và nghệ thuật của họ trở nên cực kỳ phong phú.

Chính với Phạm Duy mà Thái Thanh đã được khai tâm về nhạc lý và về nghệ thuật ca xướng. Nhưng chỉ nguyên một việc ấy không đủ cắt nghĩa vì sao sau này Thái Thanh đã thường hát và hát một cách tuyệt diệu các ca khúc của Phạm Duy. Giữa hai người nghệ sĩ hết sức bén nhạy ấy không làm sao khỏi có một liên hệ tâm tình. Thái Thanh đã thấu hiểu bằng trực giác cái ý nghĩa sâu xa của nghệ thuật Phạm Duy, do đó các khúc điệu uyển chuyển và cao nhã của Phạm Duy đã *hoàn toàn tự nhiên* trở thành thứ môi truyền lý tưởng cho giọng hát cũng uyển chuyển và cũng cao nhã của nàng. Cũng vì thế, người ta tự hỏi không biết giọng hát Thái Thanh đã gây hứng cho Phạm Duy hay các khúc điệu của Phạm Duy đã tạo cảm hứng cho giọng hát Thái Thanh. Tôi xin thưa : đồng thời cả hai. Thật ra, giữa hai nghệ sĩ mà tài năng có tính cách bổ túc lẫn nhau thì sự ảnh hưởng qua lại là điều không thể tránh khỏi. Thái Thanh và Phạm Duy gần nhau, trong cuộc đời cũng như trong nghệ thuật, và có lẽ chính vì thế mà định mệnh chung của họ có thể sung mãn và hoàn hảo như thế.

Chúng ta hãy xét qua về diễn trình

của giọng hát nọ qua năm tháng. Những ai đã nghe Thái Thanh vào cuối những năm 40 và trong khoảng đầu của những năm 50, những ai còn giữ được các băng ghi âm những tiếng hát đầu tiên của nàng, đều có thể nhớ nàng Thái Thanh của thuở ban đầu ấy. Giọng hát hơi ẻo lả — điều không có gì lạ ở một nữ ca sĩ trẻ măng — chưa có sự nồng nhiệt và cá tính của một Thái Thanh già dặn, nhưng người ta đã cảm thấy ở nữ ca sĩ trẻ tuổi ấy một *niềm vui thích ca hát*, một sự dốc hết mình vào tiếng hát, khiến người ta không thể nào không yêu giọng hát ấy được. Nàng Thái Thanh thuở ấy hát như chim hát, có phần vô ý thức, hát như để chào mừng bằng tất cả tấm lòng và tất cả tâm hồn buổi bình minh của một cuộc đời sẽ phải rất đẹp đẽ, rất đắm say. Nhưng cũng như chàng thanh niên Phạm Duy, nàng Thái Thanh thuở ấy cũng chỉ mới là một *hứa hẹn*. Và sự hứa hẹn ấy không mấy chốc sẽ được thực hiện.

Vào cuối những năm 50, và nhất là vào khoảng đầu những năm 60, tiếng hát Thái Thanh dần dần đạt đến cái *âm sắc* hết sức độc đáo của nàng sau này. Tiếng hát thêm sung mãn và phong phú, kỹ thuật vốn đã uyển chuyển và vững vàng từ trước lại càng thêm uyển chuyển và vững vàng, nhưng nhất là giọng hát lúc này có cái xúc cảm, cái nồng nàn êm dịu và cái đẹp đẽ vẫn còn mãi cho đến ngày nay. Lại còn một chi tiết cũng có ý nghĩa nữa, ấy là từ đây nàng nghệ sĩ tỏ ra có một khiếu chọn lựa mỗi lúc mỗi vững

thêm đối với các ca khúc.

Nhiều người cho rằng Thái Thanh đã đạt tới chót đỉnh của nghệ thuật mình trong những năm 60 (cũng có những người còn cho là từ những năm 50). Về phần tôi, tôi cho rằng chỉ gần đây thôi — nói cho rõ hơn là từ hai hay ba năm nay — Thái Thanh mới đạt đến một vài tuyệt đỉnh của nghệ thuật ca xướng và diễn đạt của nàng. Để thấy rõ điều ấy hãy lắng nghe kỹ lưỡng những băng ghi giọng nàng mới hát lại các ca khúc cũ của Phạm Duy — như *Cô Hái Mơ*, *Dạ Lai Hương*, *Tìm Nhau*, *Kiếp nào có yêu nhau*, *Chiều về trên sông* và mấy bài khác — hay cả những băng ghi giọng nàng hát các nhạc phẩm gần đây — như *Chuyện hai người lính*, *Nghìn trùng xa cách*, *Phượng yêu*, *Giết người trong mộng*, *Ngày xưa Hoàng thị* và nhất là *Mùa thu chết*, *Áo anh sứt chỉ đường tà* và *Đưa em tìm động hoa vàng*. Còn có thể nào ước mơ những lối trình bày tuyệt hảo hơn, xúc động hơn được nữa? Không thể được! Ở đây tiếng hát Thái Thanh đẹp quá, nồng nàn quá khiến người nghe như bị đau đớn. Thật là huy hoàng biết bao, và nhất là bồi ích biết bao! Cũng giống như trường hợp Phạm Duy, nếu nàng Thái Thanh của những năm 50 là một sự hứa hẹn, thì đến đây sự hứa hẹn đã được thực hiện, một cách rục rờ biết bao, lỗi lạc biết bao. Bởi vì cũng lại như trường hợp Phạm Duy, nghệ thuật của Thái Thanh trước hết và trên hết là một *thiên tài của con tim*.

Các khúc điệu của Phạm Duy có lẽ đã cho phép người nữ ca sĩ của chúng ta phát triển đến cực độ tài năng của nàng và thi thố chỗ tuyệt vời nhất của nàng, nhưng như ai nấy đều biết, Thái Thanh không phải chỉ hát có nhạc Phạm Duy mà thôi. *Buồn tàn thu*, *Thiên thai*, *Giọt mưa thu*, *Đêm thu*, *Lá đờ muôn chiều*, *Gửi gió cho mây ngàn bay*, *Đêm đông*, *Tình quê hương*, *Những lời ru cuối*, *Hẹn một ngày về*, *Hướng về Hà nội*, *Mưa trên phím ngà*, *Thương về 5 cửa ô xưa*, *Tâm sự cá nhân*, *Ngày về*, *Mộng dưới hoa*, *Mộng đêm xuân*, *Ghen*, *Đêm tàn bến Ngự*, *Ngọc Lan*, *Tình khúc thứ nhất*, *Tuổi đá buồn*, *Gọi tên bốn mùa* và biết bao nhiêu ca khúc khác của những nhạc sĩ Việt nam được yêu thích nhất, còn kể cả nhiều bài trong số những khúc điệu cổ điển Tây phương hay nhất, tất cả đều được Thái Thanh trình bày một cách cảm động và thường khi rất khó quên!

Franz Liszt, người nghệ sĩ lớn chuyên trình bày nhạc kẻ khác, đã viết: "đối với người trình bày, các nhạc phẩm thực ra chỉ là những thể hiện bi thảm và kích động của những xúc cảm của chính mình; Người ấy phải khiến cho các nhạc phẩm nói đượcKnóc được, hát được và thờ được, người ấy phải tái tạo các nhạc phẩm làm sao cho phù hợp với ý thức của chính mình. Do đó người trình bày cũng là một kẻ sáng tạo y như soạn giả, bởi vì người ấy tự mình cũng phải có trong thâm tâm những cảm xúc mà hẳn muốn làm

sống đây một cách nồng nàn» Các ca khúc của Phạm Duy cần phải được sống, tôi có thể nói cần phải được *chịu đựng* bởi người trình bày chúng, có thể chúng mới đạt được cái ý nghĩa phong phú nhất và xác thực nhất của chúng. Cuộc đời Thái Thanh hẳn đã có phần vui, phần buồn của nó, và không còn nghi ngờ gì nữa, chính là *cuộc đời của Thái Thanh* đã hiển hiện qua giọng hát của nàng. Còn có cách nào khác hơn được? Cách trình bày đích thực, cách trình bày đứng đắn duy nhất, không phải là biến cái nhạc theo tâm trạng mình, mà là tự mình thâm nhập vào nhạc. Có lẽ đó là một trong những bài học lớn lao nhất mà nghệ thuật Thái Thanh dạy cho chúng ta.

Trong vòng hăm lăm năm nay ở Việt-nam nhiều giọng hát đã có thì giờ cất lên rồi tan biến khỏi sân khấu ca nhạc, nhưng giọng hát Thái Thanh thì luôn luôn còn đó, luôn luôn được yêu thích, mến chuộng trong đa số người Việt-nam. Làm sao giải thích được sự thành công liên tục của người nghệ sĩ ấy trong một thời gian lâu dài như thế? Làm sao giải thích được vị trí ưu đãi mà nàng đã chiếm được trong lòng khán giả? Thực ra, giọng hát Thái Thanh đưa ta trở về với cái gì đẹp nhất và bền vững nhất nơi mỗi chúng ta, nó đưa ta trở về tuổi ấu thơ, trở về cái niềm tinh khôi và đẹp đẽ vẫn còn nguyên vẹn nơi mỗi chúng ta. Giọng hát Thái Thanh đưa ta trở về lòng nhân ái, nó đưa ta

trở về bản tính con người. Trong một cõi đời thường khi phi-lý và cam go, giọng hát Thái Thanh khả dĩ đem đến cho chúng ta những *xác tín* duy nhất, xác tín về cái đẹp, về sự dịu dàng và về hòa bình vĩnh cửu.

Sau khi nghe nàng hát, có khi chúng ta cảm thấy nơi chính mình một chút băng khuâng, lúc bấy giờ có lẽ là niềm « nhớ nhung cõi Trời » mà Baudelaire đã nói — dù sao giọng hát Thái Thanh vẫn không phải là một giọng u buồn. Giọng Thái Thanh là một giọng ca *hoan lạc*, giọng hát của hạnh phúc ca xướng, giọng hát của hạnh phúc nói chung. Hãy nghe nàng vào lúc cao hứng nhất, khi giọng hát của nàng vụt nở như một nụ cười hiền dịu hướng về cõi đời này, hãy chăm chú lắng nghe... Giọng hát Thái Thanh lúc đó qua từng nhịp thơ và từng nhịp nhạc, như chỉ muốn nói với ta có một lời... Lời nói *Tình yêu*.

Xin Thái Thanh chấp nhận nơi đây tấm lòng tôn quý cảm kích của tôi.

Montreal — Tháng 5-72
THU THỦY dịch

NHẮN TIN

« Quý thân hữu liên lạc với tôi theo địa chỉ Trung úy Nguyễn Phan Thịnh - KBC 4883 (Nhờ chuyên) — Mong tin Nguyễn Bạch Dương Đờm ».

Kinh Dương Vương

Danh từ mới của Trung-Hoa

● Đây là những danh-từ mà chúng tôi đã học tự hơn mười năm trước và có thể đã bị thay đổi mà chúng tôi không hay biết. Vì nào biết những danh từ mới hơn, xin tự bổ chính, hoặc bổ chính trên mặt báo cho mọi người cùng biết thì rất hay. Bài bổ chính sẽ đăng ở mục này.

Đạn-tử-phòng : Nhà chơi billard.

Viên đạn súng cũng gọi là Đạn tử nhưng nghĩa có khác. Đạn đó là viên đạn. Còn đạn ở đây, cũng viết y như thế, nhưng có thể có nghĩa là *Đánh bật, Co giãn*, vì viên đạn này chạm viên đạn khác, đánh bật viên đạn ấy đi. Tử là một món đồ nhỏ.

Đạn hoàng : Cái lò-xo. Đạn ở đây chắc chắn có nghĩa là *Co-giãn*, là *Đánh bật*.

Chàng cầu : Trái banh bi-da. Chàng là *Đụng nhau*. Đây là sáng tác hay.

Nghiễn-mễ-cơ : Máy xay thóc.

Nghiễn-mễ-xưởng : Nhà máy xay.

Ngải-hòa-cơ : Máy gặt.

Đáng lý là Ngải - túc - cơ hay Ngải-mễ-cơ gì đó, vì Hòa, thật ra là một loại Cốc đặc biệt ở Hoa Bắc, chứ không phải là gạo còn vỏ như ta thường hiểu. Nhưng Ngải lại xuất-hiện cùng lúc với Hòa vào đời nhà Chu, nên người Tàu đã quen miệng nói Ngải-Hòa là gặt lúa Hòa. Ngải dính liền với Hòa như keo sơn, mãi rồi Ngải Mễ, Ngải Túc cũng cứ được gọi là Ngải Hòa.

Thuở bé, học chữ Nho, thầy tôi

dạy rằng Hòa là Gạo còn vỏ. Lớn lên, tôi nghe ai cũng giải thích như vậy hết. Nhưng tôi cứ còn thắc mắc, nhứt là ngày nay lại thắc mắc nhiều hơn.

Dưới đời nhà Chu, Trung-Hoa chưa thuần hóa được Mễ ở Hoa Bắc, mà chỉ mới thuần hóa được Đạo mà thôi. Thế thì sao ở Hoa Bắc, Nho giáo đã dạy : « Học giả hảo ? Bất học giả hảo ? Học giả như Hòa, như Đạo, bất học giả như cỏ như thảo. »

Hơn thế, trong lời răn dạy, nhà giáo dục đã so sánh hai phẩm chất, chứ không phải so sánh một phẩm chất với một thứ Cốc còn vỏ hay không còn vỏ. Còn vỏ không là phẩm chất mà chỉ là tình trạng chưa được xay giã thì sao lại lấy để so sánh với một món quý ? Sự còn vỏ có quý hay chẳng ?

Theo chúng tôi thì Hòa chỉ là một thứ Đạo vừa nhập cảng giống, mà cũng được Hoa Bắc quý trọng y như Đạo. Trong chữ Đạo có chữ Hòa thì cả hai thứ đều cùng loại, tức cả hai đều là Nếp.

Chữ Ngải viết với chữ Nghệ và hai sò, nhưng nghĩa thì không dính dáng gì đến Nghệ hết, Ngải là Cắt,

Nghệ, tượng hình cái *Sécateur*, hai sò tượng hình rằng dụng cụ ấy gồm hai phần tử ráp lại theo phép đôn bầy ?

Mà cái *Sécateur* thì người Thái gọi là *Krai*. Dân Ba Thục thuở ấy chưa bị Hoa hóa. Họ là dân Thái, nên họ cũng gọi cái đó là *Krai*. Ngải chỉ là danh từ phiên âm *Krai*. Và Ngải với Hòa xuất hiện đồng lúc tại Hoa Bắc dưới trào Chu, tất Hòa cũng từ Ba Thục sang Tàu, y như Ngải.

Người Trung Hoa, xem ra, không có hai danh từ để phân biệt sự còn vỏ và sự hết vỏ. Danh từ *Nghiến-mễ-cơ* đã cho ta thấy như vậy. Người Việt nào cũng bảo rằng *Mễ* là gạo, tức không còn vỏ. Nhưng nếu *Mễ* không còn vỏ thì chế tạo ra cái cơ để nghiền nó làm gì nữa kia chớ ?

Thấy rõ là *Mễ* vừa có nghĩa là Thóc (còn vỏ) vừa có nghĩa là Gạo (hết vỏ).

Tại sao những loại Cốc khác, không được trở bằng hai danh từ để phân biệt tình trạng còn vỏ hay không mà thóc với gạo thì lại có Hòa và *Mễ* ?

Chúng tôi tin rằng Hòa là món khác, chớ không phải là gạo còn vỏ, mặc dầu các tự điển nói sao thì nói.

Những thứ Cốc ở bên Tàu đời xưa, ngay cả người Tàu đời nay còn không biết nó ra sao, thì ta có quyền đặt thành nghi vấn.

Kỳ này, có vẻ quá buồn ngủ, nên xin kể hai câu chuyện vui về danh từ mới của Trung-Hoa đề « thông hơi », tức « nghỉ xả hơi ».

Anh bạn Sơn-Nam vào Chợ lớn, đi ngang một rạp chiếu bóng, thấy họ viết chữ Tàu thật bự : « Y-si-man-cơ-lộ ». Anh bạn ngỡ đó là một phim xã-hội về một Y-si nào họ Man, bèn lấy vé vào xem.

Xem được vài phút, mới hay rằng Y-si-man-cơ-lộ chỉ là Eastman-color. Chính tôi cũng đã bị chữ Nho của các ông Tàu đời nay làm cho tôi điên đầu, nên mới bạo gan giúp các bạn khỏi phải ngộ nhận như Sơn-Nam và tôi.

Cụ Vi-Huyền-Đắc, dịch tiểu thuyết Tàu, thấy danh từ *Kê-vi-tửu*, cụ rất quái dị. Nhưng cụ chỉ suy luận là hiểu được đó là một danh từ hàm-bà-làng, trở rượu Coctail. Họ đã dịch Cock là Kê, Tail là Vi. Nhưng nếu không biết tiếng Anh, không thể suy luận như cụ Vi được. Mà có biết tiếng Anh, cũng phải quen lắm với lối sáng tác kỳ khôi của họ mới suy luận như thế được.

BÌNH-NGUYỄN-LỘC

Huế hồi sinh

Chiếc máy bay quân sự C. 123 vượt qua đèo Hải-vân, quành ra phía biển, lượn mấy vòng và bắt đầu vào không phận Phú-bài. Phú bài ! Bỗng dưng tôi nghe lòng xúc động, nôn nao khi đưa mắt qua khung cửa kính tròn, nhìn xuống bãi cát trắng mênh mông và sóng biển lô xô thản nhiên đuổi nhau vào bờ, những hàng liễu xanh nổi bật cạnh các dãy nhà tôn san sát, hình ảnh thân thuộc vẫn đập vào mắt mỗi lần tôi có dịp trở lại Huế.

Huế, Quảng-trị, Đông-nà, xứ dân gầy, dãy phố buồn hiu, quê hương của những thảm kịch chất chồng, sao chưa thấy lại mà đã nghe âm ba rộn rã và hồn chợt rưng rưng tưởng chừng những giọt lệ sau cùng trong đôi mắt quầng thâm còn có thể nhỏ xuống, nhỏ xuống trên cát ấm, trên bờ phờ hốt hoảng tang thương và nổi mừng vui tái ngộ.

Một hồi chuông réo lên inh ỏi báo hiệu máy bay sắp đáp xuống phi đạo. Tôi nhét vội cuốn sách đọc dở vào túi ba-lô « Một thời đề yêu và một thời đề chết », bấm khuy sợi dây an toàn ngang bụng. Phi cơ xuống thấp, vạch sơn trắng đứt đoạn trên phi đạo lùi nhanh ra phía sau và khi tiếng bánh ken két chạm mặt đất tôi tưởng như tiếng chim họa mi vô hình kêu hót mà Graber, nhân vật của E.M. Remarque, đã nghe khi trở lại quê hương.

Trời Phú-bài nặng trĩu mây đen báo hiệu cơn mưa sắp đổ xuống. Huế đang lạnh, cái lạnh khác thường của thời tiết cổ đô vì bây giờ Huế đang mùa hè, đáng lẽ tôi phải bắt gặp ánh nắng chói chang và nền trời xanh thắm màu mắt thiếu nữ. Cơn bão Mamie tập trung giữa Huế-Đà-nẵng ngày hôm qua là nguyên nhân của sự trở chứng này. Giờ đây bão đang đi qua vòm trời xứ Huế, ném xuống những trận mưa rào, sự giá lạnh bất thường và di chuyển dần về hướng Quảng-trị.

« Từ mấy chục năm qua, có khi mô bão lạ lùng như năm ni », một cụ già râu tóc bạc ngời chờ xe cùng ba cháu nhỏ trên phi cảng đã bảo thế với tôi « bão mùa hạ, đúng là trời xui đất khiến, loạn lạc làm đảo lộn sự vận hành của vũ trụ ». Chiếc xe chở hành khách đỗ sịch trước mặt, cụ già luống cuống xách tay nải, xua ba đứa cháu lên xe, bây giờ tôi mới để ý mấy giải khăn tang trên đầu ba đứa bé. Cụ già từ đâu trở về và mấy đứa bé để tang ai ? Tôi chưa kịp hỏi, xe đã chạy mất. Mà thôi, hỏi làm gì, ích lợi gì hay chỉ khơi thêm nỗi bi thương, trâm thống trên đôi mắt mắt hết vẻ tinh anh và nét ngây thơ, ngo ngác của ba đứa bé.

Tôi đốt một điếu thuốc, cảm thấy ấm cúng, ngắt ngây với hơi gió lạnh mát mùa đông vừa thoáng gặp. Những cơn mưa nặng hạt, có khi

kéo dài mấy tiếng đồng hồ đúng nghĩa một cơn mưa, hoàn toàn khác xa Saigon, trời đang nắng chang chang như đồ lửa, rồi mưa bắt chợt rơi xuống, lắm lúc chưa đủ thấm ướt đường mặt trời lại gay gắt hiện ra, khó chịu như tâm tính cô gái muộn chông. Mấy năm ở Saigon, nhiều lúc tôi chợt thêm mưa Huế. Mưa liên hồi không dứt hạt, kéo dài ngày này qua ngày khác, mưa như cầm chình mà đổ, mưa lê thê, *mưa chỉ mưa mãi mưa hoài, lòng biết nhớ thương ai.*

Xe lao vun vút trên quốc lộ 1, đoạn đường Phú-bài-Huế, vượt qua những cột « ăng-ten » cao ngất của đài phát tuyến Huế, đài Tiếng nói Tự do. Hai bên đường ruộng lúa chín vàng, những nông phu thân nhiên gặt lúa vì quá quen thuộc với những đoàn xe nhà binh chở đầy những toán lính nón sắt ba-lô, súng đạn lăm lăm đi về như mắc cửi.

Năm nay được mùa lúa, như vậy sẽ mất mùa nhãn, tôi thăm nghĩ, mất dịp thưởng thức những trái nhãn lồng cơm dày, mọng nước, ngọt lịm đôi môi người tình. Xe rời ngoại ô, rẽ vào khu An-cựu, trên kia thấp thoáng núi Ngự-bình, tháp nước Kim-long, và đây cầu Tràng-Tiền, trường Đồng - khánh, Quốc - học, Hương giang lờ lững. Nơi đâu cũng thân thiết và tràn đầy kỷ niệm. Những chiều thu xưa cùng người yêu trốn học, dẫn nhau leo lên chân núi Ngự bình ăn đĩa bánh bèo tôm chấy, húp thật nhiều nước mắm bập

bệnh những khoanh ớt tươi xanh. Tiếng chuông Quốc - học ngân nga, trịnh trọng, uy'ngbi tựa tiếng chuông chùa, có tôi trong đám học sinh quần dài xanh, áo trắng, xếp hàng đôi từ tốn bước vào lớp dưới cái nhìn nghiêm khắc của ông giám thị già mang kính trắng. Bên kia, cách một con đường nhỏ, dãy lầu Đồng-khánh quét vôi hồng, giang sơn của những con chim vành khuyên cánh trắng, đất hứa khơi nguồn những huyền thoại và tình yêu tưởng chỉ có trong những chuyện thần tiên. Nhìn si mê và tim rung động nhưng không khi nào dám nói, dám tỏ bày vì chuyện tình những ngày đi học thường là chuyện tình câm.

Bây giờ, Huế đang mùa thi nếu chiến trận khốc liệt không diễn ra từ cuối tháng ba, tiếng ve rền rĩ trong các ngôi vườn rậm và trên những lối đi, phượng vĩ nở rộ trời. Chỉ riêng ở Huế vào mùa thi, phượng mới đơm hoa nhiều đến thế. Khi mùa thu trở lại, những lá phượng nhỏ vàng chín, lặn tăn rụng xuống mặt đường, dư hương mùa hạ sót lại với những chùm trái khô treo trên cành khẳng khiu.

Bóng mây đe dọa cơn lửa đạn lan tràn đã tản mạn, Huế hồi sinh sau những bàng hoàng thảng thốt. Dân chúng tất cả chạy trốn khỏi Huế hồi đầu tháng năm nay lũ lượt trở về, từ các trại tạm cư chật ních ở Đà-nẵng, Quảng - nam, từ Nha - trang, Saigon những người dân Huế an tâm trở lại.

Ở đâu cho bằng nhà mình, nơi nào cũng thua quê hương. Động lực mạnh mẽ này đã thúc dục sáu mươi ngàn cư dân tại thành phố Huế quyết định hồi hương. Triết lý phương Đông «an thổ, đôn hồ nhân» tiềm tàng trong giòng máu, trái tim mỗi người Việt-nam. Vì vậy Hà-nội, Quảng-trị, Huế hay bất cứ địa danh nào khác trên quê hương không đơn giản như một dấu bút chì xanh đỏ kẻ trên tấm bản đồ chiến thuật. Một thôn làng, một thành phố không thu gọn qua bao nhiêu mái nhà, đường sá và cầu cống, trái lại nó phải được bao gồm tất cả những gì đo đếm được và không đo đếm được, hữu hình và vô hình, từ chiếc nôi đất chôn nhau cắt rốn, tiếng khóc sơ sinh, lớp học vỡ lòng khai phá thế giới chữ nghĩa, giòng sông tắm mát thời thơ ấu, lối đi nhiều hoa dại và những cánh bướm, nhịp cầu hò hẹn người tình lần đầu tiên, bắc sang một đoạn đời mới biết yêu, biết hờn giận, mơ mộng thần thò.

Tôi trở về Huế trong tâm trạng sợ đánh mất người tình, mất quê hương. Tôi đã trải qua mùa xuân lửa đạn Mậu Thân ở Huế, từng nhìn thấy những mồ chôn tập thể tại khu Gia - hội, nghe tiếng khóc những người thân mất chồng, mất cha dưới bãi Dâu. Nỗi ám ảnh chưa tan biến và bỗng nhiên chỗi dậy khi dân ta lếch thếch chạy trốn khỏi Quảng-trị. Bây giờ, được nhìn Huế tận mắt tôi mới thấy niềm lo âu của mình trở thành hảo huyền. Huế đứng

vững, sừng sững pháo đài. Giòng sinh hoạt sau những ngày lắng đọng vì chiến sự giờ đây đã cuộn cuộn trôi chảy. Nhận xét «Huế trông giống một thành phố trong đó dân chúng bị cưỡng bức đi nghỉ hè» của một phóng viên ngoại quốc trước đây một tuần hóa thành lỗi thời.

Những tấm bảng ghi vội mấy chữ «Nhà có người ở» đã được cất đi hoặc xé bỏ. Phố xá nhộn nhịp, bình thương với những chàng cảnh binh sắc phục xanh đứng điều hành xe cộ lưu thông, có khác chẳng những chiếc xe nhà binh mười bánh đồng đảo hơn thường lệ. Những hàng tạp hóa, quán sách, thuốc tây, tiệm ăn lần lượt mở cửa, người mua tuy chưa tụ tập đông đảo, riu rít hời hợt nhưng đây cũng là dấu hiệu phục sinh trong nhịp thở đời sống.

Sự hồi sinh của Huế còn được nhìn thấy trên những chiếc xe buýt màu xanh nước biển, hàng chữ nổi bật những trạm đi, đến nghe thân thuộc như tên người tình: An lăng, Bến ngự, Kim long, An cự, Thuận an.

Buổi sáng, trời mưa lất phất, ngồi dưới hàng hiên quán Lạc-sơn ăn tô bún giò heo bốc khói, uống tách cà phê đen. Về Huế, nhất định phải uống cà phê đen đậm sảng sảng trong chiếc tách trắng men sứ xinh xắn, thêm tí bơ đậu muông nếu đang mùa đông, sau đó kéo một hơi thuốc dài, tìm lại chút lãng mạn xưa cũ ngày còn đi học, đội mưa lang thang qua các dãy phố Trần-Hưng-Đạo, Phan

Bội-châu, ngược xuống cầu Gia-hội nhìn những con đò san sát bập bênh trên làn nước xanh.

Trước tiên, hãy ghé một quán sách báo để đo lường sinh hoạt văn nghệ cổ đô trong cơn lửa đạn. Theo thống kê, các nhà tổng phát hành cho biết Huế, Quảng trị, Đà Nẵng là những nơi tiêu thụ mạnh nhất các tạp chí văn nghệ (Văn, Bách Khoa, Khởi Hành). Trận chiến qui mô mới kéo dài hơn hai tháng, các tạp chí trên đây đã mất đi một số lượng độc giả đáng kể đến nỗi hai ông chủ nhiệm Văn, Bách Khoa phải than trời và nghe đâu Khởi Hành đành tạm đình bản.

Tuần trước, gặp nhà văn Duyên Anh trên căn gác Tuổi Ngọc tôi hỏi :

— Sao, báo bán chạy không ông anh ?

— Lỗ, có chạy ra Huế được đâu.

Mà thật, các tạp chí văn nghệ đã không ra đến Huế được. Trên sạp sách quán Văn Minh, đường Phan bội Châu tôi chỉ nhìn thấy mấy tập tuần báo Diều Hâu, số viết về thăm kịch trên quốc lộ 13 và các nhật báo chỉ chít tin chiến sự. Trong tủ kính, nằm cạnh nhau bản dịch « Đôi bạn chân tình » của Hermann Hesse, « Chân dung chàng nghệ sĩ », của James Joyce và tác phẩm « Giải khăn sô cho Huế » của Nhã Ca.

Nhìn một vòng cho biết, tôi rời quán không mua cuốn nào. Túi tiền hạn hẹp của mấy ngày công tác không cho phép tôi tiêu hoang, dù nơi đây

là quê hương tôi. Tôi đi dọc theo những sạp hàng trên lề đường. Xà phòng, kem đánh răng, dầu thơm, thuốc xit muối, thuốc lá, hầu hết Mỹ. Người mua kẻ bán thân nhiên trao đổi nhau, không có cảnh lăm lét canh chừng như ở khu chợ Trời, dọc theo hành lang Tax, Saigon. Không hiểu vì chiến trận khiến con người trở nên dễ dãi bao dung hay đây là điều hiển nhiên trong sinh hoạt Huế.

Dưới chân cầu Gia-hội, dãy Hàng bè, những con đò có mũi san sát đậu bên nhau, giang sơn riêng biệt của chị em ta, ranh giới phân chia rõ rệt, khu thứ hai tọa lạc cạnh bến Vân-lâu. Những khách tìm hoa nhà binh đã quân-sự-hóa hai khu này bằng những tên gọi cũng sắc mùi nhà choang : Hạm đội số 6, Hạm đội số 7. Nghe đâu tháng trước, khi dân Huế tản cư, các Hạm đội của chị em ta cũng phải « di tản » đến những hải phận an toàn hơn để bảo toàn lực lượng ! Giờ đây, các cánh hoa thời loạn trôi dạt trở về, tiếp tục hành nghề của sư tổ Bạch mi.

Lượn một vòng quanh Thành nội, dừng chân bên hồ Tịnh-tâm, hồn trở nên thanh thản. Nổi bật trên những tàu lá xanh la đà mặt nước, hoa sen nở kín mặt hồ, hồng sen, bạch sen đua nhau khoe sắc dưới ánh nắng hè trong sáng. Hương sen ngào ngạt quyện đi trong gió, chuyên chở những kỷ niệm và dư hương tháng năm đã lùi vào quá khứ. Mùa sen nở

năm xưa lộng lẫy bóng trắng rằm, cờ ngũ sắc rợp đầy khắp các ngã đường phố Huế, theo chân những đoàn áo lam cuộn cuộn đổ về chùa Từ-dám, Diệu-đế, Thiên-nmụ. Đi trong ánh trắng rằm và tiếng chuông ngân nga, u trầm giữa không gian tĩnh mịch.

Thời bình lửa, khan hiếm gạo cơm nhưng hoa hương lại xuống giá. Một chị bán hoa quả tại chợ Đông-ba cho biết bình thường một chục sen trắng giá sáu mươi đồng, vào những ngày lễ lạc, con số này lên đến hai trăm đồng. Hàng nào tôi cũng ghé lại, hỏi giá hầu biết thêm sinh hoạt cổ đô. Hai trăm rưỡi mười cái hột gà, mười đồng một chục bông sứ tây. Tôi nhặt một bông đưa lên mũi ngửi, định đề trả lại trong rổ hoa nhưng cô hàng xua tay, từ tốn bảo «Ngửi rồi đừng bỏ vô nữa». Chết thật, mới xa Huế mấy năm tôi quên mất định lệ ở đây. Hoa quả thường được dọn cúng trên bàn thờ nên phải thanh sạch, cả thê chất lẫn tinh thần.

Rời hàng hoa bước đi lòng tôi còn ngẩn ngơ. Lạ quá, hương thơm vừa rồi đúng là mùi ngọc lan sao cô hàng lại bảo bông sứ tây. Đêm đầu tiên trở lại Huế nằm trong ngôi đình thờ tại khu Đại nội kế cận điện Thái-hòa, tôi ngây ngất khi hương ngọc lan theo cơn mưa tạt vào khung cửa. Chỉ còn thiếu tiếng đàn tì bà thánh thót tôi có thể trầm tư cùng nỗi buồn kẻ cô. Hương sen ngào ngạt trong hồ, cỏ lan trên bức thành xưa, những khẩu thần công thừa thãi chơ vơ, vẻ tàn phai của những cột thẳng mái cong sơn son

thếp vàng nơi điện Thái-hòa và khu Thái-miếu hương lạnh tro tàn. Gió cũng băng khuâng khi du mình qua thành quách và mưa ngai ngẩn nhỏ lệ xuống những rêu phong. *Người xưa đau tá ?* Tất cả đều bị phủ mờ bởi bụi phấn thời gian, chỉ còn lại những di tích làm đẹp lòng du khách có dịp viếng Huế. Bảo kiếm nào loang loáng bóng trắng hoàng thành, *gươm mài dưới nguyệt đã bao lần*, trái tim nào rực hồng trăm ngàn ánh đuốc đêm khởi nghĩa, rời bỏ kinh thành, vang vang lời hịch Cần vương. *Chiều chiều vua ngự ra cầu*, chỉ là một cái có đề gập gờ trung thần. *Cá đâu dớp động dưới chân bèo*, *đâu cần*, *ngồi trên nước lòng đau việc nước*.

Rồi tất cả đều lắng xuống dưới đáy hồ sen chẳng chịt những rễ cây biển cổ, lắng xuống trong cùng sâu trí nhớ, trở nên mù mờ theo thời gian, dù tinh thần hoài cổ, bảo hoàng bàng bạc trong huyết quản đám con cháu mang họ Bảo, Bửu, Tôn thất, Công tằng Tôn nữ... Nỗi luyến nhớ những ngày xưa vang bóng còn chứa chất trong khóm mắt giai nhân, một thời lệch nước nghiêng thành, những cung phi nay đã mờ phai xun sắc nhưng ngôn ngữ vẫn nhẹ nhàng, nghiêm túc, qui phái, mỗi sáng mỗi chiều đưa nhát chồi thần thờ quét nhẹ những chiếc lá úa trên sân gạch Bát tràng. Ôi! Nhìn bông sứ trắng rụng xuống sân châu, lòng thiếp cũng bồi hồi theo từng cánh hoa rơi tả. Thánh thượng thăm thăm trên chín bệ rồng đâu hiểu được lòng thiếp thồn thức khi vành trăng

khuyết chênh vênh bên mái Tây hiên. Lầu son gác tía, sênh phách nỉ non, đầu rồi ánh nển bập bùng, đèn dõn theo làn gió lay động những bức rèm tơ, thơm lừng hương dạ thảo. *Cái đêm hôm ấy đêm gì, bóng dương lồng bóng trà mi trập trùng.*

Buổi sáng, hoa cỏ trong vườn lóng lánh sương mai, lâu rồi tôi mới được nghe tiếng chim cu cườm gáy. Hái một chùm hoa soái ngọt mát sương đêm, loại hoa hiếm ngày xưa ba tôi rất thích ướp trà. Trà hoa soái, hường kim hoặc kim cúc pha với nước mưa nấu trong ấm đất, trịnh trọng rót vào chiếc chén hạt mít bằng sành.

Nhìn chiếc trống cổ gỗ đỏ, bịt da trâu vàng (hai màu đặc biệt của hoàng triều) treo trên chiếc cổng dẫn vào Thái miếu tôi muốn leo lên, cầm dùi, gióng những hồi rộn rã, vang vang theo mặt trời lên, cho tan hết những u trầm, tịch mịch trên những « lối xưa xe ngựa hồn thu thảo ».

Huế bắt đầu thêm một ngày bình yên, cho dù đêm qua trong lãng đăng khói sương, mơ màng tỉnh thức cùng tiếng đàn thập lục phát ra từ chiếc máy thu thanh bỏ túi, tôi đã nghe những tràng súng giao tranh ngoài phòng tuyến Mỹ-Chánh và tiếng bom của các pháo đài B.52 trên dãy Trường sơn ì ầm vọng lại.

Huế hoàn toàn hồi sinh, cuộc sống trở lại bình thường hơn dự tưởng. Bên cạnh tôi các nam sinh thông thả đạp xe, quên chiến cuộc, vui vẻ bàn luận một đề tài toán học có thể ra

trong kỳ thi năm nay. Tôi nghe loáng thoáng những danh từ hàm số, ẩn số, parabol. Các bà các cô xứ Huế, sau những ngày lo âu nay bắt đầu ngắm lại nhan sắc, kéo nhau đến tiệm uốn tóc Thủy-tiên ở bể mái tóc, tô đẹp vành môi. Cảnh đó, rạp chiếu bóng Tân Tân trưng bảng quảng cáo cuốn phim đang chiếu. Những tảng màu bệt trên khung vải lung linh hình ảnh đàn bà đàn ông bắn súng, rượt đuổi trên hàng chữ «Băng cốc nữ hiệp».

Sau khi ghé chiếc quán nhỏ cạnh cửa Đông-ba mua mấy lọn tré, chục nem tôi già từ Huế ra phi trường Phú-bài. Cơn bão Mamie tan biến hẳn, Huế trở lại cái nắng tháng hạ chói chang nóng bức. Phi cảng tấp nập kẻ ra người vào, cảnh đưa tiễn như thường lệ. Tiếng cô tiếp viên hàng không người Huế vang lên trên máy phóng thanh nghe dễ thương hơn bao giờ hết: «Xin lưu ý quý vị hành khách đi Saigon, Nha-trang chuẩn bị hành lý vé lên tàu, sửa soạn ra phi cơ. Xin lưu ý»...

Sau mấy giờ chờ đợi, chiếc máy bay quân sự rời phi đạo đưa chúng tôi lên cao, những mái tôn bóng loáng và không khí nóng bức biến mất khi phi cơ vào cao độ đường bay. Sự thoải mái đến nhanh chóng với cảm giác được chui vào một căn phòng gắn máy lạnh. Tôi châm một điếu thuốc, nhìn ra khung cửa kính. Mây trắng đàn trời trải mênh mông như biển tuyết. Tôi mơ màng nhớ đến chén trà bốc khói trong sương và buổi sáng đàm đạo với cụ già nơi cửa Thượng-tứ. Cụ

kể lại những ngày chạy loạn đã qua,
thảm kịch Mậu-Thân và biến cố năm
Ất-Dậu. Trong hương trà mạn sen,
cụ ngâm nga một đoạn thơ đã đi vào
lich-sử :

«Con chim trên rừng thương cây nhớ cột

Con gà trống vàng ngoài Hà-nội gáy v
Hăm ba thất thủ kinh đô

Tây sang giăng giây thép, họa địa đờ
nước Nam»

PHẠM VĂN BÌNH

(Huế tháng 6-72)

HẠNH PHÚC CÓ THẬT

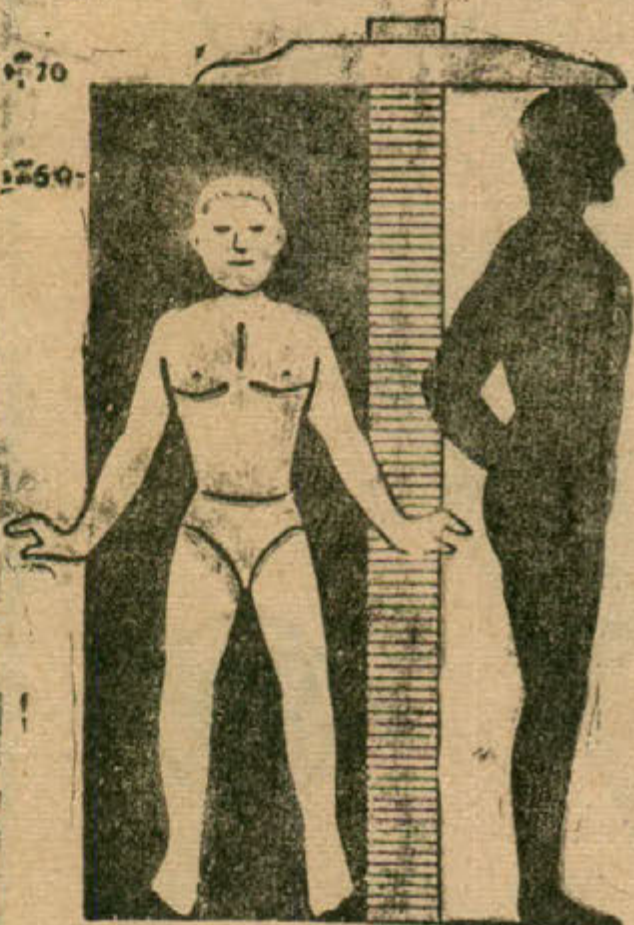
của HUY LỰC

Thi-phẩm giá trị, in mỹ-thuật, giấy croquis nền hoa bướm

Mọi liên lạc : 164/20 Hiền-Vương — Saigon

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C . D . PP . B2 . B6 . B12



LABOHADZER

- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CÙNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CÙNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHÔI .
- MỆT MỎI

• VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ •

THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói: 25 861

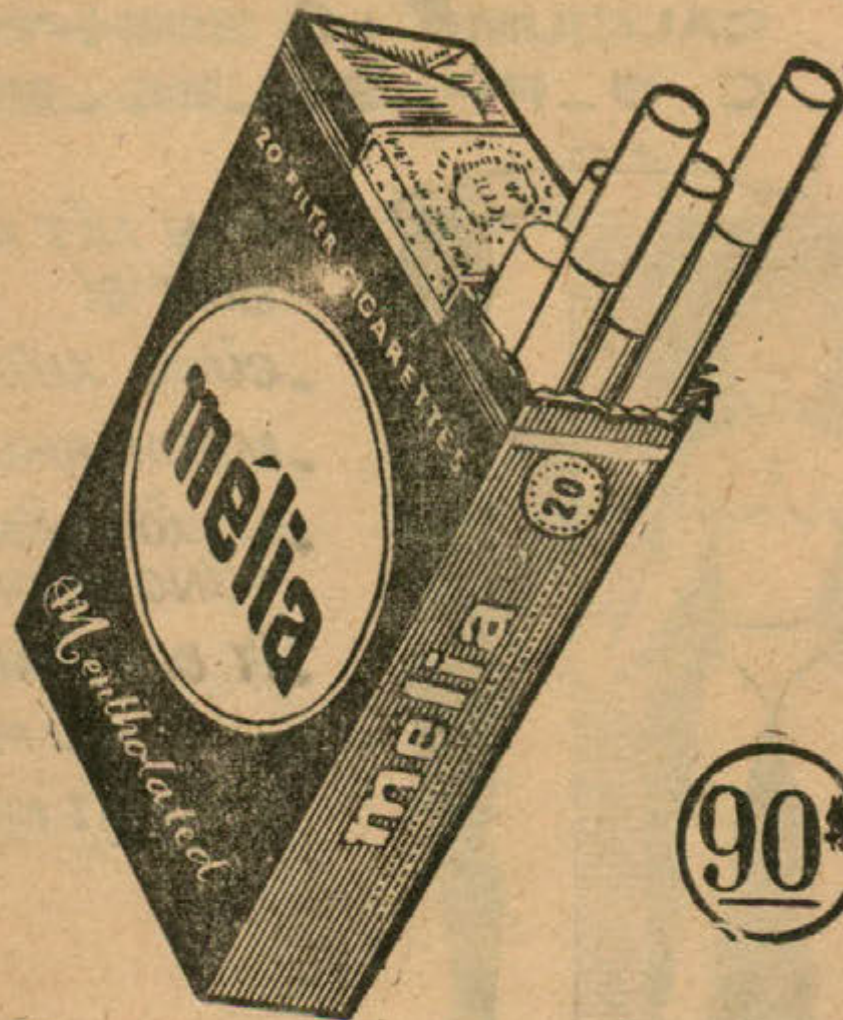
NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cỡ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số: 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

THUỐC THƠM BẠC HÃ (Menthol)



BẦU LỘC BIỂU DÃI
Thượng hảo hạng

Thông mũi - mát cổ - thơm dịu

Trong tâm lửa đạn

A. TUYẾN ĐẦU

Từ lúc trực thăng hạ xuống vớt đi các cố vấn Mỹ, không khí trong căn cứ chúng tôi dao động tột độ. Nhiều dấu hiệu cho chúng tôi thấy mình bị bỏ quên. Trực thăng tải thương không đến. Truyền tin gọi đến khan cò, chỉ dẫn rõ ràng tọa độ các khẩu pháo địch, nhưng, không có gì cả. Mãi mai nhất là bên pháo binh đã rút đi quá vội, không kịp phá hủy đạn dược và hai khẩu 105 ly. Do đó, chúng chỉ việc quay họng súng về phía căn cứ chúng tôi, và mặc tình thao túng...

Ở vào thế cùng đường, chúng tôi chỉ có một cách chọn : bố trí phòng thủ chu đáo để quyết sống mái với địch. Nhất là lo đào hố cá nhân. Dù gặp đất cứng, thiếu dụng cụ, bằng mọi giá phải làm thế nào moi cho được một lỗ đủ che đôi chân gầy. Kinh nghiệm dạy điều đó: đầu đã có mũ sắt, mình đã có áo giáp. Chỉ còn đôi chân là trần trụi, trong khi ở hoàn cảnh này đó là bộ phận quan trọng nhất. Từ lúc mờ tối cho đến bá giờ sáng, núi rừng hoàn toàn yên tĩnh. Nhưng đúng lúc ba giờ 5 phút, hai khẩu 105 ly lại tiếp tục nã đạn như mưa vào chúng tôi. Lần này, chúng đã điều chỉnh tọa độ, nên không có quả nào lọt ra ngoài. Tôi nằm ép xuống lòng hầm, cố thu hai tay vào áo giáp và úp kín mũ sắt trên đầu. Những ánh lửa chớp loé đầy đó, đất hầm rung chuyển, và kỳ

lạ hơn hết là giữa những đợt pháo kích, một sự im lặng ma quái đè nặng lên núi rừng.

Địch pháo suốt một giờ mới ngưng. Tôi tung mình ra khỏi hầm chạy lại phía các bạn. Người nọ ới ới hỏi thăm người kia. Những đứa bị thương được ghi nhận dễ dàng nhờ tiếng rên la. Người chết khó nhận hơn, vì đôi khi thấy một bóng đen nằm sõng soài trên mặt đất tưởng là binh sĩ tử trận, nhưng đến gần mới biết người đó còn sống, và chưa lấy lại đủ bình tĩnh. Chúng tôi bị chết bốn, bị thương năm. Quan trọng nhất là cả thiếu tá tiểu đoàn trưởng cũng bị một mảnh ở đầu gối trái. Máu ra ướt hết ống quần, và căn cứ vào hầm răng cắn chặt, khuôn mặt đanh rắn lại của ông mỗi lần chúng tôi nhẹ nhẹ khiêng ông đi chỗ khác, tôi đoán vết thương không nhẹ. Có thể xương gãy, hoặc vết thương khá sâu. Tôi và trung sĩ Sơn cố dìu ông vào hầm trung ương, thật chậm thật chậm. Hai tay thiếu tá quàng lên vai chúng tôi, và mỗi lần hầm răng ông cắn lại để ngăn một tiếng thét đau đớn, tim tôi cũng đau nhói. Tôi thương ông ta quá. Từ hai năm nay, tôi lái xe cho thiếu tá, và cách cư xử bình đẳng hòa nhã của ông khiến tôi coi ông như một ân nhân, hay hơn thế nữa như một người anh cả trong gia đình. Thấy mồ hôi rịn ướt cả

trán, và nước mắt sống chảy trên má ông, tôi lo lắng hỏi:

— Có nặng không thiếu tá? Có đau lắm không thiếu tá?

Có lẽ những câu hỏi lằng xằng của tôi làm cho ông bức, nhưng giọng ông vẫn cố ra vẻ bình tĩnh:

— Không sao đâu. Em cho tôi một ly nước.

Thằng Sơn lấy bị đông rót một ít nước vào cái ca nhựa đưa đến cho thiếu tá. Chúng tôi không dám cho ông uống nhiều khi ông bị thương. Tuy còn khát lắm, thiếu tá chỉ liếm môi chứ không đòi uống thêm. Tôi phụ cho anh thượng sĩ y tá rách ống quần tiểu đoàn trưởng, băng chặt chân trái ông bằng một thanh tre thẳng để khi di chuyển, khỏi động nhiều đến chỗ xương vỡ. Máu vẫn còn rỉ rỉ chảy, nhưng thiếu tá đã quen dần với sự đau đớn, bình tĩnh nhìn chúng tôi làm việc dưới ánh đèn nhấp nhem. Thiếu tá hỏi tên những người chết hoặc bị thương. Ông có vẻ xót xa khi nghe tin đại úy tiểu đoàn phó đã tử trận. Một trái đạn rơi trúng ngay hăm của đại úy... Những cái chết khác làm cho thiếu tá tỉnh táo hơn. Khi chúng tôi băng bó cho ông xong, dường như thiếu tá đã quên hẳn mình bị thương. Giọng nói của ông trở nên bình thường, nghĩa là thật trầm thật mạnh. Ông phân nhiệm phòng thủ đề chờ sáng, căn dặn trung úy Đính và trung úy Tiêu các việc phải làm. Tôi định ra khỏi hăm chỉ huy cho bớt

nóng, thì thiếu tá giữ lại:

— Em ở đây với tôi.

Tôi sung sướng xem đó là bằng chứng lòng ưu ái hiếm hoi nơi một vị chỉ huy nổi tiếng nghiêm khắc lạnh lùng như thiếu tá. Trong khi ông tiếp tục bàn luận công việc ngày mai với hai trung úy, tôi lấy mền kê sau lưng ông cho ông được thoải mái hơn, xếp xuôi cái chân bị thương của ông theo chiều dài giường bố. Ông khẽ chau mày một chút, ngừng thảo luận, nhưng sau đó đã gạt đầu cảm ơn tôi. Thiếu tá bảo trung úy Đính:

— Gắng liên lạc với tiểu khu một lần nữa xem sao!

Trung úy hỏi:

— Có cần báo cáo thiếu tá bị thương không? Trong đó nghe tin nhất định phải cho médevac ra ngay.

Sau một lúc ngần ngừ, thiếu tá nói:

— Không cần. Miễn là họ tiếp tế đầy đủ đạn dược, và cho pháo binh không quân yểm trợ tối đa. Mình đủ sức chống đỡ cho đến lúc viện binh tới.

Trung úy Đính đi khỏi, thiếu tá lại tiếp tục bàn việc với trung úy Tiêu.

Nửa giờ sau, trung úy Đính hỏi hỏi trở vào cắt ngang câu chuyện hai người:

— Có tiểu khu gọi gấp. Họ muốn nói chuyện thẳng với thiếu tá.

Thiếu tá cố vươn người lên với lấy ống liên hợp. Mặt ông nhúu lại đề lẳng nghe cho rõ, hoặc đề xác nhận một điều chưa tin lắm. Tôi theo dõi sự thay đổi của nét mặt ấy, thấy nó biến đổi từ bờ ngỡ sang bức bối, và từ bức bối chuyển thành tuyệt vọng. Thiếu tá cố nói thật lớn, thật hối hả :

— Nhưng... thưa đại tá, chúng tôi chưa hiểu rõ. Vâng, tôi nghe. Vâng, đó là lệnh. Nhưng... nhưng chúng tôi đủ sức chống giữ căn cứ này, miễn là... Vâng, vâng, đó là lệnh thưa đại tá. Vâng, ngay khi trời sáng...

Ông bỏ ống liên hợp xuống, hét mặt cau có đau đớn hơn cả lúc ông vừa bị thương nơi gối. Không ai trong chúng tôi dám mở miệng hỏi câu muốn hỏi. Sự im lặng thật ngọt ngào. Cuối cùng, chính ông nói :

— Tiểu khu ra lệnh bỏ căn cứ. Hừ, di tản chiến thuật... Có trời mới hiểu tại sao !

Tiếng nổ phá hủy số đạn được vật liệu còn bỏ lại trong căn cứ cho địch khỏi dùng đồng thời cũng là hiệu lệnh khởi hành. Trong năm người bị thương, đã có hai người máu ra nhiều quá, chết trước khi trời sáng. Một người chỉ bị thương nhẹ ở cánh tay có thể đi được. Chỉ còn thiếu tá tiểu đoàn trưởng và một trung sĩ bị thương ở bụng phải nằm trên băng ca cho đồng đội khiêng đi. Tiểu đoàn lẳng lẽ rút khỏi căn cứ mà không có gì xảy ra. Chúng tôi vượt qua một khoảng đồng tranh

cao quá đầu người, nhờ thế việc đi chuyển khá dễ dàng. Tôi và một binh nhì khác khiêng băng ca thiếu tá đi ngay sau trung đội mở đường. Sau lưng, địch lại bắt đầu pháo vào căn cứ chúng tôi. Thiếu tá cười chủi thề :

— Đồ ngu. Cứ bắn cho đã đi các con.

Lâu lâu, trung úy Đinh chạy đến liên lạc với tiểu đoàn trưởng về hướng rút. Thiếu tá kéo tấm bản đồ ra trải trên bụng mình, chỉ hướng cho trung úy. Tôi nghe câu được câu mất, nhưng cũng biết là hiện có một chiếc tàu đang chờ chúng tôi ngoài biển. Chúng tôi phải len lỏi thế nào để vượt qua phòng tuyến địch, vượt qua quăng rừng núi rậm rạp này tới bờ biển an toàn. Do địa hình và vị trí địch, thay vì đi thẳng hướng Đông, chúng tôi lại hướng về phía Bắc rồi mới đổi chiều sang Đông. Qua hết vùng cỏ tranh, chúng tôi mới bắt đầu gặp trở ngại. Rừng rậm hơn. Đường dốc gồ ghề. Khiêng băng ca thật khó khăn. Đã thế, hình như địch đã biết vị trí chúng tôi, nên pháo địch cứ đuổi theo từng chặng. Đôi ba người đi chậm hay yếu ớt bắt đầu lạc đoàn, bị bỏ lại đằng sau. Thiếu tá thấy sự vất vả của hai chúng tôi, ngần ngại đề nghị :

— Thôi các cậu để tôi xuống đi bộ được rồi. Chỉ cần một người cho tôi vịn vai là đủ.

Cả hai chúng tôi đều từ chối, cương quyết từ chối. Đi thêm một đoạn nữa, leo lên dốc núi, cái băng

ca nghiêng quá đến độ thiếu tá phải bấu chặt lấy hai thành mới khỏi xuôi tuột xuống đất. Thiếu tá lại đề nghị lần nữa. Thấy không có cách nào khác, chúng tôi đành bỏ băng ca lại, và cả hai rón nâng bổng ông lên đi theo đoàn.

Vì đi chậm, càng ngày chúng tôi càng bị bỏ lại xa thêm về phía sau. Thấy chúng tôi đã mệt, vài binh sĩ xin công thiếu tá thay chúng tôi một lúc. Nhờ thế, chúng tôi bắt kịp tiểu đoàn trở lại. Pháo địch vẫn tiếp tục đuổi theo lúc chúng tôi bỏ rừng già băng qua một thung lũng trống khác. Hai bên thung lũng, là hai cái đồi cây lá um tùm hết sức khả nghi. Thiếu tá gọi trung úy Tiêu lại căn dặn cách phòng ngừa bắn sẻ. Tiểu đoàn đi chậm lại một chút, hàng ngũ thưa thớt ra. Qua khỏi con suối cạn đá nhọn, thì hạ sĩ Yên đã thờ dốc. Tôi thay hạ sĩ công thiếu tá ở chặng đường mới. Đi được vài bước thì tiếng đạn AK chóc chóc ngay trên đầu tôi. Mọi người nằm rạp xuống chờ cho im lại nhằm dậy chạy. Vì mất bình tĩnh, tôi lật bật mãi vẫn chưa đỡ được thiếu tá lên lưng. Hạ sĩ Yên phải nâng hộ tôi. Chúng tôi cố bước nhanh cho kịp theo đoàn nhưng đi được khoảng hai chục bước thì tiếng đạn địch lại bay vèo đây đó cùng khắp. Hình như tụi nó nhắm tôi mà bắn. Thiếu tá hiểu được tình thế bảo tôi :

— Em bỏ tôi xuống ngay. Tụi nó thấy em công tôi, biết tôi là sĩ quan chỉ huy. Bỏ xuống ngay không thì

chết cả hai.

Tôi chưa kịp làm gì, thiếu tá đã trụt vội xuống đất. Ông bẻ một cành cây vệ đường làm gậy tự chống đi một mình. Cái chân bị thương làm ông vướng vẹo, bước đi khó nhọc. Tôi và Yên lại phải đỡ vai ông, mỗi người một bên. Đạn AK và pháo địch mỗi lúc một dày hơn. Hình như chúng định cắt chúng tôi thành từng đoạn nhỏ rời rạc nhau. Vì đi chậm, năm người chúng tôi trở thành đoạn cuối. Chúng tôi dễ bị bỏ lạc giữa rừng, nếu địch tiếp tục bắn sẻ uy hiếp và thiếu tá không thể bước mau hơn. Tôi nghĩ đến điều đó, lòng thăm lo lắng. Cả hạ sĩ Yên cũng nghĩ vậy, nên hai chúng tôi nâng hăng nách thiếu tá lên, gằn như muốn xô sắp cho ông bước mau.

Một phát đạn AK làm cho Yên ngã ngục bên chúng tôi, không kịp kêu lên một tiếng. Tất cả chúng tôi nằm rạp xuống. Lúc choàng dậy, thiếu tá lết lại gần xác Yên, đồng dặc ra lệnh cho ba đứa còn lại :

— Thôi. Các anh đi đi. Cứ nhắm thẳng hướng Đông mà tiến. Nếu về được tiểu khu, các anh báo hiện thiếu tá đang ở tọa độ này, cho họ đem trực thăng vớt tôi lên.

Ông đưa bản đồ, lấy ngón tay ấn rách chỗ chúng tôi hiện dừng lại. Chúng tôi không còn cách nào khác. Tôi nói, không hiểu mình nói gì :

— Thiếu tá, thiếu tá...

Nhưng ông không trả lời, đưa tay chùi máu bên mép Yên, vuốt mắt

cho hạ sớ nhắm lại. Chúng tôi đi không đành, theo dõi cử chỉ của thiếu tá. Ông ngược lên, thấy chúng tôi còn đứng đó, đôi mắt đột nhiên trở nên giận dữ. Ông cố đứng dậy, một mình, cà nhắc đi ngược lại đường cũ. Chúng tôi hiểu ông muốn cho chúng tôi dứt khoát. Tôi nói thật lớn :

— Tụi em đi, thưa thiếu tá.

Không biết ông có nghe lời vĩnh biệt của tôi không, vì ngay khi ấy,

pháo địch bắt đầu nổ đòn. Chúng tôi cảm cở chạy về hướng mặt trời, bắt kê đá nhọn gai sắc hay đường đi gập ghềnh. Chạy được độ mười phút, tôi nghe sau lưng có một phát súng nổ đơn độc. Chúng tôi giật mình nhưng cứ liều chạy tiếp. Từ đó đến khi ra bờ biển, tâm hồn tôi hoang mang. Chân tôi như bước hụt vào hẫng hà sa số khoảng không, và trước mặt chỉ thấy nhọn nhọn toàn mây mù.

Vì, tôi biết lắm, phát súng cô độc ấy không phải là tiếng súng AK.

B. TRẠM QUA NGÀY

Hai chiếc xe trước đã bỏ quốc lộ rẽ xuống Vườn Xoài. Tôi cho xe mình chạy chậm lại, từ từ xuôi dốc để vào khu tạm cư. Thiếu úy Thanh ngồi bên cạnh lưu ý tôi :

— Chạy vào trong xa rồi hãy dừng. Chạy quá chỗ có lính gác đó. Hôm qua...

Ông ta nói chưa dứt câu, đã đập mạnh vào vai tôi : nhiều đàn bà trẻ con đi lững thững trước đầu xe không chịu tránh, xuýt nữa tôi đã đâm vào họ.

Tôi bóp còi, nhưng người đàn bà bỗng con vẫn thản nhiên chậm chạp bước, dáng đi nặng nhọc rã rời. Cảnh sát thời còi liên miên mới ngăn không cho đồng bào đến gần được ba chiếc GMC chở gạo. Tôi cho xe lách qua một hàng bàn học trò xếp ngang để chặn đồng bào không cho ừa vào nơi làm việc của ban cứu trợ tâm lý chiến tiêu khu. Lúc loay hoay quay đầu xe lại, thiếu úy Thanh mở

cửa nhảy xuống vào trường. Đóng ập cánh cửa nặng xong, ông mới nhớ mình quên mang theo cái micrô-pin Ông ta gọi tôi :

— Đưa tao cái micrô này.

Nhân tiện tôi xin phép :

— Em nghỉ được chưa thiếu úy ?

— Í đâu được. Phụ giúp cho bọn nó phát gạo cho xong rồi còn về sớm. Đến 4 giờ chiều mà chưa thanh toán xong ba xe gạo, kè như kệt,

Tôi nài nỉ :

— Lái xe mệt, thiếu úy. Thôi cho em làm ca sau đi.

— Được. Nhưng đừng đi xa. Coi chừng cái mạng mồm của mày.

Ông ta lại vội vàng vào trường học. Tôi nghiệp con công gió của tôi. Thiếu úy Thanh thân hình ốm nhách, cận thị khá nặng, nhưng có một sức khoẻ dẻo dai vô cùng. Tuy thế, sự kiên nhẫn của ông ta còn dẻo dai hơn cả sức khoẻ nữa. Hôm qua và hôm kia, ông ta bị hố

nặng. Một lần mang ban nhạc và mấy ca sĩ tình-lẻ-nửa-mùa đến giúp vui cho đại hội vừa di tản chiến thuật về, bị họ đuổi đi với những lời lẽ không mấy hoa mỹ. Dù mẹ lên Hoài - ân mà gõ trống. Đứng gõ ở đây điếc con ráy lắm. Vác gạo với tiền lương lên đây, đừng vác mấy bản mặt khó ưa đó lên đây làm gì. Thiếu úy Thanh đành phải cho mấy cô huấn đạo về trước, rồi chịu khó ở lại nghe thắc mắc của anh em binh sĩ. Cấp chỉ huy của họ hoặc đã chết, hoặc bị thương, nên không có ai đứng ra bảo đảm lãnh gạo cho đại đội. Ban tài chánh tiểu khu phải theo đúng nguyên tắc. Thiếu úy gật gù, chịu khó nghe chửi, và trước khi bước lên ca-bin vẫn còn hứa lèo là sẽ đứng ra bảo lãnh cho anh em được tiếp tế lương khô và tiền bạc.

Hôm qua đi tác động tinh thần một đại đội khác, lại bị dọa bắn bễ loa. Các cô gái không chịu nổi sự hăm hiu, khóc thút thít. Nước mắt đàn bà làm bùng dậy hào khí. Một anh lính nổi hứng bắn bễ một cái loa thật. Thiếu úy giận quá, nhưng hết sức bình tĩnh trở lại chỗ đám quân ngồi ngòn ngang chỉnh họ một thôi một hồi. Trở về xe, lại phải trò tài thuyết phục các cô huấn đạo.

Thế mà hôm nay, sau đôi kính cận thị dày, ánh mắt của thiếu úy vẫn lóe sáng niềm tin phơi phới, như thời cậu bé Thanh mới học làm thơ yêu đương.

Lúc nhảy xuống khỏi xe, tôi đã nghe cái giọng khàn đục của thiếu úy trên văn phòng trường. Ông yêu cầu cảnh sát chi khu giữ trật tự, loan báo cách cấp phát gạo cứu trợ. Cán bộ xã ấp đã lập sẵn danh sách gia đình tị nạn. Tiểu khu lần lượt đọc danh sách đó, cấp cho mỗi nhân khẩu hai ký gạo. Tuyệt đối không được chen lấn lộn xộn. Ai đã đọc tên đến lần thứ ba mà không lên lãnh gạo, coi như bỏ cuộc. Không được khiếu nại. Tôi nghi những lời dặn dò quá hợp lý này không đến tai người nghe, một phần vì cái micrô-pin kêu ù ù, một phần vì đám đông quá ồn ào.

Tôi vừa qua khỏi vòng bàn ngăn cách ủy ban cứu trợ và dân tị nạn, thì một nhóm đàn bà con nít bu quanh tôi. Nhiều câu hỏi dồn dập, tôi không nghe được gì vì giọng nói ở miền này hơi chát và xẵng. Một bà già đầy cô gái về phía tôi, thúc giục :

— Nói đi. Nói lên !

Cô gái khoảng 16, 17 tuổi, mặc quần đen và áo bà ba trắng hơi dơ bẩn. Eo áo thắt lại, đến độ mấy hàng nút dưới bụng muốn bật tung vì vải căng thẳng. Cô gái bị đẩy tới gần tôi, bẽn lẽn chùn chân lại, giọng nói hốt hoảng :

— Thôi mẹ nói đi. Sao mẹ không nói lại bắt con nói.

Bà lão gay gắt :

— Con chết bầm ! Tao già nói ai nghe. Đói nhần răng mà còn làm bộ

làm tịch. Mà có nói hay không ?

Tôi ngờ ngác, hỏi lại :

— Cái gì đó bà con ?

Cô gái đàn phải ắp úng :

— Mấy thím đây đều có chồng bị kẹt trên Hoài-ân. Hai lần lãnh gạo trước vì yếu chen không lọt nên không lãnh được gì hết. Mẹ tôi cũng vậy. Nhờ anh can thiệp cho lãnh trước.

Người mẹ đẩy con gái tới sát t ô hơn, tay làm điệu phân trần :

— Mấy ngày rày không được lãnh gạo, phải húp cháo đó em. Nhà ngang cửa dọc mà bây giờ xuống đây, phải ngửa tay xin từng lon gạo, nghĩ mà thảm. Nhờ em can thiệp cho lãnh trước.

Tôi nhảy qua dãy bàn, nói cho có chuyện để lảng tránh :

— Tôi chỉ lái xe. Việc phát gạo do mấy ông trong kia. Bác đến nói với cái ông mang kính cầm loa đó.

Nhóm đồng bào thất vọng bỏ đi. Thiếu úy Thanh đã khan giọng, nhường micrô lại cho trung sĩ Bích. Việc phát gạo bắt đầu. Hạ sĩ Ánh dùng lon đồ hộp xúc gạo đổ vào thúng, mủng, bao bố, bao cát, hoặc mũ nón của dân tị nạn. Công việc có vẻ thứ tự, điều hòa. Vài người bên dưới xì xào :

— Gia đình thằng hai Thính làm gì tới 9 nhân khẩu. Khai gian.

Một ông lão gạt phất :

— Kệ nó. Thời buổi chiến tranh,

ai được thêm chút nào thì nên mừng cho người ta. Biết đâu nay sống mai chết mà phân bì.

Tiếng xì xào nhỏ hơn, rồi im. Trên micrô, trung sĩ Bích hét đến lần thứ ba :

— Nguyễn Thị Bé đâu ? Tôi gọi lần chót. Gia đình Nguyễn Thị Bé. Nguyễn Thị Bé vắng mặt. Cho qua. Bây giờ đến gia đình Lê Cừm.

Một người đàn bà ôm đứa con, nút áo chưa kịp gài để lộ cả vú, từ ngoài xa hối hả chen vào. Trung sĩ hỏi :

— Chị là vợ ông Lê Cừm hả ?

— Không. Tôi Nguyễn Thị Bé.

Trung sĩ Bích gắt :

— Sao gọi đến lần thứ tư thứ năm rồi mà không lên tiếng.

Người đàn bà không tìm được câu gì biện hộ, chỉ nhắc lại.

— Tôi là Nguyễn Thị Bé. Tôi là Nguyễn Thị Bé mà.

Thiếu úy phải nhảy vào can thiệp :

— Thôi, cho người ta lãnh đi Bích.

Bà Bé giao đại đứa con cho người đàn ông lạ đứng cạnh, tự động chạy đến bên đồng gạo xúc đồ vào thúng của mình. Hạ sĩ Ánh nhắc :

— Mỗi lon hai kí. Gia đình chị 4 nhân khẩu, đóng đủ 4 lon.

Người đàn bà gặt đầu, nhưng khi xúc gạo, cố ý be thêm hai bàn tay ở hông lon cho lợi thêm. Nhiều tiếng la ó phản đối, nhưng bà Bé vẫn tiếp tục đóng lon thứ ba thứ tư

theo cách ấy. Một người đàn ông bắt tay loa la lớn :

— Có nhiều người khai gian nhân khẩu. Yêu cầu ủy ban làm việc cho công bình.

Người khác giục :

— Đọc nhanh nhanh lên. Gọi tên một lần, ai không lên lãnh kê như bỏ. Tối rồi !

— Mà việc phân phối chậm thật. Hơn một giờ đồng hồ, mới chỉ phát được nửa xe. Quá bốn giờ chưa xong, không cách nào qua đèo kịp về Qui-nhơn. Thiếu úy cứ chốc chốc nhìn đồng hồ, bàn tay vừa lau mồ hôi trán vừa bứt mảng tóc phủ xuống mắt kính. Thấy trung sĩ Bích nhủ mày mãi không đọc nổi tờ giấy đánh máy mù mờ, thiếu úy dẫn lấy :

— Đưa cho tao. Đồng bào nghe đây. Đề cho chóng xong, đồng bào phải im lặng. Tôi đọc tên gia trưởng hai lần, ai có mặt phải đưa tay lên cao cho tôi thấy. Ai chậm trễ, tuyệt đối không được khiếu nại.

Những người đến nhận gạo sau 4 giờ chiều, coi như bỏ cuộc. Ông Trần Đình. Ông Trần Đình đâu ?

Đám đông bắt đầu sốt ruột, hét lên :

— Thắng tư Đình đâu, lên lãnh mau. Gần hai giờ rồi mà chưa xong được xóm Đông.

Việc phát gạo điều hòa được 15 phút, rồi lại trục trặc. Vì man khai. Gia đình bốn nhân khẩu khai dối thành mười bốn. Đã thế, nét mặt

chị ba Liễu lại hiu hiu tự đắc thái quá. Chắc là cây thế cây thần. Tiếng la ó mỗi ngày một lớn hơn. Một người bảo :

— Họ khai gian, lãnh hết phần của mình.

Một người khác nói :

— Gần ba giờ rồi. Xóm mình nhất định không lãnh được.

Rồi như có hẹn nhau từ trước, đám đông ủa qua dãy bàn, nhảy đại lên hai chiếc GMC gạo. Vài phát súng chỉ thiên không làm chùn bước được ai. Những người đàn ông mạnh bạo nhảy thót lên xe trước, xô từng bao gạo xuống đất. Người ta bối rối, không tìm ra cách nào mở nút bao. Nhưng không lâu sau, sáng kiến lóe lên. Những con dao nhỏ tằm trâu được mang ra, rạch ngay giữa bao gạo. Sau đó dân tị nạn chen nhau, dày xéo lên nhau để xúc từng nắm gạo trộn lẫn đất cát bụi bặm.

Tất cả chúng tôi đều bất lực, đành đứng ra xa nhìn vào. Cô gái bẽn lễn lúc này đang dướn người bám vào khung xe của tôi để leo lên. Nhưng cô ta thấp quá. Một anh con trai đến ôm ngang hông cô ta xốc lên. Cô gái bám được vào thành xe. Anh con trai dùng hai bàn tay đẩy mông cô gái. Cô ta ngã chúi vào trong xe gạo, trong khi anh con trai đứng cười nham nhở. Từ đó, đám đàn bà lần lượt đẩy từng bao gạo xuống để tranh nhau cướp. Họ còn nhanh tay hơn cả đàn ông nữa. Cô gái lúc

này tuy mảnh khảnh nhưng thật khỏe, từ trên xe xô từng bao gạo xuống đất. Cái áo trắng của cô ta đã bật gần hết nút, giờ cả da bụng trắng và cái xu-chiêng loại rẻ tiền.

Một cặp vợ chồng già ôm thúng đứng bên gốc xoài đang ló quờ, miệng mếu máo vì sợ hết phần. Bà lão định xông vào đám đông cướp gạo nhưng biết rõ sức già của mình nên còn ngần ngại. Còn ông lão thì chân tay quờ quọo lảng xảng. Hạ sĩ Ánh thấy tội nghiệp quá, chạy lại giật cái thúng trong tay người vợ già, phóng người vào đám đông. Người cảnh sát đến phân trần với thiếu úy :

— Đành chịu. Mấy ngày nay, lúc nào phát gạo cũng vậy cả. Họ khiếu nại đủ thứ. Các ông tới giờ thì được về. Còn tụi tôi ở lại chịu trận.

Thiếu úy hỏi :

— Sao danh sách gian lận tùm lum vậy. Ai lo kê khai nhân khẩu?

Người cảnh sát định trả lời nhưng đột nhiên lúc ấy đứa bé đứng cạnh đường nôi khóc lớn. Thằng bé độ bảy tuổi, quần áo rách, mặt đỏ gay vì nắng, nhem nhuốc mồ hôi lẫn bụi

bặm. Người cảnh sát than :

— Lại thằng quỷ này nữa. Khóc bắt điếc con ráy.

Trung sĩ Bích hỏi :

— Con cái nhà ai đấy?

— Nó lạc mất cha mẹ. Chắc còn kẹt trên đó, hay đã chết trên đồng Du Tụ. Ba bốn ngày nay nó cứ khóc rống như thế hoài. Đầu tiên người ta còn thương hại cho ăn. Sau ai cũng đâm chán, bỏ mặc kệ.

Nói xong, người cảnh sát đến gần đứa bé hét :

— Nín. Tao bảo nín.

Đứa bé vẫn khóc. Có lẽ nó còn hét to hơn trước. Người cảnh sát có lẽ trên với chúng tôi, hét lớn hơn :

— Tao bảo nín. Nín không?

Thằng nhỏ không vâng lời. Bực quá, người cảnh sát rút súng đeo bên hông đưa lên trời bắn ba phát. Tiếng súng dội vào vách núi, nghe chẳng khác nào tiếng đại bác từ xa, thật xa, vọng về. Thằng bé nín thình, nhưng đám đông chỉ ngần ngại một chút rồi lại tiếp tục tranh giành.

(còn tiếp)

NGUYỄN MỘNG GIÁC

ĐÃ PHÁT HÀNH

CHIẾN CA MÙA HÈ 72

Thơ PHẠM-LÊ-PHAN — PHẠM-DUY phổ nhạc

— Gồm 18 bài ngợi ca Tình Người trong Quê Hương Máu Lửa và Nước Mắt.

Giá : 120đ.

Lúa chết bên xác người

Thơ ĐÔNG-TRÌNH

Quê hương ta mùa về bông lúa rợp,
Thôn xóm yên vui trăng thắm môi cười.
Bông sáng nay dưới bàn chân của giặc,
Vườn ruộng tan hoang, lúa rụng rơi bởi.

Người bỏ nhà bơ vơ tìm đất sống,
Khói lửa vây quanh sự nghiệp một đời.
Người gục ngã lên nhau, trong tiếng súng,
Bên lúa vàng hạt máu vẫn còn tươi.

Những suối người, ôi suối người suối máu,
Đổ về đâu giữa đất nước điêu tàn ?
Vợ lạc chồng, con mất cha, ông bỏ cháu,
Sóng núi ngậm ngùi trong tiếng khóc than !

Chiều hôm nay bên xác người xác lúa,
Quân xâm lăng chiếm đất dựng cắm hờn.
Giữa tro than người lên ngôi bạo chúa,
Chiến công này tổ quốc sẽ ghi ơn !

Quê hương ta oán thù cao với núi,
Bởi máu đã khơi nguồn nước mắt xanh sông.
Lịch sử ta bốn ngàn năm sáng chói,
Lê-Lợi, Quang-Trung bất khuất kiêu hùng.

Chiều hôm nay một mình tôi xuống phố,
Đau đớn nhìn em đứng khóc bên đường.
Lá bông xôn xao trong từng cánh gió,
Trong mắt em buồn giọt tủi còn vương.

Tôi đã thấy qua lệ mờ của mẹ,
Một quê nhà đã bốc cháy sau lưng,
Tôi đã thấy qua lời nguyện của chị,
Đồng lúa xanh và mùa hội tung bưng.

Tôi đã thấy qua những dòng nước mắt,
Hạt giống nứt mầm trở mộng nhú lên.
Tôi đã thấy trên hoang tàn đổ nát,
Hàng cây xanh lá rụng trút ưu phiền,

Em về, và mưa

Thơ ĐÌNH NGUYỄN

Cho Yên Chi

Rồi từ đó em về
Mưa ngoài hiên giọt nhỏ
Chiều ngoài ô gác trọ
Thuốc anh cháy đỏ thềm thì
 Thôi em về, em về
 Vai nghiêng vào mưa trắng
 Thêm một ngày qua đi
 Chùm lá đơm trĩu nặng

Thôi em về, em về
Tình yêu như kỳ hạn
Nghe lòng nhau lặn dần
Chiều nhỏ giọt pha lê
 Thôi em về, em về
 Nhìn em ngoài cửa sổ
 Dưới đèn vàng cuối phố
 Xin hôn em môi nhỏ muôn phần

Cầm tay em không nói
Cho nhau hạnh phúc buồn
Anh cúi xuống hư không
Đêm ngoài vang tiếng gọi
Trong veo như lệ ngân

Mai này

Thơ VŨ-HỮU-ĐÌNH

tặng Trần đình Quân

Mai này núi cũng như sông
Chào anh trong cuộc tao phùng người ta
Gieo trong gió mới đậm đà
Cái vui chung cuộc níu ta giữa đường
Nỗi niềm dưới raộng trên nương
Đất đai cùng thổ — cây vườn cùng đi
Núi sông mừng tuổi dậy thì
Cô em ngày cũ còn si bướm vàng ?
Mai này trồng cây hoàng lan
Mấy dây thiên lý một giàn su xanh
Hoa mướp vàng nở giữa hồn anh
Chắc bên hàng xóm có mình cũng vui

Sách mới đúng chương trình 1972-1973

Nhà xuất bản TRÍ ĐĂNG đã phát hành :

Bộ sách QUỐC VĂN căn bản dành cho lớp SÁU, BẢY của NGUYỄN TĂNG CHƯƠNG giáo sư P. Trương Vĩnh Ký.

- ▼ LUẬN VĂN và VĂN PHẠM lớp Sáu tái bản và cập nhật hóa
- ▼ LUẬN VĂN và VĂN PHẠM lớp Bảy tái bản và cập nhật hóa
- ▼ GIẢNG VĂN và TRẦN THUYẾT lớp Sáu chương trình đổi mới
- ▼ GIẢNG VĂN và TRẦN THUYẾT lớp Bảy chương trình đổi mới

Quý vị giáo sư dạy các lớp liên hệ đều được tặng bản đặc biệt với phần dành riêng cho giáo sư. Xin liên lạc tại 21 Nguyễn Thiện Thuật Saigon 3.



Một chuyện tình thế-kỷ 20

Năm 1894 là năm mà xứ Anh-cát-lợi nhìn tương lai với cặp mắt đầy hy vọng. Thật vậy nhìn vào nền kinh tế người ta thấy sự thịnh vượng và trù phú rõ rệt hơn bao giờ hết. Nhìn vào đời sống chính trị người ta thấy « Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng » Đế quốc Anh vững chắc, hải quân Anh hùng mạnh. Nữ-hoàng Anh Victoria tuy 75 tuổi và trị vì được 57 năm vẫn còn khỏe mạnh để đảm đương việc nước. Ngai vàng của bà được bảo đảm hơn nữa khi mà Hoàng-thái-tử Albert Edward, 52 tuổi, và Hoàng-thái-tôn George 29 sẵn sàng chờ đợi nối ngôi.

Ngai vàng của Victoria lại càng vững chắc thêm khi Nữ Quận-công York, vợ của Hoàng-thái-tử George sinh hạ được một Hoàng-nam kháu khỉnh, nặng 4 ký, trước sự chứng-kiến của Bộ-trưởng Nội-vụ Asquith. Toàn dân Anh đều mừng rỡ chia vui cùng với Hoàng gia, vì ai cũng tin rằng vị Hoàng-nam này sẽ tiếp nối cái sự nghiệp vẻ vang của Nữ-hoàng Victoria và sẽ có một cuộc đời vương giả không sóng gió như tất cả các vị quốc-vương Anh trong một chính-thể quân-chủ đại-ngự. Duy chỉ có một dân biểu xứ Ecosse thuộc phe cực-tả tên là Keir Hardie đã tuyên bố trước Hạ-viện rằng: « Người ta có thể tin là đứa bé sơ sinh này sẽ trị vì đế-quốc Anh rộng



Quân công Windsor

lớn. Nhưng thật ra chúng ta không thể biết rằng vị hoàng-thân này có đủ khả năng để đảm đương những trách nhiệm này hay không. Ngay từ thuở nhỏ hoàng-thân sẽ được giáo dục theo truyền-thống, sẽ được gửi đi công du khắp trên thế giới và sẽ cưới vợ « trắc thất » (morganatique). Và rút cục lại thì nước Anh lãnh đủ.»

Lời của Kier Hardie không ngờ đã là lời tiên tri, đúng một cách kỳ lạ. Vì chỉ trên nửa thế kỷ sau vị hoàng thân nhỏ bé này đã làm náo động cả thế giới vì một cuộc tình duyên đẹp nhất của thế kỷ 20.

Bảy thánh bảo trợ,
ba vua đỡ đầu...

Ngày 23-6-1894, hồi 10 giờ sáng, tại Richmond Park, cách kinh-thành

Luân-đôn 15 cây số, Nữ Quận-côn (York, vợ của Hoàng-thái-tôn George mãi nguyệt khai hoa. Vị hoàng nam vừa ra đời được đặt tên là Edward, Albert, Christian, George, Andrew, Patrick, David. Vì vậy cậu được hưởng sự bảo trợ của 7 vị thánh Thiên - Chúa - giáo. Tên chính của cậu là Edward và những người thân cận trong gia đình gọi cậu là David.

Vì đứng hàng thứ 3 trong thứ hạng được nối ngôi, nên lễ rửa tội của David được cử hành hết sức trọng thể. Nữ-hoàng Victoria đích thân bồng cậu chặt tới Thính-đường Westminster để cho Tổng Giám-mục Canterbury làm lễ. Trong số 12 cha và mẹ đỡ đầu cho cậu người ta thấy có 3 vị quốc vương là Nữ-hoàng Victoria, Quốc-vương Đan-mạch và Quốc-vương Wurtemberg. Ngoài ra Thái-tử Nga Nicolas, (sau này trở thành Nga-hoàng Nicolas II), Thái-tử Anh, Hoàng-hậu Đan-mạch, Hoàng-hậu Hy-lạp v..v.. cũng nhận làm "bố" và "mẹ" của David.

Trong những bức hình chụp vào dịp này người ta chú ý nhất tới bức ảnh "tứ đại đồng đường" trong đó Nữ-hoàng Victoria héo tốt ngồi bên David trên lòng. Đứng đằng sau bà là Thái-tử Anh Albert Edward (sau này thành Anh-hoàng Edward VII) và Hoàng-tôn George (sau này thành Anh-hoàng George V) là ông nội và cha của David. Nhìn bức ảnh này ai cũng phải ngợi khen sự phúc đức của Hoàng-gia Anh.

Sự phúc đức này còn lớn hơn nữa khi mà liên tiếp mấy năm sau, David có thêm 4 em trai và một em gái. Nữ-hoàng Victoria còn trị vì được thêm 7 năm nữa để biết mặt các chất khác là Albert (hay Bertie, sau này là Anh-hoàng George VI) Mary và Henry.

Trong 7 năm đầu, cuộc đời thơ trẻ của David trôi êm đềm trong khung cảnh của lâu đài Sandringham bên bờ sông Wash cách Luân-đôn 190 cây số. Lâu đài này là một thế-giới thần tiên, đầy thơ và mộng, tọa lạc trên một khu đất rộng trên 200 mẫu tây có rừng rậm, có thảm cỏ, có hồ nước với những con thiên-nga trắng muốt đứng đỉnh bơi lội.

Ít khi về Luân-đôn, David đã sống tại Sandringham giữa đàn em và đám gia nhân. Cha mẹ cậu, suốt ngày ít gặp mặt các con vì luôn luôn phải tiếp khách khứa, dự các lễ lạc. Sự giáo-dục của David và Bertie (sinh năm 1895, kém David một tuổi) được trao cho một vị Thái-phó tên là Hansell, học vấn uyên-bác nhưng không có tư tưởng độc-đáo. Ngoài ông Hansell, một thị-vệ tên là Finch cũng được chỉ định để hầu cận anh em David. Finch là một anh-hùng của quân-đội Anh nên mới được vinh dự này.

Ngoài Hansell và Finch người ta còn thấy các vị giáo sư người Pháp và Đức được tuyển dụng để huấn luyện cho các vị Hoàng-nam. Sự giáo-dục của David và Bertie được đặt trong khuôn khổ của các truyền thống cổ

điền. Người ta cố ý biến David thành vị quốc-vương của chính-thề quân-chủ lập-hiến. Ngay từ khi chấp chững biết đi, David đã biết dơ tay chào mạnh dạn như một ngự-lâm-quân thực thụ.

Đời sống cung điện khiến cho anh em David không bao giờ được gặp những đứa trẻ cùng tuổi nên họ thiếu ý chí tranh đấu, đấu óc ganh đua. Ông Hansell hiểu như vậy nên cố xin với Quận-công York tồ-chức những cuộc tranh tài giữa các hoàng-nam và những đoàn túc cầu của các trường học. Nhưng những trận đấu này không được hào hứng vì người ta đã dàn xếp sẵn đề cho anh em David luôn luôn thắng. Quận công York còn nhất định không chịu gửi con vào các trường vì sợ các hoàng-nam của ông sẽ trở nên bình dân quá.

Năm 1901, khi David lên 7 tuổi thì Nữ - hoàng Victoria băng hà. Ông nội của cậu lên ngôi lấy hiệu là Edward VII. Cha của David trở thành Đông cung Thái-tử và David tiến thêm một bước nữa về phía ngai vàng. Với địa vị Hoàng-thái-tôn mới mẻ, David được người ta kính trọng thêm. Nhưng cũng vì địa-vị mới mà David bị gò bó hơn trước. Ông Hansell vẫn tiếp tục dạy học đủ mọi môn, nhưng thêm vào cả môn chính trị và kinh tế. Các mệnh-phụ trong triều được triệu vào dạy đàn, nhạc, vũ, ca. Công chúa Mary, mẹ David, còn dạy con đan cả khăn quàng bằng tay để

học bình tĩnh. Sau này việc đan len đã giúp cho David giữ được đầu óc tỉnh táo khi dự các cuộc hành quân trong Đệ-nhị Thế-chiến.

Năm 1907, khi David 13 tuổi, cha cậu quyết định gửi cậu vào theo học ngành Hải-quân. Vì nước Anh là một nước hàng-hải nên các hoàng-thân đều theo binh-chúng này. Bước chân vào trường Hải-quân Osborn, David lần đầu tiên tiếp xúc với những đứa trẻ cùng tuổi. Lúc đó cậu mới biết rằng những kiến-thức của quan Thái-phó Hansell truyền cho chỉ có tính cách từ-chương nên không thể áp dụng được tại quân trường. Cuối mỗi tam-cá-nguyệt là một lần David đau khổ đưa học-bạ về cho cha ký. Trong năm đầu, kỳ nào David cũng bị đội sỏ. Nhưng trường Hải-quân là một trường dạy làm người. Tại đây David tuy là hoàng-thân mà vẫn bị các khóa đàn anh « ộp ». Chúng lôi cậu ra, lấy mực đỏ nhuộm tóc, kê đầu cậu vào cửa sỏ hạ cánh cửa xuống như một cái máy chém. Ngay cả những lúc này, David cũng không mất đầu óc khôi hài vì khi bị cánh cửa sỏ sập vào cổ, cậu đã liên tưởng tới Anh-hoàng Charles I bị dân Anh chặt đầu vào hồi Cách-mạng thế-kỷ thứ 16.

Hai năm sau, vì đã hoàn tất học-trình tại Osborn, David được chuyển tới trường Hải-quân Darmouth. Tại đây tuy kỷ-luật còn gắt gao hơn ở Orborn, và đời sống vật chất vẫn khắc khổ, nhưng vì là sinh-viên si-

quan nên David được coi như người lớn. Vì vậy cậu được quyền uống mỗi tuần một hộp rượu Whisky và được lương 1 shilling để tiêu vặt. Năm sau cậu còn được nguồn an ủi là Bertie cũng cùng vào một trường. Sau 4 năm thụ-huấn, mộng của David là tốt nghiệp Chuẩn-úy.

Nhưng David không được toại nguyện vì tháng 5-1910 hai anh em David và Bertie được lệnh trở về Luân-đôn gấp để đưa đám Anh-hoàng Edward VII, ông nội của hai cậu. Sau cái chết của ông nội, cha của David lên ngôi lấy hiệu là George V, và David tuy chưa được phong làm Đông-cung thái-tử nhưng cũng đã đương nhiên trở thành nhân vật số 2 của Anh quốc.

Trở lại trường Hải-quân, David được đối đãi khác hẳn trước. Các bạn đồng-khóa luôn luôn nhìn cậu bằng cặp mắt tò mò kiêng nể. Nhất là một tháng sau David được chính thức phong làm Vương-tước Galles (Prince of Wales), tức là chính-thức được hưởng nghi-vệ của một vị Hoàng thái-tử.

Để chuẩn-bị cho David nối ngôi, ông Hansell cho phép David được đọc 3 tờ báo Times, Morning Post, và Westminster Gazette hầu biết rõ các khuynh-hướng chính-trị khác nhau. Nhưng sau khi bàn cãi với Hội đồng tư-vấn, Vua cha ra lệnh cho cậu ngưng đọc hai tờ Morning Post và Westminster Gazette vì hai tờ này có những tư tưởng cấp tiến.

Tháng 5-1911, sau 4 năm huấn luyện David sửa soạn ra chuẩn-úy thì có lệnh trở về Luân-đôn dự lễ đăng-quang của Vua cha. Tuy chết cả cõi lòng vì phải từ bỏ Hải-quân, David vẫn cố gắng đóng vai Thái-tử một cách trọn vẹn. Khi ngồi trên cỗ xe ngựa cõ kính vàng son tới Thánh-đường Westminster dự lễ, mấy cậu em nhỏ ham chơi cứ đưa tay giật áo choàng và kiếm của David. Nhưng David vẫn bình tĩnh miệng tươi cười, tay phải vẫy tay chào dân chúng và tay trái đánh các em.

Thái tử hộp đêm

Giã từ Hải-quân, David chỉ còn một niềm an ủi là sau này nếu lên ngôi, cậu sẽ đương nhiên được phong làm Thủy-sư Đô-đốc. Trong khi chờ đợi, David phải theo cha mẹ vào ở Điện Buckingham uy-nghi. David từ trước tới nay quen sống trong khung cảnh thiên-nhiên của lâu đài Sandringham hay ở lâu đài Windsor nên không chịu được nơi gò bó trang trọng của Hoàng-cung Buckingham, nơi mà luôn luôn cậu ngửi thấy mùi ẩm mốc.

Sau lễ đăng-quang của George V, lại tới lễ tấn phong Thái-tử của David. Trong lễ này David phải mặc quần bó ống và áo choàng bằng hàng sa-ten trắng, khoác lên cổ khăn choàng nhung đỏ viền lông thú, chân đi tất dài đến đầu gối và đeo kiếm. David cực lực phản đối «trò cười» này vì cậu tự hỏi các bạn cậu trong Hải-quân sẽ nghĩ gì khi họ thấy cậu trong

bộ y-phục "vô lý" như vậy. Hoàng-hậu Mary, mẹ David, phải dò dành David : «Điện-hạ không nên bi-thảm-hóa như thế. Các bạn của Điện-hạ chắc chắn sẽ hiểu rằng địa-vị của Điện-hạ bắt buộc như vậy».

Năm 1912, Anh-hoàng George V quyết định gửi David theo học ở Viện Đại-học Oxford và đồng thời cho phép cậu được đi du - lịch vòng quanh thế-giới. Vì David vừa 18 tuổi nên được luật-lệ Hoàng-gia coi là đến tuổi trưởng-thành để có thể nối ngôi mà không cần Phụ-chính. Ngoài ra tuổi 18 còn cho David nhiều đặc quyền khác như được hút thuốc lá, được đi chơi một mình v.v...

Mùa xuân 1912, David bắt đầu du hành sang Pháp. Tại đây, suốt trong 4 tháng trời, cậu đã được người ta tiếp rước với rất nhiều cảm tình. Đây là lần đầu tiên mà David ra khỏi khung cảnh gò bó khô cứng của triều-đình Anh để tận hưởng cuộc sống nhẹ nhàng với những món ăn ngon, những bộ quần áo đẹp, những chai rượu quý, những cô gái Pháp duyên dáng nồng nàn. Không những nước Pháp cho David biết những lạc thú của cuộc đời mà còn cho cậu cả những tư tưởng khoáng đạt về chính-trị và xã hội.

Sau cuộc du hành sang Pháp, David được gửi sang thăm các quốc - gia thuộc khối Liên-Hiệp-Anh để thắt chặt sợi dây liên-lạc giữa các nước này với Anh-quốc. Đi tới đâu David cũng được hoan hô nhiệt liệt. Dân chúng

Gia-nã-đại, Úc, Tân-tây-Lan, Ấn-độ v.v.. đều nhìn vào David như một vị vua tương lai mang lại có những tư tưởng mới. Nồng nhiệt nhất có lẽ là người dân Úc. Khi thấy Thái-tử xuất hiện là họ ùa tới lôi David ra khỏi xe để kiệu lên vai rước đi. Người nào cũng muốn được sờ vào người Thái-tử mới chịu. Nhưng với bản tính thân thiện và chất phác, sờ vào người Thái-tử tức là họ vỗ đầu vỗ vai đến sưng u cả người. Nhiều bữa, David cùng với vị Đô-đốc tháp tùng trở về dinh Toàn-quyền, mình mẩy thâm tím, phải tắm bằng nước nóng. Ngoài các quốc-gia thuộc Liên-Hiệp-Anh, David còn đi thăm Nhật để chơi banh với Thái-tử Hiro Hito, tới Ai-cập hội-đàm với Quốc-vương Fouad v.v...

Các cuộc du hành này đã cho David một kiến-thức hết sức rộng rãi mà chưa có vị Hoàng-tử Anh nào có. Tới Ấn-độ, David gặp Gandhi và hiểu rõ nguyện vọng của một dân-tộc bị trị. Tới Nhật, David khâm phục ý chí cầu tiến của một nước nhược-tiểu đang vươn mình để lên hàng đại cường. Sang Mỹ, David hiểu rõ tinh thần dân chủ của một nước Cộng-hòa.

Tại Anh, David vẫn tiếp tục theo học ở Viện Đại-học Oxford nhưng với nghi vệ của một vị Thái-tử, David không có qui-chế của một sinh-viên bình thường. David không được ở chung với các bạn học cùng tuổi mà ở một biệt-thự riêng. Đi học với một đoàn tùy-tùng đông đảo nên David khó tiếp xúc được với bạn bè

một cách thoải mái. Thật vậy, tại Oxford, ngoài bồi hầu, cận vệ, Thái-tử David còn có hai viên Thủ-mã-quan (Ecuyers) là hai nhà quý tộc cũng lứa tuổi và một Sĩ-quan tùy-viên (Aide de camp).

Cuộc chiến-tranh thế-giới thứ nhất bùng nổ, David cố năn nỉ Vua cha để được tham gia chiến trận, nhưng George V một mực chối từ. Thái-tử phải đến xin riêng với Tổng-trưởng Quốc-phòng là Lord Kitchener, viện lẽ rằng mình dù có chết cũng còn những bốn em trai. Nhưng Kitchener vẫn không chịu, với lý do: « Nếu Thái-tử chết thì không quan trọng, nhưng nhờ ngài bị địch bắt sống thì sao? » Sau đó David được cử sang Pháp để tham chiến với lệnh cấm ra khỏi Tổng-hành-dinh. Nhưng nhiều lần Thái-tử trốn ra ngoài mặt trận tiếp xúc với quân lính Anh, Úc, Gia-nã-đại v.v.. nên được dân chúng đón tiếp với cảm tình nồng nhiệt. Tuy nhiên mỗi khi mặt trận mở rộng thì Bộ Quốc-phòng lại ra lệnh « di tản » Thái-tử nên trong suốt thời gian chiến tranh David chỉ được làm việc hành-chánh.

Khi chiến tranh chấm dứt, David trở về Luân-đôn, hiểu rõ tình-hình thế-giới và xã-hội nước Anh hơn. Lúc đó Thái-tử đã 24 tuổi, đã lăn lộn với mọi người trong các giai-tầng xã-hội, đã đi khắp thế giới nên đầu óc rất thẳng băng sáng suốt.

Trong 18 năm trời, từ khi chiến tranh chấm dứt năm 1918 cho tới khi

Phụ-vương băng hà năm 1936. Thái-tử sống một cuộc đời hết sức phóng-khoáng. Ông tiếp tục du hành trên thế-giới để học hỏi những tư-tưởng mới, tiếp tục đóng vai trò của mình trong các lễ-nghi nghiêm-trang thịnh-trọng. Nhưng mỗi khi nhàn rỗi thì David không bao giờ từ bỏ những thú vui mình ưa thích. Vì vậy mà người ta luôn luôn thấy Thái-tử trong các hộp đêm, trong các cao lầu tửu điểm sang trọng. Thay vì là đưa các quan khách đi săn thỏ, David ưa thích bơi lội, đi trượt tuyết. Thay vì là mặc áo đuôi tôm đi dự các cuộc đua ngựa, David thích đi gặt lúa với nông dân. Trong cuốn nhật ký của David người ta thấy có những cảm nghĩ sau đây về các lễ nghi chính thức: « Hôm nay dự tiếp tân khoản đãi Quốc-vương và Hoàng-hậu Đan-mạch, tôi phải khoác tay Thái-hậu, chúng tôi phải đứng nói chuyện với quan khách tới 11 giờ đêm. Những lễ-nghi này thật vô lý. Đây là một sự sa phí tiền bạc, thời giờ và sức khỏe ».

Tuy vậy David vẫn phải khép mình trước các gò bó của triều-đình Anh, vì Vua cha luôn luôn nhắc nhở rằng: « David, con không bao giờ được quên rằng con là một vị Hoàng-thái-tử của Anh-cát-lợi ». Khi thấy David cưỡi ngựa không được đẹp, George V đã triệu con trai vào quở trách hỏi sao không chịu theo gương Thái-tử Đức có dáng dấp đàng hoàng biết bao. Và sau đó mỗi ngày David lại phải bỏ ra hai giờ để học

nghệ thuật cưỡi ngựa, lên ngựa, xuống ngựa để sao cho có vẻ đường bệ, thanh tao.

Khi yên rảnh mãi không được, Anh hoàng đành phải để cho David sống cuộc đời phóng khoáng. Từ đó đời sống của Luân-đôn về đêm (London by night) luôn luôn có mặt Thái-tử. Thái-tử đi dự hết các buổi khiêu-vũ, các buổi trình-diễn kịch-nghệ, các dạ-hội và chỉ trở về hoàng cung lúc tờ mờ sáng cùng một lúc với anh hàng sữa đi giao sữa cho các nhà. Báo chí Mỹ đã đăng tải những dòng tít lớn: « Hoàng-thái-tử về cung cùng với anh hàng sữa ».

Nếp sống của Thái-tử nếu làm cho các vị lão thần trong triều chau mày khó chịu thì lại được dân Anh, nhất là giới thanh thiếu niên, nhiệt liệt tán thưởng. Ai ai cũng muốn giống như David. Thấy David rẽ ngôi bên trái, mọi người trên thế-giới đua nhau chải đầu với đường ngôi bên trái, vì từ trước người ta thường rẽ ngôi giữa. Một hôm đi săn gặp mưa, David gặp gấu quần lên. Thế là trên thế-giới theo thời trang mới mặc quần có gấu vén lên. Tại các nước trên thế-giới, người ta đua nhau mặc quần áo theo kiểu « Prince de Galles », tức là mặc bộ đồ cắt theo kiểu thể-thao bằng hàng vải lốm đốm đen trắng hay nâu trắng. Hàng vải này còn được gọi là hàng vải chân gà. Áo thì có đai sau lưng và đầu thì đội mũ « cát kết » cùng thứ vải với áo. Các cụ già Việt-nam thuộc lứa tuổi 20, vào các năm 1925-

1930, chắc hẳn hãy còn những kỷ-niệm đẹp đẽ này.

Trong khi các Hoàng-tử Bertie (sinh năm 1895), Harry (1900), George (1902), John (1905) và Công chúa Mary (1897) đã yên bề gia-thất, thì Thái-tử David vẫn còn lông bông sống độc thân, nay đây mai đó, hết viếng nước này lại viếng nước khác. Năm 1935 khi Hoàng-tử Harry là người cuối cùng trong gia đình cưới vợ, Anh-hoàng George V đã ngậm ngùi ghi vào nhật ký: « Ngoại trừ David, các con tôi đều đã yên bề gia thất. »

Nhà vua ngậm ngùi cũng có lý vì lúc đó Thái-tử đã 41 tuổi mà chưa tìm được người xứng đôi vừa lứa. Trong khi đó Hoàng-tử Bertie đã là cha của hai cô con gái Elizabeth 9 tuổi (Nữ-hoàng Anh hiện thời) và Margaret 5 tuổi.

Thật ra thì David, từ 4 năm về trước, đã gặp người bạn trăm năm rồi. Nhưng vì luật lệ Hoàng - gia không cho phép nên cuộc hôn nhân của ông chưa được thành tựu. Người bạn đời của David là bà Wallis Warfield Simpson kém ông 2 tuổi. Một ngày về mùa Đông năm 1931, Thái-tử David lúc đó đã 37 tuổi, cùng em là Hoàng-tử George được một người bạn mời đến săn chó sói ở Melton Mowbray thuộc vùng Leicestershire. Ông bà Simpson cũng được mời tham dự cuộc săn bắn này. Hôm đó bên ngoài trời rất lạnh, sương mù tỏa xuống bao phủ cảnh vật trong một bầu không khí âm

thấp. Bà Wallis Simpson vì không biết cưỡi ngựa lại bị cảm nặng nên phải ngồi bên lò sưởi cho ấm. Thấy bà ngồi một mình, Thái-tử David đã đến nói chuyện cho bà đỡ buồn. Câu đầu tiên của Wallis hôm hình nói với David là :

— Thưa Thái-tử, tôi rất tiếc là ngài làm tôi thất vọng.

— Sao vậy ?

— Vì tôi cứ ngỡ là Thái-tử Anh-quốc phải có những nét độc đáo hơn nữa.

Ít lâu sau trong một buổi tiếp tân của Triều-đình Anh, Wallis được dẫn tới trước ngài vàng đề triều bái Anh-hoàng và Anh - hậu. Đứng sau ngài vàng của cha mẹ, Thái - tử David ngăn người ngắm nghía Wallis trong bộ áo đại-lễ duyên dáng qui, một chân làm lễ triều bái. Từ đó Thái-tử luôn luôn sẵn đón bên cạnh Wallis và cuộc tình của hai người bắt đầu nảy sinh. Nhưng kết hôn với Wallis là một việc khó khăn vì nàng, trước khi lấy ông Simpson, đã từng lấy một viên sĩ quan Hải-quân. Sau 3 năm chung sống, Wallis đã xin ly dị và kết hôn cùng với Simpson, một doanh nhân khá giả. Nếu muốn lấy David thì Wallis lại phải ly dị một lần nữa, mà Triều đình Anh thì lại không chấp nhận người ly dị. Vì vậy mà vấn đề này đã kéo dài tới năm 1936 khi Anh-hoàng George V băng hà và David lên nối ngôi.

Tình yêu và ngôi báu

Cuộc tình duyên giữa Wallis và

David đã bắt đầu từ 5 năm về trước. Nhưng vì hồi đó David chỉ mới là Thái-tử nên vấn đề được coi như là những cuộc tán tỉnh làm cảm giữa một ông Hoàng trẻ đẹp và các bà các cô mà thôi. Người ta không ngờ rằng cuộc tình duyên này được David coi như một quốc sự.

Trong 5 năm trời, người ta luôn luôn thấy Thái-tử đi chơi với Wallis Simpson như hình với bóng. David luôn luôn thưởng thức tài ăn nói dí dỏm của Wallis. Vì là một cô gái Mỹ nên Wallis đã có những tư tưởng rộng rãi phóng khoáng. Gốc ở tỉnh Baltimore bên Hoa-kỳ, Wallis thuộc về giai cấp thượng lưu của xã-hội Mỹ. Tổ tiên của Wallis có người đã từng là anh hùng giải phóng Bắc Mỹ khỏi bạo quyền của nền quân-chủ Anh vào thế-kỷ thứ 18. Khi tranh đấu chống bạo quyền Anh, ông này đã tuyên bố một câu trứ danh : «Từ nay tôi không chấp nhận một ông Vua nào hết».

Ông không ngờ rằng 160 năm sau cô cháu năm đời của ông lại theo đúng gương ông mà lật đổ một vị vua Anh. Wallis không có một sắc đẹp nghiêng nước, nghiêng thành. Khi gặp David nàng đã 35 tuổi và đã có hai đời chồng. Nhưng chỉ vì ầu nói dễ thương lại có bộ óc thông minh lanh lợi, đáp ứng trôi chảy biết đủ mọi vấn đề nên được David hết sức yêu chiều. Đối với một người luôn luôn sống gò bó trong khuôn khổ vàng son nhưng khô khan như Thái-tử David, Wallis là một luồng

gió mới rào rạt thổi, là một cánh chim vui vẻ yêu đời, tung tăng ca hát. Vì vậy mà David đã đưa Wallis đi khắp nơi. Khi thì người ta thấy hai người mặc đồ tắm hồ hang ngồi trên bờ biển đảo Corse, khi thì người ta thấy họ mặc dạ phục tại Embassy Club hay tại khách sạn Dorchester. Wallis đã đưa Thái-tử tới dự những bữa tiệc sang trọng nhất thường thức những món ăn cầu kỳ nhất. Và thường thường khi đứng dậy là nàng phải chi tiền vì tuy Thái-tử giàu có nhưng theo đúng nghi - lễ không bao giờ có một đồng xu trong túi. Tục lệ của Hoàng-gia không cho phép một vị vương-giả có những cử chỉ quá bình dân là : trả tiền !

Thật ra thì cuộc gặp gỡ giữa David và Wallis không phải là một sự ngẫu nhiên. Trước kia Thái-tử có tán tỉnh lăng nhăng nữ bá - tước Thelma Furnesse, một người đàn bà gốc Mỹ lấy một nhà quý tộc Anh. Vì có việc phải về Mỹ, Thelma nhờ Wallis tạm săn sóc hộ David. Nhưng khi Thelma trở lại Anh quốc thì cuộc tình giữa Wallis và David đã trở nên đậm thắm đến mức Wallis dự tính bỏ chồng.

Hôn nhân của các Hoàng-thân Anh đều bị Luật năm 1772 chi phối. Muốn lấy vợ hay lấy chồng Hoàng-tử hay Công-chúa Anh đều phải được một đạo-luật của Quốc-hội cho phép. Nhưng vua Anh đương nhiên là thủ-lãnh của Giáo-hội Anh, mà Giáo-hội Anh lại cấm ly dị nên David khi làm vua không thể vừa làm thủ-lãnh của Giáo-hội Anh

vừa phá lệ-luật của Giáo-hội. Do đó Quốc-hội không thể nào cho phép David lấy Wallis được.

Tháng 1-1936 George V băng hà, David lên ngôi quốc - vương Anh, lấy vương-hiệu là Edward VIII. Tuy lên làm vua, Edward cũng cố gắng tiếp tục sống cuộc đời phóng khoáng như khi còn là Thái-tử. Vì vậy Edward đã thường hay vượt quá quyền hạn của mình. Khi còn là Thái-tử, Edward đi thăm các mỏ than ở vùng Galles sau khi cuộc khủng - hoảng kinh-tế thế - giới bùng nổ. Ông gặp một người thợ mỏ và hỏi : « Anh thất nghiệp từ bao giờ ? » Người đó trả lời : « Thừa Thái-tử từ 5 năm nay » và nhìn vào Thái-tử chờ đợi một câu an-ủi. Tuy thông cảm nỗi khổ cực của người thợ mỏ thất nghiệp nhưng Thái-tử không dám nói lên một lời nào tỏ lòng trắc ẩn, vì hễ nói câu gì thương xót cũng là gián tiếp chỉ trích chính phu rồi. Chuyện này đã luôn luôn ám ảnh Thái-tử David và ông tự hứa là sẽ làm một điều gì hữu ích hơn khi ông lên làm Vua. Vì vậy khi ông lên nối ngôi cha, Edward luôn luôn tìm cách tiếp xúc với dân chúng. Ông thường đội mũ quả dưa, tay xách dù đi bộ ra khỏi Hoàng-cung. Nhưng báo chí khắp nước Anh đã đăng hình này khiến các cận thần ông lại phải một phen điên đầu. Họ thường khuyên ông là nếu muốn được dân chúng tôn sùng thì vua nên xa lánh dân chúng vì càng gần gũi dân chúng, nhà vua càng mất tính cách thần

thánh thiêng liêng. Nhưng dù ai nói làm sao đi nữa Edward vẫn thấy khờ sớ khi phải di chuyển trong một chiếc xe hơi hiệu Daimler đồ sộ và sang trọng, đóng đặc biệt cho nhà Vua. Ông thường gọi chiếc xe này với giọng điệu cợt là cái « lâu đài Pha-lê ».

Khi khai mạc Quốc-hội lưỡng viện lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng vào tháng 10-1936, Anh-hoàng Edward lại phải đầu đội vương-miện lấp lánh kim-cương, tay cầm vương trượng, trên người khoác áo choàng nhung. Khờ tâm cho ông hơn nữa là bài « diễn văn của nhà vua » mà ông đọc lại do Thủ-tướng thảo trước và vua không được sửa đổi một chữ nào. Trong buổi lễ này điều mà Edward chú ý tới nhất là mùi băng phiến trên những bộ triều-phục của các vị lãnh chúa ở Thượng Nghị-viện.

Khi đi thăm những giới lao động, thấy họ khờ quá, Edward đã phải nói: « Phải làm một cái gì để cải thiện đời sống của họ mới được ». Nhưng ai cũng cho câu nói đó là Nhà Vua chỉ trích chính phủ không làm gì cho dân lao động. Bởi vậy Nội các thì bực tức vì bị vua chê bai mà đảng đối lập thì triệt để khai thác câu nói này để chất vấn chính phủ đã bỏ rơi thợ thuyền.

Giữa nhà Vua và Thủ-tướng một hố sâu càng ngày càng mở rộng. Thủ-tướng Baldwin, thuộc đảng Bảo thủ, thấy hành động của Quốc-vương quá thân dân nên sợ rằng địa vị của

mình sẽ bị lung lay vì cử-tri cũng như đảng Lao-động đối lập luôn luôn lấy Vua ra để chỉ trích đảng Bảo-thủ cầm quyền. Nếu để Edward tiếp tục trị vì thì Baldwin sẽ mất ghế Thủ-tướng, mà nếu Baldwin còn làm Thủ-tướng thì Edward khó trị vì theo ý mình. Một cuộc đụng độ bất buộc sẽ phải xảy ra và chỉ còn chờ cơ hội là bùng nổ.

Cơ hội bùng nổ là việc ly dị của Wallis Simpson. Nội vụ sẽ được đưa ra xử vào ngày 27-10-1936. Baldwin xin vào triều kiến Edward và yêu cầu nhà Vua ngăn cản không cho Wallis ly-dị. Edward từ chối vì nước Anh là một nước tự do, Wallis muốn ly-dị là việc của riêng cá nhân nàng. Nhưng Baldwin cho rằng nhà Vua không thể lấy một người ly-dị mà không phá lệ-luật của Triều-đình. Edward trả lời là nếu phải chọn giữa Wallis và ngai vàng, ông sẽ chọn Wallis. Nhưng trước khi đi tới biện-pháp quyết liệt là thoái vị, Edward cố gắng thương thuyết để vừa khỏi phải phản bội sứ mạng quốc vương vừa lấy được Wallis. Vì vậy Edward đề nghị là ông sẽ cưới Wallis như một « vợ trặc thất » (épouse morganatique). Như vậy có nghĩa là về phương diện pháp lý Wallis là vợ Edward, nhưng Wallis không những không được làm Hoàng-hậu mà các con của Wallis và Edward sẽ không có quyền nối ngôi.

Nhưng đối với Thủ-tướng Baldwin vấn đề hôn nhân của Vua chỉ là cái

cơ để loại bỏ ông vua cứng đầu này. Vì vậy mà Baldwin dọa từ chức và dàn xếp với Attlee, lãnh tụ đảng Lao-động đối lập, để ông này từ chối chức Thủ-tướng nếu nhà vua chỉ định ông để thay thế Baldwin. Ngoài ra nếu Edward muốn cưới Wallis thì cũng phải có sự chấp thuận, không những của Quốc-hội Anh, mà còn của Quốc-hội các nước trong khối Liên-Hiệp-Anh nữa. Được hỏi ý kiến, lần lượt Quốc-hội Gia-nã-đại, Úc, Tân-tây-lan từ chối không cho phép vua lấy Wallis. Nếu giữ nguyên lập trường thì Anh-hoàng Edward sẽ gây ra một cuộc khủng-hoảng chính-thề. Không biết làm sao hơn, Edward quay về cầu cứu mẹ là Thái-hậu Mary. Nhưng đối với Thái-hậu ngai vàng là một điều thiêng liêng, Edward không có quyền phản bội tổ tiên để thoái vị lấy Wallis. Chính Thái-hậu trước kia lấy George V, cha của David, cũng chỉ vì bần phận. Và Thái-hậu từ chối không chịu tiếp Wallis. Được hỏi ý kiến, Hoàng-đệ Bertie cũng cho rằng Edward phải từ bỏ Wallis để ở lại ngai vàng vì không những Bertie, với ý tưởng cổ-điển, cho rằng thoái vị tức là Edward trốn nhiệm-vụ, mà Bertie lại còn không muốn nối ngôi của anh nữa.

Không được ai ủng hộ, Edward đã sống những ngày cô đơn nhất trong đời vì chính cả Wallis cũng khuyên ông đừng từ bỏ ngôi Vua. Chỉ có dân chúng hết lòng ủng hộ nhà vua mà thôi. Trước cửa Điện Buckingham dân chúng tụ tập càng

ngày càng đông. Họ im lặng không nói một lời. Nhưng mỗi khi Edward xuất hiện là họ hoan hô và hát quốc ca "God saves the king". Biết như vậy, Edward cố thử một nước cờ cuối cùng. Ông xin chính phủ cho phép ông ra trước đài phát thanh để nói chuyện với dân chúng. Chính phủ từ chối vì nếu tại một nước dân-chủ Tổng-thống được nói chuyện trực tiếp với dân thì tại một nước quân-chủ lập hiến Vua không được hưởng quyền này. Hơn nữa diễn-văn của vua lại chỉ do chính-phủ thảo nên có nói cũng vô ích. Ngày 10-12-1936 Anh-hoàng Edward VIII ký chiếu thoái-vị, nhường ngôi cho em là Bertie với vương hiệu là George VI. Việc làm đầu tiên của George VI, sau khi lên ngôi, là phong cho anh làm Quận-công Windsor.

Không còn là Vua, Quận công Windsor được quyền ra trước đài phát thanh để từ biệt quốc dân. Bằng một giọng buồn rầu, ông nói rằng: «Tôi không thể tiếp tục mang gánh nặng của bần phận làm Vua nếu không có sự trợ giúp của người vợ mà tôi yêu».

Bài diễn-văn chấm dứt, Quận công Windsor đứng dậy nghiêng mình trước Bertie, giờ đã trở thành Vua để xin phép ra đi. Ông từ biệt điện Buckingham đầy mùi ẩm mốc để bước vào cuộc đời lưu đày ở Pháp.

Tháng 5-1937 thủ-tục ly-dị của Wallis được hoàn tất, Quận công Windsor làm lễ cưới Wallis tại lâu đài Touraine ở Pháp. Một vị mục-

sự có can đảm đến ban phước lành cho ông và Wallis đã không những là đuồi khỏi Giáo-hội Anh mà còn bị cấm trở về Anh-quốc nữa!

Từ đó David và Wallis sống một cuộc đời lang thang, nay đây mai đó. Nhưng luôn luôn sống bên nhau nên cuộc sống hồ hải này không làm cho họ buồn lòng. Năm 1939 khi cuộc Đệ-nhị Thế-chiến bùng nổ, David có xin phép George VI để trở về Anh tham gia cuộc chiến, nhưng tuy vẫn quý yêu người anh ruột mà Vua George VI vẫn không cho phép David trở về và chỉ cho giữ một chức vụ trong quân đội Anh tham chiến trên đất Pháp. Khi Pháp bị Đức chiếm, sự Quận-công Windsor trở về, Triều-đình Anh phải vời cử ông làm Thống-đốc đảo Bahama.

Khi chiến tranh chấm dứt, Quận-công Windsor nhất quyết không chịu trở về Anh khi nào mà Wallis còn chưa được Triều-đình công nhận. Tuy nhiên ông cũng trở về 2 lần để đưa đám Bertie vào năm 1952 và đưa đám Thái-hậu Mary vào năm 1953, nhưng lần nào ông cũng chỉ trở về có một mình.

Cách đây mười năm, Nữ-hoàng Elisabeth, cháu gọi ông bằng bác, đã cố tìm cách hòa giải ông với nước Anh. David và Wallis đã tới điện Buckingham dùng trà với Nữ-hoàng. Và 10 ngày trước khi Quận-công Windsor qua đời, nhân cuộc viếng thăm nước Pháp, Nữ-hoàng Elisabeth đã cùng Thái-tử Charles tới thăm

ông lần chót. Ngày 28-5-1972, Quận công Windsor, 78 tuổi, đã trút hơi thở cuối cùng tại một biệt thự thuộc khu Neuilly, ngoại ô Paris.

Trong di chúc ông ngỏ ý muốn được chôn ở bất cứ nơi nào trên thế-giới miễn là sau này Wallis cũng được chôn cạnh ông. Ông không muốn được nằm tại các lăng tẩm Anh nếu sau này không có Wallis nằm cạnh. Nữ-hoàng Elisabeth đã chiều lòng bác bằng cách cho đưa xác ông về chôn ở Frogmore trong vườn của lâu đài Windsor, gần kề mộ Nữ-hoàng Victoria, và đồng thời cho phép cả Wallis sau này cũng được chôn bên cạnh. Triều đình Anh đã ngưng hoạt động trong 15 ngày để thọ tang.

oOo

Một ông hoàng bay bướm, một ông vua có tư tưởng tiến bộ, Quận-công Windsor trước hết còn là con người đầy tình cảm. Ông không muốn đóng vai trò một ông vua từ tưng. Thành thực muốn phụng sự nước Anh, nhưng không vì bổn phận đối với quốc-gia mà ông chịu hy sinh hạnh phúc của cả đời mình. Quan-niệm này đã bắt ông phải trải qua một bi kịch đau thương nhất của con người. Giữa ngai vàng và tình yêu, David đã chọn tình yêu. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử thế-giới mà một ông vua từ bỏ ngai vàng để đi theo người yêu dấu. Vì vậy mà cuộc tình giữa David và Wallis là một cuộc tình đẹp nhất của thế-kỷ 20. Cuộc tình này còn đẹp

hơn nữa khi ta thấy họ chỉ là những nạn nhân yếu ớt của một chế-độ, của một trò chính trị phũ phàng. Nước Anh là tổ quốc của tự do, nhưng vua Anh lại là người có ít tự do nhất. Có lẽ vì cảm nghĩ như vậy nên từng đoàn, từng lớp thanh thiếu niên đã kéo tới trước quan tài Quận công Windsor để tỏ lòng thương tiếc ngậm ngùi.

Giờ đây trở về lòng đất tại Frogmore, nơi mà hơn 70 năm về trước, David đã cùng Bertie chạy nhảy vui

đùa dưới rừng thông rậm lá, trên những ngọn đồi rợp bóng cây hay bên dòng suối chảy róc rách, Quận công Windsor hẳn còn mang theo hình ảnh của một nàng Wallis nhí nhảnh năm nào. Giờ đây trong lâu đài Windsor hoang vắng cô liêu riêng chỉ còn một bà già Wallis trong bộ đồ đen tang chế sống cô đơn chờ ngày đi theo tiếng gọi của một ông Vua đã vì bà mà từ bỏ ngai vàng.

TỪ MINH

NHẮN TIN

Xin hoan hỉ báo tin cùng anh em bằng hữu khắp nơi :

Sau cơn đau dài, nay tôi đã bình phục và bắt đầu làm việc trở lại. Sau đây là những hoạt động gần nhất mà tôi đang thực hiện :

1.— Nhận làm chủ bút Bán nguyệt san *CHÍNH VĂN*, tờ báo chính trị xã hội văn nghệ, số 1 ra ngày 5-7-1972.

2.— Đầu tháng 8 sắp tới, sẽ cho phát hành *NAM-HÀ NHÃ-TẬP*, nguyệt san nghiên cứu và phê bình văn học.

3.— Cơ sở *GIAO ĐIỀM* sẽ cố gắng ấn hành mỗi tháng một tác phẩm. Tháng 7 tới đây, *GIAO ĐIỀM* sẽ gửi tới bạn đọc cuốn *VŨ TRỤ THƠ*, tập tiểu luận của Đặng Tiến viết về năm nhà thơ lớn : Nguyễn Du, Bà Huyện Thanh-Quan, Tản-Đà, Hàn-Mặc Tử và Đinh Hùng.

4.— Cùng các bạn lo xuất bản nguyệt san *THI ĐÀN NHÃ HỘI* chuyên về thơ. Nếu không gặp trở ngại, tập san chuyên về thơ này sẽ xuất bản vào khoảng tháng 9 sắp tới.

Tôi rất mong được đón nhận tin tức cũng như sự cộng tác, tiếp tay, ủng hộ. Mọi liên lạc, mong anh em bằng hữu cứ gửi về địa chỉ cũ :

TRẦN PHONG - GIAO

số 473/2 Hai Bà Trưng, Saigon 3

Liên lạc trực tiếp, mong anh em bằng hữu đến vào buổi chiều, vì buổi sáng tôi bận đi làm cho một Viện Đại Học.

Trung Cộng và Phi Châu

(tiếp theo trang 22)

(1963). Những liên hệ giữa 2 nước từ đó lại càng tăng cường và có vẻ dựa trên một căn-bản lý-tưởng : lý tưởng mác-xít. Cả 2 nước đều kêu gọi chống đế-quốc chủ-nghĩa, chống chế độ thực-dân cũ và mới và kêu gọi sự liên kết của Châu-Á, Châu Phi và Châu Mỹ la-tinh để thực hiện cách-mạng thế-giới. Năm 1969, Ngouabi tuyên bố Congo là một nước Cộng-hòa nhân-dân, dựa trên những nguyên-tắc của chủ - nghĩa Mác-Lê. Nhưng quan-hệ Trung-Cộng Congo không phải chỉ có vậy, mà còn chặt chẽ hơn nữa, vì cũng như trường hợp Tanzania, Bắc-kinh đã khéo đáp ứng đúng những nhu cầu phát triển của Congo. Sự viện trợ của Bắc-kinh tuy ít ỏi, khoảng 25 triệu cho vay không lời, trả trong 10 năm, tính từ 1970, nhưng rất hữu hiệu. Nó giúp Congo Brazaville xây dựng một nhà máy dệt (1966-1969), một xưởng đóng tàu đánh cá, một nông trại quốc doanh, một nhà máy thủy điện. So với viện trợ của Pháp là 10 triệu Mỹ kim và của khối Thị-trường chung là 50 triệu, khiến Brazaville vẫn ở trong khu vực đồng Franc, thì viện trợ của Trung Cộng có tác dụng làm cho Congo đỡ phụ thuộc vào các nước Tây phương.

Nhưng ở Congo Brazaville, đối với Bắc-kinh, những mục tiêu chính trị quan trọng hơn là những mục tiêu kinh tế. Cũng như nhiều nước Phi Châu khác, Congo có nhiều đảng phái và bệ lạc tranh quyền nhau. Chính trường

luôn luôn sôi động. Giữa 1968 và 1970, có tới 4 cuộc đảo chánh hụt. Vì thế cho nên những phe phái nắm chính quyền thường hay tìm sự ủng hộ của một ngoại bang. Bắc-kinh đang triệt để ủng hộ chế độ hiện hữu của Ngouabi và rất khó chịu về tình trạng không vững ổn đó. Bắc-kinh chủ trương thà ủng hộ một chế độ thân hữu đang cầm quyền, không cần biết nó đại diện cho lực lượng nào, còn hơn là ủng hộ những phần tử chống đối không chắc chắn. Một điều nữa ta cũng cần biết là Bắc-kinh bao giờ cũng phân biệt rõ ràng giữa việc thừa nhận và đặt quan hệ với các quốc gia Phi Châu với việc thừa nhận và ủng hộ các phong trào giải phóng Phi-Châu.

Vì triệt để ủng hộ chế độ Ngouabi nên Bắc-kinh đã gay gắt lên án tất cả những cuộc đảo chính từ năm 1968 mà Bắc-kinh tố giác là có bàn tay của Hoa-kỳ và của Liên-xô. Nhất là từ khi Congo Kinshasa (nay đổi là Zaire) do chính quyền thân Mỹ của Tổng-thống Joseph Mobutu kiểm soát đã tỏ ra thù địch với Congo như đã giúp cho một đội biệt-kích tấn công Brazaville vào tháng 3-1970, thì Trung-Cộng đã không ngần ngại gì võ trang cho xứ này. Năm 1971, một hiệp-ước viện-trợ quân sự được ký kết và Trung Cộng đã cung cấp cho Congo nhiều vũ khí hạng nặng và đưa hẳn các nhân viên quân sự Congo sang huấn luyện tại Trung-quốc.

Tóm lại, qua hai trường hợp điển

hình trên, ta thấy Bắc-kinh đang thi hành ở Phi Châu một chính sách vừa khôn khéo vừa thực tiễn, Bắc-kinh chỉ thực sự ủng hộ quốc gia Phi Châu nào có một đường lối cách mạng gần giống như đường lối của mình, rồi Bắc-kinh sẽ dồn mọi nỗ lực viện trợ cho quốc gia đó kiến thiết theo đường lối đặc biệt và theo nhu cầu an ninh của nước đó, để nước này có thể đương đầu với áp lực của các cường quốc khác dù là cựu mẫu quốc hay là các siêu cường (Nga-sô hay Hoa-kỳ) mà Trung Cộng gộp chung vào một danh từ "đế-quốc" (đế quốc thực dân, đế quốc tư bản hay đế quốc xã-hội). Sự viện trợ của Trung-Cộng gần như là không điều kiện, nhằm giúp các quốc gia đó giải quyết những khó khăn nội bộ để khỏi phát sinh ra những rắc rối chính trị mà ngoại bang sẽ lợi dụng để xen vào.

Vì thế cho nên các nước Phi Châu hợp tác với Trung Cộng không e ngại một sự can thiệp nào của Bắc-kinh vào công việc nội bộ của mình. Họ có cảm tưởng là nhận tiền Trung Cộng họ sẽ được làm theo ý muốn của họ, phù hợp với quyền lợi của dân tộc họ. Trung Cộng không dám ganh đua viện trợ với Nga-sô và Hoa-kỳ vì làm sao mà đủ lực ganh đua với các siêu cường đó. Nhưng sự viện trợ của Bắc-kinh cho những nước mà họ đã chọn lựa, có vẻ thấm sâu hơn, do đó mà thực tiễn và khéo léo hơn.

Trên một phương diện nào, âu đó cũng là một bài học cho những nước đi viện trợ, đừng đặt quá nhiều điều kiện và dùng quá nhiều áp lực đối với các nước được viện trợ.

VIỆT-PHƯƠNG

Giáo-sư NGUYỄN-VĂN-XUÂN *phát giác* :

CHINH-PHỤ-NGÂM

DIỄN ÂM TÂN KHÚC

của PHAN-HUY-ÍCH

— *Phát giác quan trọng tác phẩm cò mà các học-giả toàn quốc (Nam và Bắc) mong chờ.*

— *Chăm dứt một cuộc bút chiến kéo dài gần nửa thế kỷ.*

— *Biên khảo công phu.*

— *Trình bày những nhận định mới nhất về Văn-học và Văn-học-sử.*

— 500 bản có phụ bản chữ Nôm và Hán bày bán tại nhà Xuất bản LÁ-BỐI. Ở xa xin gửi bưu phiếu 300đ.000 sách được gửi bảo đảm đến quý vị. **Đề tên Ô. Võ-Thắng-Tiết, Lô O, số 121 Chúng-Cư Minh-Mạng Saigon 10.**

NASA đi về đâu ?

Sau chuyến bay của phi - thuyền Apollo 17, chương trình Apollo của Hoa - kỳ sẽ chấm dứt và chương trình không gian của nước này cũng sẽ trống vắng trong một thời gian.

Mục đích của chương trình Apollo là nhằm đưa người lên mặt trăng, và nó đã thành công rực rỡ. Mặt trăng huyền bí và thơ mộng ngày xưa đâu còn xa lạ gì với nhân loại nữa. Nếu mà các chuyến bay Apollo có còn được tiếp diễn thì nó cũng chẳng còn gây được ngạc nhiên và lôi cuốn được sự chú ý của mọi người. Cái thành ngữ «lên cung trăng» vẫn thường dùng để nói việc viễn vông không bao giờ làm được, nay đã trở thành lỗi thời và sắp biến mất hẳn khỏi ngôn ngữ thường ngày của đám quần chúng bình dân.

Chương trình Apollo sắp chấm dứt, các nhân viên của nó đã vội vã ra đi. Neil Armstrong, phi hành gia đầu tiên của nhân loại đặt chân lên mặt trăng đã rút lui khỏi cơ quan NASA từ hơn một năm nay và hiện là giáo sư về ngành kỹ - nghệ tại viện Đại - học Cincinnati. Đồng thời John Glenn, phi hành gia đầu tiên của Hoa - kỳ trong dự án Mercury cũng đã là một thương - gia ở tiểu bang Ohio. Gần đây nhất là sự ra đi của cha đẻ ngành không - gian Hoa - kỳ : bác - sĩ Wernher Von Braun.

Von Braun năm nay 60 tuổi, cái tuổi còn ở thời kỳ hoạt động đắc lực trong xã - hội Tây - phương. Ông ham mê ngành khoa học này từ thuở nhỏ, năm 12 tuổi

ông đã chế được các hỏa - tiễn thô sơ đầu tiên của đời mình, năm 21 tuổi đã ôm trong đầu dự - án chế tạo một hỏa - tiễn có thể phóng tới cung trăng. Von Braun là cha đẻ của các loại hỏa tiễn V₁, V₂ đã làm kinh hoàng dân Anh trong thế - chiến thứ hai. Khi Đức quốc - xã bại trận, ông đã lựa chọn đất dung thân là Hoa - kỳ vì cho rằng chỉ có quốc - gia này là đủ phương tiện để thỏa mãn chí hướng của ông sau này. Tháng 10 năm 1957, Nga phóng hỏa tiễn Sputnik. Von Braun và các cộng sự viên của ông nóng lòng ở đất Hoa - kỳ và sẵn sàng cho một cuộc thách đố. Họ làm việc thật hăng say trong hơn 10 năm trời và đạt được chiến thắng khi chiếc phi thuyền Apollo 11 đã đưa những phi - hành - gia đầu tiên của Hoa - kỳ và của nhân loại lên mặt trăng.

Von Braun sẽ rời cơ quan NASA để trở thành Phó Giám - đốc Công ty Fanchuk Industries. Người ta hy vọng đây chỉ là một chức vụ tạm thời của ông.

Vấn thạch trên mặt trăng.

Ngày 13 tháng 5 vừa qua, một vấn thạch lớn đã rơi vào mặt Nguyệt cầu. Vấn thạch có đường kính hơn 3 thước khi rơi vào mặt nguyệt cầu đã gây nên một hố sâu to gần bằng một sân đá cầu. Các nhà thiên văn cho rằng đây là thiên thạch lớn nhất rơi vào mặt trăng mà họ phát giác được từ trước tới nay. Sức va chạm mạnh tương đương với chừng 1.000 tấn thuốc nổ TNT.

Đây là một dịp may hiếm có cho các nhà thiên - văn địa - chất học. Người ta tính

rằng phải mất từ 10 đến 100 năm mới có một vẩn thạch kích thước như thế rơi xuống mặt trăng. Lần này các nhà Khoa học đã có được những con số chính xác do các địa-chiến kế từ trên mặt trăng gửi về. Họ hy vọng là sự va chạm mạnh mẽ đó sẽ cho ra những âm-ba đi sâu vào lòng mặt trăng và nhờ đó mà các cấu tạo ở trong lòng hành tinh này có cơ được phát hiện.

Trong vòng vài tuần tới, các kết quả chắc sẽ được công bố.

Chi tiết về các thành quả của Apollo 16

Điều làm hài lòng các phi hành gia trong chuyến bay Apollo 16 nhất là sự ngoạn ngoạn của chiếc Nguyệt-xa và việc chụp được những tấm hình tuyệt đẹp. Sau nhiều lần xử dụng, chiếc Nguyệt xa đã chứng tỏ là một chiếc xe toàn hảo, xứng đáng với giá tiền đắt nhất thế giới của nó. Việc xử dụng xe dễ dàng đến nỗi phi hành gia John Young đã nổi hứng lái xe chạy quá tốc độ và bị trung tâm kiểm soát ở dưới đất ra lệnh phải giảm bớt tốc độ. Các chuyên viên đã hoàn toàn đồng ý về chiếc xe của họ và trong chuyến bay Apollo 17 vào tháng 12 sắp tới đây chiếc xe lại được đem ra xử dụng mà không cần một sự sửa đổi nào. Để kỷ niệm chiếc xe yêu quý của họ, một bức hình thật đẹp đã chụp Duke lúc ông này đang cúi xuống nhặt một viên đá, cạnh ông là một hố sâu bờ hố lõ chỗ những lỗ nhỏ khác, phía bên kia bờ hồ là chiếc Nguyệt xa trắng xóa đang hướng chiếc an-ten lên trời. Người ta thấy rõ những bước chân của Duke in hằn trên nền đất xốp của mặt trăng.

Trong phi vụ Apollo 16, các nhà khoa học còn có những ngạc nhiên mà họ không tìm thấy ở các chuyến bay trước đó. Điều ngạc nhiên đầu tiên

là một từ-trường quá mạnh ở vùng bình nguyên Cayley nơi phi-thuyền đổ bộ. Trong phi-vụ Apollo 15 nhờ các từ-kế người ta đã biết từ trường ở những vùng đất cao sẽ mạnh hơn là ở những vùng đất thấp, nhưng không ngờ là nó lại mạnh đến như vậy: gấp từ 5 đến 10 lần mức trung-bình. Việc này củng cố thêm cho thuyết của nhà địa-chất-học Palmer Dyall cho rằng cấu-tạo của mặt trăng cũng giống như trái đất và từ-trường được sinh ra bởi một khối kim-loại nóng chảy đang chuyển động trong lòng hành tinh đang quay tròn. Điều bất ngờ thứ hai là việc nhặt được một viên đá lạ ở vùng Cao-nguyên Descartes. Viên đá này có mức phóng-xạ cao gấp 5 lần các viên đá nhặt ở vùng đất thấp trong chuyến Apollo 15, mặc dù là mức phóng xạ đó còn thấp hơn là các viên đá do Apollo 14 thu nhặt được. Các nhà khoa-học đã kết-luận là viên đá này chỉ có thể là và vẩn thạch xa lạ nào đó lạc loài đến nơi này.

Hơn nữa, các đất đá nhặt được ở nơi đổ bộ của Apollo 16 hoàn toàn khác biệt với các dự đoán của các chuyên viên. Người ta hy vọng tìm thấy ở đó các loại nham thạch và kết-tinh-thạch do núi lửa phun ra nhưng trong thực tế không có. Các loại đá ở đây hết sức đa dạng và nhiều loại người ta còn nghi ngờ đã do sự va chạm của các vẩn thạch vào mặt trăng gây nên. Tuy nhiên sự việc này không làm họ thất vọng trái lại họ còn hứng thú ở chỗ có thể nhờ vào sự đa dạng của các mẫu vật mà khám phá ra nhiều sự bí ẩn của Nguyệt-cầu hơn.

Mọi việc như chờ đợi ở Apollo 17 một cơ hội cần thiết cuối cùng.

Sách Lửa Thiêng

Chúng tôi đã nhận được những sách sau đây do nhà xuất bản Lửa Thiêng gửi tặng :

— Hiện tình kinh tế Việt-nam quyền I và quyền II của Nguyễn Huy. Quyền I: Hàm mỏ và Công kỹ nghệ dày 230 trang có đính kèm 1 bản họa đồ toàn khu kỹ nghệ Biên Hòa. Giá 360đ. Quyền II: Giao thông và Thương mại dày 170 trang với rất nhiều biểu đồ, bản đồ và hình vẽ. Giá 280đ.

— Địa-chấn-học nhập-môn của

Nguyễn Hải. Sách dành cho sinh viên chứng chỉ Vật lý Địa cầu I, Ban Khoa học, gồm 9 chương, dày 210 trang. Giá 350đ.

— Lịch-sử chính-trị và Bang giao quốc tế Thế giới hiện đại, Quyền II: giai đoạn từ Thế chiến thứ hai đến nay, của Hoàng Ngọc Thành. Sách dày 440 trang gồm 10 chương và 14 bản đồ. Giá 680đ.

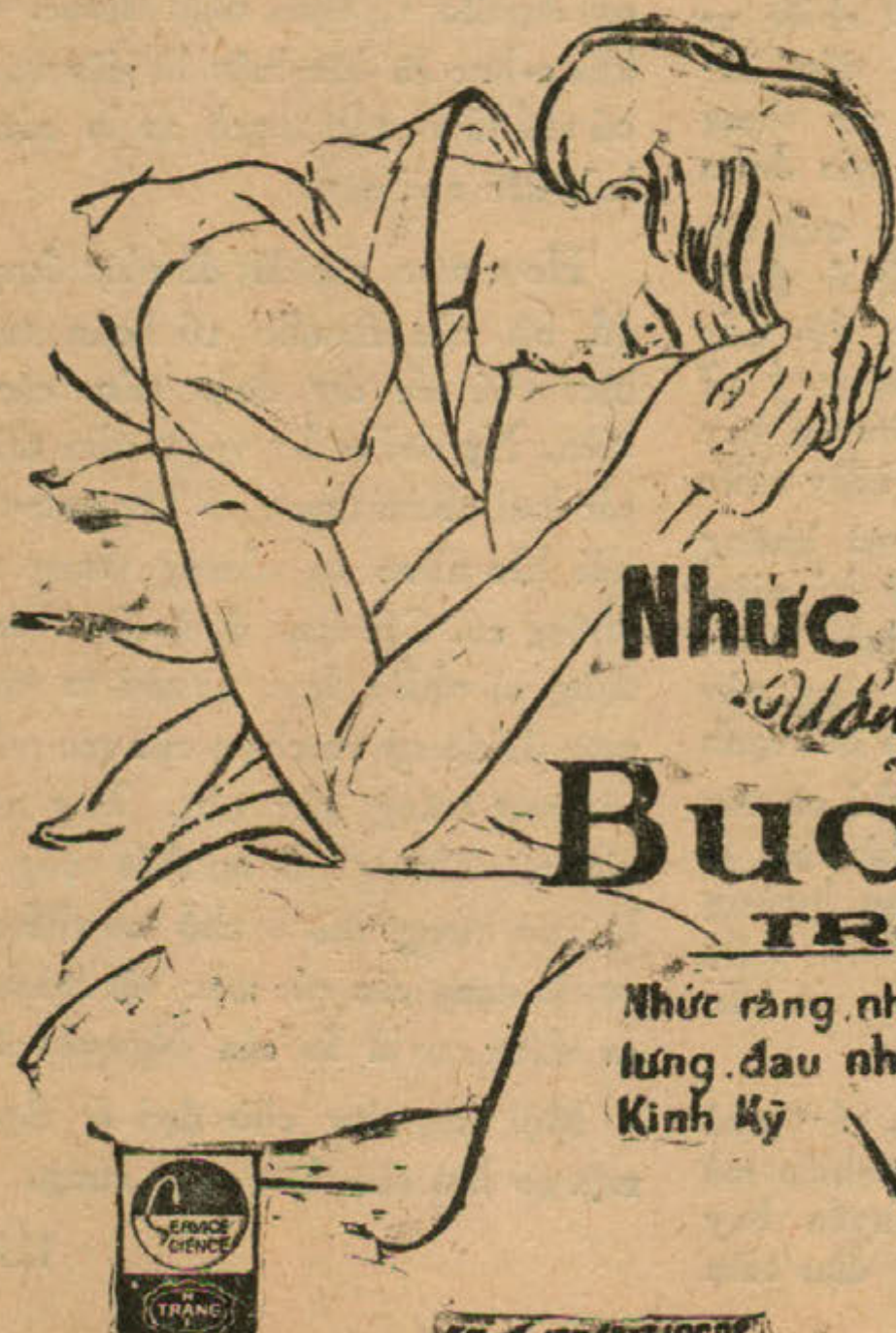
Xin trân trọng cảm ơn ông Giám đốc nhà xuất bản Lửa Thiêng.

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật, Tạp chí Bách-Khoa kỳ này phải gác lại một số bài và số mục thường xuyên: Truyện dài «Vào đời» của Nguyễn Mộng Giác, Thời sự văn nghệ, Thời sự Chính trị, Hộp thư v..v..

Cũng do đó một số sách chưa kịp giới thiệu, một vài quảng cáo không kịp đăng như đã hẹn với một số bạn, mong các tác giả và quý bạn đọc thứ lỗi cho.

Toà soạn BÁCH KHOA



Nhức đầu

đông

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau lưng, đau nhức lúc có Kinh Kỳ



120/51/000

MỤC LỤC THEO BỘ MÔN CỦA BÁCH KHOA

Từ số 361 đến số 372, từ tháng 1 đến tháng 6 năm 1972 (*)

Sự sắp xếp theo bộ môn dưới đây chỉ có tính cách hướng dẫn, giúp bạn đọc dễ tra cứu, bởi vậy nếu có những sai lầm trong sự phân loại, cũng mong bạn đọc lượng thứ cho.

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
BIÊN KHẢO - NGHỊ LUẬN			
CHÍNH TRỊ			
Từ dự kiến Trung tâm quyền lực đến mưu đồ tái phân trị Thế giới. — nt —	Phạm Việt Châu	367	09
Ý thức Maphilindo. — nt —	— nt —	368	09
Nđ. về cuộc tấn công của Cộng quân Nhân vụ Cộng quân lần chiếm Bình Định. Phong tỏa Bắc Việt và tương quan Nga Tàu	— nt —	371	15
	— nt —	372	09
	Phạm Chi Lăng	368	17
	— nt —	369	15
	Như Phong	370	09
Quốc-gia Bangla Desh. Anh quốc và khối Thị trường chung. Trung Cộng và Phi Châu. 1971 lũng củng nội bộ và đảo ngược liên minh.	Việt Phương	363	17
Cuộc Hoa du của T.T. Nixon. 67 năm bang giao Nga-Nhật. Hồ sơ Nga du của T.T. Nixon. Cuộc viếng thăm Nga xô của T.T. Nixon. Cuộc quanh chuyện Nga du của T.T. Nixon. Cơn lại-nồm mùa Hạ 72.	— nt —	371	35
	— nt —	372	18
	— nt —	361-	
	Từ Trì	62	09
	Từ Minh	365	09
	— nt —	366	09
	— nt —	369	09
	— nt —	370	15
	— nt —	371	71
	Tạ Chí Đại Trường	371	09
	Trần Đại	366	15
Thi cử bằng trắc-nghiệm. Nguyên cơ xuất nào. — nt — — nt —	Nguyễn Hiến Lê	364	09
	— nt —	365	23
	— nt —	366	23
Căn bản kinh tế học của Giáo dục.	Trần Ngọc Ninh	368	31

(*) B.K.T.Đ. số 361-362 (15-1-72)	B.K.T.Đ. số 367 (15-4-72)
	B.K.T.Đ. số 368 (01-5-72)
B.K.T.Đ. số 363 (15-2-72)	B.K.T.Đ. số 369 (15-5-72)
B.K.T.Đ. số 364 (01-3-72)	B.K.T.Đ. số 370 (01-6-72)
B.K.T.Đ. số 365 (15-3-72)	B.K.T.Đ. số 371 (15-6-72)
B.K.T.Đ. số 366 (01-4-72)	B.K.T.Đ. số 372 (01-7-72)

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số	
		tạp chí	Trang
Căn bản kinh tế học của Giáo dục	Trần Ngọc Ninh	369	23
— nt —	— nt —	370	23
Trở về nguồn để làm gì?	Nguyễn Gia Tường	365	17
Giáo dục cần được quan-niệm thế nào?	— nt —	367	18
<u>KHOA HỌC</u>			
Sinh dục và tiến hóa.	Phan Du	369	33
— nt —	— nt —	370	31
— nt —	— nt —	371	23
— nt —	— nt —	372	23
Nobel khoa học 71.	Võ Quang Yến	361	17
Cách thông đạt của loài cá,	— nt —	365	13
Chống hay chịu thuốc DDT.	— nt —	372	31
<u>Y HỌC</u>			
Kinh nghiệm tích cực để trị bệnh.	Đỗ Ngọc Ái	370	49
Các phương pháp nhịn ăn để trị bệnh.	Võ T. Thanh-Roàn	365	51
— nt —	— nt —	366	41
Khi trẻ sơ sinh có răng.	Trần Văn Tích	366	55
Cây Huê-xà.	— nt —	369	39
<u>KINH TẾ</u>			
Sự biến chuyển của đồng Mỹ kim từ 1934			
tới nay.	Từ Minh	364	31
Chuyện cổ-tích kinh-tế.	Thế Nhân	363	09
Kinh tế 72, Thực và Mộng.	Nguyễn Như	361	23
<u>NGHỆ THUẬT</u>			
Chung quanh khúc điệu Phạm Duy.	Georges E. Gauthier	363	39
Trường ca « Con đường cái quan » và	— nt —	367	37
« Mẹ V.N. » của Phạm Duy.	— nt —	372	37
Nghĩ về nghệ thuật Thái Thanh.	Thế Nhân	370	53
Nhạc cổ truyền miền Nam với nhạc sĩ			
Nguyễn Vĩnh Bảo ở Paris.	Tạ Ty	365	29
Nói về nghệ thuật tạo hình.	— nt —	366	33
— nt —			
<u>SỬ ĐỊA</u>			
Vài nhận xét về cuốn « Nguồn gốc Mã-lai	Bằng Giàng	371	43
của dân tộc V.N. » của ô. B.N. Lộc.			
<u>TIỂU SỬ — DANH NHÂN</u>			
Henry Kissinger.	Từ Minh	368	51

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
Quận-công Windsor (một chuyện tình) Mujib Rahman.	Từ Minh Việt Phương	372 364	63 37
VĂN HỌC — VĂN HÓA			
Chơi câu đối Tết. Đoạn chót của một cuộc phỏng vấn về Giải Thơ 71.	Toan Ánh Lê Phương Chi	365 369	35 43
15 năm văn học Miền Nam. Sinh hoạt văn học, nghệ thuật trong năm qua.	Nguyễn Mộng Giác	361	41
15 năm văn nghệ Miền Nam. Vài suy tư về phong trào về nguồn. Văn bằng-trắc.	Vũ Hạnh Võ Phiến	- nt - - nt -	31 39
Cúi chết của Kawabata. Quang Trung trên sân khấu V.N. Tam lịch và những giòng chưa đọc. Một Trung tâm sáng tác văn-nghệ.	Nguyễn Hiến Lê Lê Trung Hoa Thế Nhân Nguyễn Văn Xuân Cao Tiêu Hồ Hữu Tường	- nt - 366 369 365 363 367	53 39 75 41 81 23
— nt —	— nt —	368	23
XÃ HỘI			
Phụ nữ V.N. trong cộng-đồng dân-tộc.	Nguyễn T. Ngọc Thám	363	23
— nt —	— nt —	364	25
LINH TINH			
Làng Cờ Tướng V.N. hiện nay. Sự bắt diệt. Danh từ mới của Trung-hoa.	Lê Văn Đặng Trần Văn Kha Bình Nguyên Lộc	363 370 370	35 43 59
— nt —	— nt —	372	41
Ngày Xuân nói chuyện áo quần. Bàn về nghệ thuật sống dai.	Võ Phiến Vương Hồng Sển	364 367	17 45
— nt —	— nt —	368	39
Câu đối Tết Nhâm Tý.	Bảo Vân	361	136
Đồng họ Tam quốc ở Việt-Nam	Thiện Ý	- nt -	147
VĂN NGHỆ			
ĐÀM THOẠI — PHỎNG VẤN			
Phạm Duy và cuộc hội thảo « Âm Nhạc V.N. » tại Viện Đại học South Illinois.	Bách Khoa	361	137

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
Đàm thoại với Sơn Nam.	Bách Khoa	364	71
Đàm thoại với Ngô Thế Vinh.	— nt —	370	77
Phỏng vấn về giải thơ 71.	Lê Phương Chi	369	43
Tiếp theo cuộc phỏng vấn trên.	— nt —	370	82
Phỏng vấn nhà danh họa vẽ ngựa.	Hoàng Diễm Khanh	363	77
Phỏng vấn ô. Nguyễn Bạt Tụy.	Bùi Hữu Sung	371	53
<u>TÙY BÚT — HỒI KÝ — BÚT KÝ</u>			
Huế hồi sinh.	Phạm Văn Bình	372	43
Văn đoàn tình thoại.	Phan Du	361	77
Bách Khoa, nơi từ đó.	Trùng Dương	- nt -	73
Bách Khoa và người tù.	Hồ Hữu Tường	- nt -	67
Một chuyến đi Huế Quảng Trị.	Minh Quân	368	73
— nt —	— nt —	369	59
Hậu Úc-viên ký.	Mộng Tuyết	366	59
Đường lên Berlin.	Trần Lê Nguyễn Vũ	363	47
— nt —	— nt —	364	43
<u>TRUYỆN NGẮN</u>			
Mùa Xuân, một người nào.	Tống Châu Ân	364	63
Mùa Xuân bên ngoài.	Phạm Văn Bình	363	69
Canh bạc.	Doãn Dân	361	93
Một sáng ngậm ngùi.	— nt —	367	55
Mùa Xuân cho Bé Thơ.	Nguyễn Mộng Giác	363	55
Tên đảo ngũ.	— nt —	364	53
Màu xanh ảo giác.	Võ Hồng	361	87
Lửa cháy bên kia đằm.	Phạm Ngọc Lư	366	67
Mùa lạnh.	Định Nguyễn	365	63
Khu tiền chế 2.	Thái Minh Phương	370	69
Tiền sinh.	Vô Ưu	361	117
Một ngày cuối năm trên Cao-nguyên.	Trần Hoài Thư	- nt -	111
Chinh phụ bây giờ.	Lê Văn Thiện	365	57
Bình minh những quái nhân.	Yasutaka Tsutsui	365	73
<u>TRUYỆN DÀI</u>			
Vào đời (BK 367, 368, 369, 370, 371).	Nguyễn Mộng Giác	367	371
<u>THƠ</u>			
Nói với những mùa Xuân phía dưới.	Trần Huyền Ân	361	108
Cát rừng.	— nt —	365	69
20 năm thôi học.	— nt —	369	72
Mưa và nỗi chết ở An-Lộc.	Nguyễn Tiến Cung	370	67
Xuân xa.	Hà Vũ Giang Châu	364	69

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
Cảm đề « Hoa trắng » và « Bay nghiêng vòng đời »	Vũ Hoàng Chương	361	133
Gửi theo Tam Ích.	— nt —	— nt —	153
Tuổi trăng sầu.	— nt —	370	68
Xuân du.	Bùi Khánh Đản	361	134
Ngày Xuân thiêng.	Vũ Hữu Định	365	72
Trên đoạn đường quê em.	— nt —	370	75
Mai này.	— nt —	372	61
Mùa Xuân trở lại thành.	Lê Phổ Đức	361	134
Hương cau	Phạm Cao Hoàng	361	109
Hóa kiếp tôi	Đoàn Băng Hữu	365	71
Gió đêm	Trần Tuấn Kiệt	366	77
Quà Nô-en	Ngô Bá Li	361	154
Rượu nguồn cùng say.	Khánh Linh	363	66
Thơ	Viên Linh	363	67
Sao khuya	Tường Linh	367	60
Trên tờ — Mưa mùa tháng 5	— nt —	371	61
Lại một mùa Xuân sầu xứ	Hoàng Lộc	361	110
Nỗi buồn của mẹ	Trần Dza Lữ	368	78
Một cảnh chạy loạn ở Trị-Thiên	— nt —	369	64
Bài về thứ nhất	Đỗ Nghệ	364	68
Em về và mưa	Định Nguyên	372	61
Những sáng mai nào	Tô Hoàng Nha	366	79
Đợi chờ — Bóng gương	Nguyễn Hữu Nhật	371	62
Chiến tranh và nhà giáo	Lê Minh Ngọc	366	78
Bao la	Minh Quân	369	64
Tình ca	Phương Hoa Sử	367	62
Bài thơ gửi anh em Bách-Khoa	Phạm Tăng	361	155
Lúa chết bên xác người	Đông Trình	372	60
Giọt nước mắt mùa Xuân	Lê Văn Trung	365	70
Anh đã đi rồi	Tạ Ty	361	151
Giọt buồn	— nt —	367	61
Quà thơ	Hằng Vũ	369	74
<u>SINH HOẠT</u>			
Cuộc nói chuyện của nhà văn Bình Nguyễn Lộc	Thế Nhân	367	75
Thời sự thể giới (BK 364, 365, 367, 368, 369, 370, 371, 372)	Từ Minh		
Thời sự khoa học (BK 365, 366, 367, 368, 369, 372)	Tử Diệp		
Thời sự văn nghệ (BK 363, 364, 365, 366, 367, 369, 371, 72)	Thu Thủy		

NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỐI

Lô O số 121 Chung cư Minh Mạng Saigon 10

Giám đốc sáng lập: Nhất Hạnh

Mời đọc những tác phẩm mới:

☐ NÈO VÀO THIỀN HỌC

của Nhất Hạnh

☐ 10 KHUÔN MẶT VĂN NGHỆ HÔM NAY

của Tạ Ty

☐ VÔ MÔN QUAN

của Thiền sư Vô Môn, Trần Tuấn Mẫn dịch

☐ ĐỨC PHẬT GIỮA CHÚNG TA

của Bác sĩ Trần Ngọc Ninh

☐ NÓI VỚI TUỔI HAI MƯƠI

của Nhất Hạnh (tái bản lần VI)

☐ CHINH PHỤ NGÂM DIỄN ÂM TÂN KHÚC

của Phan Huy Ích — Nguyễn Văn Xuân phát giác

Mua sách tại LÁ BỐI được trừ hoa hồng. Luôn luôn bán các sách của các nhà xuất bản uy tín. Nhận gửi sách cho bạn đọc qua bưu điện. Xin hỏi thư mục, nhớ kèm tem. Thư đề Ông Võ Thảng-Tiết.